

HỒ THANH ĐIỆN (Chủ biên)
NGUYỄN VĂN CÁT

THIẾT KẾ BÀI GIẢNG
GIÁO DỤC CÔNG DÂN
TRUNG HỌC CƠ SỞ



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI – 2005



373 – 373 (V)

Mã số : ————— 02eGV/778/05

HN – 05

Lời nói đầu

Để hỗ trợ cho việc dạy, học môn Giáo dục công dân 9 theo chương trình sách giáo khoa mới ban hành năm học 2005 - 2006, chúng tôi viết cuốn ***Thiết kế bài giảng Giáo dục công dân 9***. Sách giới thiệu một cách thiết kế bài giảng Giáo dục công dân 9 theo tinh thần đổi mới phương pháp dạy học, nhằm phát huy tính tích cực nhận thức của học sinh.

Về nội dung: Sách bám sát nội dung sách giáo khoa ***Giáo dục công dân 9***, theo chương trình Trung học cơ sở gồm 18 bài. Ở mỗi tiết đều chỉ rõ mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, các công việc cần chuẩn bị của giáo viên và học sinh, các phương tiện trợ giảng cần thiết, dễ làm, nhằm đảm bảo chất lượng từng bài, từng tiết lên lớp.

Về phương pháp: Sách đã cố gắng vận dụng phương pháp dạy học mới để truyền tải từng nội dung cụ thể của bài học. Ở mỗi tiết học, tác giả còn chỉ rõ từng hoạt động cụ thể của GV và HS trong quá trình Dạy - Học, coi đây là hai hoạt động cùng nhau, trong đó cả HS và GV đều là chủ thể của hoạt động.

Chúng tôi hi vọng cuốn sách này sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích, góp phần hỗ trợ cho các thầy, cô giáo dạy môn Giáo dục công dân ở lớp 9 trong việc nâng cao hiệu quả bài giảng của mình. Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các thầy, cô giáo và bạn đọc gần xa để cuốn sách ngày càng hoàn thiện hơn.

TÁC GIẢ



Bài 1

CHÍ CÔNG VÔ TƯ

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS cần đạt được:

1. Kiến thức

- Hiểu được thế nào là chí công vô tư.
- Những biểu hiện của phẩm chất chí công vô tư.
- Ý nghĩa của chí công vô tư.

2. Kỹ năng

- HS phân biệt được các hành vi thể hiện chí công vô tư, không chí công vô tư trong cuộc sống hàng ngày.
- HS biết đánh giá hành vi của mình và biết rèn luyện để trở thành người có phẩm chất chí công vô tư.

3. Thái độ

- Ủng hộ, bảo vệ những hành vi thể hiện chí công vô tư trong cuộc sống.
- Phê phán những hành vi thể hiện vụ lợi, tham lam, thiếu công bằng trong giải quyết công việc.
- Làm được nhiều việc tốt thể hiện phẩm chất chí công vô tư.

B. PHƯƠNG PHÁP

GV có thể sử dụng các phương pháp sau:

- Kể chuyện, phân tích, thuyết trình, đàm thoại.
- nêu vấn đề, tạo tình huống, nêu gương, thảo luận nhóm.

C. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

- SGK, sách GV GD CD lớp 9.
- Tranh ảnh, băng hình thể hiện phẩm chất chí công vô tư.

- Ca dao, tục ngữ, chuyện kể nói về phẩm chất chí công vô tư.
- Giấy khổ lớn và bút dạ.
- Máy chiếu, đầu video (nếu có).

D. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ

- GV phổ biến nội dung chương trình một cách khái quát.
- Nhắc nhở việc chuẩn bị vở ghi, SGK.

3. Bài mới

<i>Hoạt động của GV và HS</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
-------------------------------	-------------------------

Hoạt động 1

GIỚI THIỆU BÀI

Chuyện về “Một ông già lắm cảm” gánh trên vai 86 năm tuổi đời với khoản lương hưu hai người cả thầy 440.000đ/tháng. Nuôi thêm cô cháu ngoại 7 tuổi, nhưng vẫn đèo bồng dạy học miễn phí cho trẻ nghèo, ông giáo làng Bùi Văn Huyền (còn gọi là ông Tuấn Dũng) nhà ở thôn Thái Bình, xã Đông Thái, huyện Ba Vì, Hà Tây đã, đang và sẽ mãi mãi mãi miết trả món nợ đời “Học được chữ của người và mang chữ cho người”.

- GV đặt câu hỏi: Câu chuyện trên nói về đức tính gì của ông giáo làng Bùi Văn Huyền?
- HS trả lời cá nhân.
- GV: Để hiểu được ý nghĩa của đức tính trên chúng ta học bài hôm nay.

Hoạt động 2

TÌM HIỂU NỘI DUNG MỤC ĐẶT VẤN ĐỀ

- | | |
|---|----------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> – GV cho HS tự đọc hai câu chuyện trong SGK (3 phút). – GV cử 2 HS có giọng đọc tốt, đọc lại 2 câu chuyện trên (3 phút). | I. Đặt vấn đề |
|---|----------------------|

- GV chia HS thành 3 nhóm (có thể nhiều hơn tùy sĩ số và điều kiện rộng, hẹp của phòng học).

Thảo luận những nội dung sau:

Nhóm 1:

Câu 1: Nhận xét của em về việc làm của Vũ Tấn Đường và Trần Trung Tá?

Câu 2: Vì sao Tô Hiến Thành lại chọn Trần Trung Tá thay thế ông lo việc nước nhà?

Câu 3: Việc làm của Tô Hiến Thành biểu hiện những đức tính gì?

Nhóm 2:

Câu 1: Mong muốn của Bác Hồ là gì?

Nhóm 1:

Câu 1: – Khi Tô Hiến Thành ốm, Vũ Tấn Đường ngày đêm hầu hạ bên giường bệnh rất chu đáo.

– Trần Trung Tá mãi việc chống giặc nơi biên cương.

Câu 2: Tô Hiến Thành dùng người là hoàn toàn chỉ căn cứ vào việc ai là người có khả năng gánh vác công việc chung của đất nước.

Câu 3: Việc làm của Tô Hiến Thành xuất phát từ lợi ích chung. Ông là người thực sự công bằng, không thiên vị, giải quyết công việc theo lẽ phải.

Nhóm 2:

Câu 1: Mong muốn của Bác Hồ là Tổ quốc được giải phóng, nhân dân được hạnh phúc, ấm no.

Câu 2: Mục đích mà Bác theo đuổi là gì?

Câu 3: Tình cảm của nhân dân ta đối với Bác?
Suy nghĩ của bản thân em?

Nhóm 3:

Câu 1: Việc làm của Tô Hiến Thành và Chủ tịch Hồ Chí Minh có chung một phẩm chất của đức tính gì?

Câu 2: Qua hai câu chuyện về Tô Hiến Thành và Bác Hồ, em rút ra bài học gì cho bản thân và mọi người?

- GV: Phân công các nhóm thảo luận.
- HS: Cử một em làm nhóm trưởng ghi ý kiến của nhóm.
- GV: Cho các nhóm trình bày.

Câu 2: Mục đích sống của Bác Hồ là “làm cho ích quốc, lợi dân”.

Câu 3: Nhân dân ta vô cùng kính trọng, tin yêu và khâm phục Bác. Bác luôn là sự gắn bó gần gũi thân thiết.

Bản thân em luôn tự hào là con, cháu của Bác Hồ. Sẽ không có ngôn từ nào để ca ngợi, để biết ơn, để kể hết được tình cảm của em và các bạn.

Nhóm 3:

Câu 1: Những việc làm của Tô Hiến Thành và Bác Hồ là biểu hiện tiêu biểu của phẩm chất chí công vô tư.

Câu 2: Bản thân học tập, tu dưỡng theo gương Bác Hồ, để góp phần xây dựng đất nước giàu đẹp hơn như mong ước của Bác Hồ.

- HS: Trình bày ý kiến của nhóm (Viết trên giấy khổ lớn).
- HS: Nhận xét ý kiến các nhóm.
- GV: Nhận xét và kết luận.

– GV: Kết luận chuyển ý.

Chí công vô tư là phẩm chất đạo đức tốt đẹp, trong sáng và cần thiết của tất cả mọi người. Những phẩm chất đó không biểu hiện bằng lời nói mà thể hiện bằng việc làm cụ thể, là sự kết hợp giữa nhận thức về khái niệm, ý nghĩa với thực tiễn cuộc sống.

Hoạt động 3

- GV: Qua thảo luận của HS, chúng ta tìm hiểu để rút ra khái niệm về chí công vô tư, ý nghĩa của phẩm chất này trong cuộc sống.

II. Nội dung bài học

1) Thế nào là chí công vô tư?

- GV: cho HS làm bài tập nhanh.
- GV: phát phiếu học tập cho cả lớp.

Câu 1: Những việc làm nào sau đây thể hiện đức tính chí công vô tư? Vì sao những việc làm còn lại không chí công vô tư?

- | | |
|--|--------------------------|
| 1. Làm việc vì lợi ích chung. | ☐ |
| 2. Giải quyết công việc công bằng. | ☐ |
| 3. Chỉ chăm lo lợi ích của mình. | ☐ |
| 4. Không thiên vị. | ☐ |
| 5. Dùng tiền bạc, của cải của nhà nước cho việc cá nhân. | ☐ |

- HS cả lớp làm việc.
 - HS: Trả lời cá nhân.
 - GV: Nhận xét và nêu đáp án đúng.
- Đáp án đúng:* 1,2,4
Đáp án sai: 3,5
- GV: Giải thích vì sao?
 - GV: Đặt câu hỏi cho cả lớp.
 - Câu hỏi: Thế nào là chí công vô tư?
 - HS: Tự do trả lời.
 - GV: Nhận xét kết luận.
 - HS: Ghi khái niệm vào vở.

- GV: Đặt câu hỏi cho cả lớp.

Câu hỏi: Ý nghĩa của phẩm chất đạo đức chí công vô tư?.

- HS: Tự do bày tỏ ý kiến cá nhân.
- GV: Nhận xét kết luận.
- HS: Ghi bài.
- GV: Cho HS liên hệ và từ đó biết cách rèn luyện đức tính chí công vô tư như thế nào.
- GV: (Nếu có máy) Chiếu câu hỏi lên bảng hoặc ghi vào tờ giấy khổ to.

Câu hỏi 1:

Những hành vi nào sau đây trái với phẩm chất chí công vô tư:

Chí công vô tư là phẩm chất đạo đức của con người, thể hiện ở sự công bằng, không thiên vị, giải quyết công việc theo lẽ phải, xuất phát từ lợi ích chung và đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân.

2) Ý nghĩa của phẩm chất chí công vô tư.

Chí công vô tư đem lại lợi ích cho tập thể và xã hội, góp phần làm cho đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

1. Giải quyết công việc thiên vị. ☐
2. Sống ích kỉ, chỉ lo lợi ích cá nhân. ☐
3. Tham lam vụ lợi. ☐
4. Cố gắng vươn lên thành đạt bằng tài năng. ☐
5. Che giấu khuyết điểm cho người thân, người có chức, có quyền. ☐

– HS: Trả lời tự do.

– GV: Nhận xét, đưa ra đáp án đúng.

Đáp án đúng: 1, 2, 3, 5.

Câu hỏi 2:

Em hãy nêu ví dụ về lối sống chí công vô tư mà em gặp trong đời sống hàng ngày.

– GV: Tổ chức cho HS trả lời theo nhóm.

– HS: Một nửa lớp trả lời ví dụ chí công vô tư.
Một nửa lớp trả lời ví dụ không chí công vô tư.

– GV: Ghi ý kiến của HS lên bảng theo 2 cột.

– HS: Trả lời cá nhân.

Chí công vô tư	Không chí công vô tư
– Làm giàu bằng sức lao động chính đáng của mình.	– Chiếm đoạt tài sản nhà nước.
– Hiến đất để xây trường học.	– Lấy đất công bán thu lợi riêng.
– Bỏ tiền xây cầu cho nhân dân đi lại.	– Bố trí việc làm cho con, cháu họ hàng.
– Dạy học miễn phí cho trẻ em nghèo.	– Trù dập những người tốt.

– GV: Nhận xét, kết luận.

- GV: Từ các ví dụ trên, chúng ta cần phải rèn luyện đức tính chí công vô tư như thế nào?
- HS: Thảo luận cả lớp.
- HS bày tỏ ý kiến cá nhân.
- GV: Nhận xét, bổ sung ý kiến.
- HS: Ghi bài.

3) Rèn luyện chí công vô tư như thế nào?

- Ủng hộ, quý trọng người có đức tính chí công vô tư.
- Phê phán hành động trái chí công vô tư.

- GV: Kết luận chuyển ý:

Để rèn luyện đức tính chí công vô tư, mỗi chúng ta cần có nhận thức đúng để phân biệt hành vi thể hiện sự chí công vô tư, không chí công vô tư. Cần có thái độ ủng hộ, quý trọng người chí công vô tư. Phê phán những hành động cá nhân, tham lam vụ lợi, thiên vị trong cuộc sống. Những hành vi này làm ảnh hưởng đến sự nghiệp xây dựng đất nước của chúng ta.

Hoạt động 4 **RÈN LUYỆN BÀI TẬP SGK**

- GV: Tổ chức cho HS luyện tập Bài tập SGK.
- GV: Chia lớp thành 2 nhóm.
- GV: Phát phiếu học tập cho mỗi nhóm.

Nhóm 1: Bài 2 SGK, trang 5 + 6.

III. Bài tập

Em tán thành hay không tán thành với những quan điểm nào sau đây? Tại sao?

- a) Chỉ những người có chức, có quyền mới cần phải chí công vô tư.
- b) Người sống chí công vô tư chỉ thiệt cho mình.
- c) Học sinh còn nhỏ tuổi thì không thể rèn luyện được phẩm chất chí công vô tư.
- d) Chí công vô tư là phẩm chất tốt đẹp của công dân.
- đ) Chí công vô tư phải thể hiện ở cả lời nói và việc làm.

Nhóm 2: Bài 3 SGK, trang 6.

Em sẽ làm gì trong mỗi trường hợp sau đây, giải thích vì sao?

- a) Em biết ông Ba làm nhiều việc sai trái, nhưng ông Ba lại là ân nhân của gia đình em.
 - b) Em biết ý kiến của bạn Trung là đúng, song ý kiến đó bị đa số các bạn phản đối.
 - c) Trong danh sách đề cử dự Hội nghị “Cháu ngoan Bác Hồ”, bạn Trang rất xứng đáng, nhưng một số bạn không đồng ý cử vì Trang hay phê bình các bạn đó khi các bạn có khuyết điểm.
- GV: Có thể tổ chức trò chơi “nhanh mắt, nhanh tay” khi thực hiện hoạt động này.
- HS: Các nhóm trả lời.
- HS: Trả lời nhanh, nộp phiếu học tập cho GV.
- GV: Đọc đáp án của HS.

- HS: Cả lớp nhận xét, bổ sung.
- GV: Nhận xét kết luận.
- HS: Chữa bài tập vào vở.

Bài tập 2

- Tán thành quan điểm d, đ.
- Không tán thành a, b, c.

Bài tập 3

HS trình bày suy nghĩ:
Phản đối các việc làm trên.

- GV: Cho điểm cao những HS có phương án đúng và có giải thích rõ ràng.
- GV: Kết luận chuyển ý.

Mỗi chúng ta phải có quan điểm, thái độ đúng đắn với phẩm chất chí công vô tư, để cùng mọi người xây dựng một nhà nước công bằng và hạnh phúc.

4. Củng cố

downloadsachmienphi.com

Hoạt động 5

CỦNG CỐ KIẾN THỨC

VÀ HƯỚNG DẪN HS CHUẨN BỊ BÀI Ở NHÀ

- GV: Tổ chức cho HS trò chơi đóng vai (nếu có).
- HS: Tự xây dựng kịch bản về 2 tình huống sau.
- GV: Đưa ra 2 tình huống:
 - 1) Ông An, một giám đốc liêm khiết, vô tư, công bằng.

2) Ông Mạnh, phụ trách của một cơ quan xây dựng, chuyên bòn rút của công, chiếm đoạt tài sản của nhà nước.

– HS: Các nhóm thể hiện tiểu phẩm của mình.

– HS: Cả lớp nhận xét, bổ sung.

– GV: Đánh giá, kết luận. Rút kinh nghiệm cho HS.

– GV: Giao bài tập về nhà.

1) Câu ca dao sau nói lên điều gì? Em có hành động như câu ca dao không?

*“Trống chùa ai vỗ thì thùng
Của chung ai khéo vấy vùng nên riêng”.*

2) Em có thực hiện được như câu danh ngôn sau của Bác Hồ?

“Phải để việc công, việc nước lên trên, lên trước việc tư, việc nhà”.

– GV: Hướng dẫn HS phương án trả lời.

– HS: Về nhà làm hoàn chỉnh bài tập.

Giáo viên tổng kết và kết luận toàn bài:

Trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước hiện nay, chúng ta cần có những con người có đức tính “chí công vô tư”, có như vậy tài sản của nhà nước, của nhân dân và sức lao động của con người mới được nâng niu, giữ gìn bảo vệ, không bị thất thoát, hư hỏng, không bị lợi dụng...

Học sinh chúng ta cần học tập, noi gương thế hệ ông cha có phẩm chất chí công vô tư. Quyết tâm rèn luyện đức tính chí công vô tư để xứng đáng là cháu ngoan Bác Hồ.

5. Dặn dò

- Làm tiếp bài tập ở lớp.
- Bài tập 1 SGK, trang 5.
- Chuẩn bị bài 2 (đọc trước).

E. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Những gương người tốt, việc tốt.
- Câu chuyện về danh nhân.
- Tục ngữ, ca dao, danh ngôn nói về chí công vô tư.

Tục ngữ: + *Nhất bên trọng, nhất bên khinh.*
+ *Công ai nấy nhớ, tội ai nấy chịu.*
+ *Luật pháp bất vị thân.*

Ca dao: “*Ai ơi giữ chí cho bền*
Dù ai xoay hướng đổi nền mặc ai”



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 2

TỰ CHỦ

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS cần đạt được:

1. Kiến thức

- HS hiểu được thế nào là tính tự chủ.
- Biểu hiện của tính tự chủ.
- Ý nghĩa của tính tự chủ trong cuộc sống cá nhân, gia đình và xã hội.

2. Kỹ năng

- HS biết nhận xét, đánh giá hành vi của tính tự chủ.
- Biết hành động đúng với đức tính tự chủ.

3. Thái độ

- Tôn trọng, ủng hộ những người có hành vi tự chủ.
- Có biện pháp, kế hoạch rèn luyện tính tự chủ trong học tập cũng như các hoạt động xã hội khác.

B. PHƯƠNG PHÁP

GV có thể sử dụng kết hợp các phương pháp:

- Đàm thoại, thảo luận.
- Nêu và giải quyết vấn đề.
- Liên hệ bản thân, tập thể. Liên hệ thực tế, xây dựng kế hoạch và biện pháp rèn luyện.

C. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

- SGK, sách GV GD CD lớp 9.
- Các câu chuyện, gương về đức tính tự chủ.
- Giấy khổ lớn và bút dạ.
- Máy chiếu (nếu có).

D. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**1. Ổn định tổ chức****2. Kiểm tra bài cũ****Câu hỏi:**

Nêu 1 ví dụ về việc làm thể hiện phẩm chất chí công vô tư của một bạn HS, một thầy cô giáo hoặc của những người xung quanh mà em biết?

3. Bài mới

<i>Hoạt động của GV và HS</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
-------------------------------	-------------------------

Hoạt động 1**GIỚI THIỆU BÀI**

Anh Trần Ngọc Tuấn, 25 tuổi, bị điếc và chỉ nói được vài từ đơn giản nhưng rất khó khăn. Anh đã biên soạn hơn 1000 kí hiệu chuyên ngành may, thêu với đầy đủ hình ảnh minh hoạ giúp người khiếm thính dễ dàng hiểu được. Từ năm 2001, anh là Hội trưởng Chi hội người điếc Hà Nội. Chủ nhật nào anh cũng dạy văn hoá miễn phí cho các hội viên nghèo. Anh được bầu là người tàn tật, trẻ mồ côi nhà bảo trợ tiêu biểu toàn quốc.

(Báo Hà Nội mới 29/4)

- GV: Qua câu chuyện về anh Trần Ngọc Tuấn, em có suy nghĩ gì? Việc làm của anh thể hiện đức tính gì?
- HS: Trả lời ý kiến cá nhân.
- GV: Để hiểu hơn đức tính của anh chúng ta học bài hôm nay.

Hoạt động 2**TÌM HIỂU CÁC CÂU CHUYỆN CỦA PHẦN ĐẶT VẤN ĐỀ**

- GV: Đọc 1 lần 2 câu chuyện trong SGK.
- GV: cử 2 HS có giọng đọc tốt, đọc lại 1 lần 2 câu chuyện trên.
- HS: Đọc câu chuyện “Một người mẹ”.
- HS: Đọc câu chuyện “Chuyện của N”.

I. Đặt vấn đề

- GV: Tổ chức cho HS thảo luận nhóm.
- GV: Chia lớp thành 3 nhóm.
- GV: Giao câu hỏi thảo luận cho từng nhóm.

Nhóm 1:

Câu 1: Nỗi bất hạnh đến với gia đình bà Tâm như thế nào?

Câu 2: Bà Tâm đã làm gì trước nỗi bất hạnh to lớn của gia đình?

Câu 3: Việc làm của bà Tâm thể hiện đức tính gì?

Nhóm 2:

Câu 1: Trước đây N là học sinh có những ưu điểm gì?

Câu 2: Những hành vi sai trái của N sau này là gì?

Nhóm 1:

Câu 1: Con trai bà Tâm nghiện ma túy, bị nhiễm HIV/AIDS.

Câu 2: – Bà nén chặt nỗi đau để chăm sóc con.

– Bà tích cực giúp đỡ những người bị HIV/AIDS khác.

– Bà vận động các gia đình quan tâm giúp đỡ, gần gũi chăm sóc họ.

Câu 3: Bà Tâm là người làm chủ tình cảm và hành vi của mình.

Nhóm 2:

Câu 1: N là học sinh ngoan và học khá.

Câu 2: – N bị bạn bè xấu rủ rê tập hút thuốc lá, uống bia, đua xe máy.

– N trốn học, thi trượt tốt nghiệp.

– N bị nghiện, trộm cắp...

Câu 3: Vì sao N lại có một kết cục xấu như vậy?

Nhóm 3:

Câu 1: Qua 2 câu chuyện về bà Tâm và N, em rút ra bài học gì?

Câu 2: Nếu trong lớp em có bạn như N thì em và các bạn nên xử lí như thế nào?

- GV: Phân công vị trí thảo luận cho các nhóm.
- HS: Cử đại diện nhóm và thư kí.
- GV: Hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi của nhóm.
- HS: Nhóm trưởng trình bày trước lớp (trên giấy khổ lớn).
- HS: Cả lớp nhận xét, bổ sung.

Câu 3: N không làm chủ được tình cảm và hành vi của bản thân, gây hậu quả cho bản thân, gia đình và xã hội.

Nhóm 3:

Câu 1: Bà Tâm là người có đức tính tự chủ, vượt khó khăn, không bi quan, chán nản. Còn N không có đức tính tự chủ, thiếu tự tin và không có bản lĩnh.

Câu 2: –Trách nhiệm của chúng em là động viên, gần gũi, giúp đỡ, các bạn hoà hợp với lớp, với cộng đồng để họ trở thành người tốt.
– Phải có đức tính tự chủ để không mắc phải sai lầm như N.

- GV: Nhận xét phân trả lời của từng nhóm và kết luận chung.
- GV: Kết luận chuyển ý:
Nhà trường và xã hội chúng ta đang đứng trước những thách thức lớn, đó là mặt trái của cơ chế thị trường – lối sống thực dụng, ích kỉ, sa đoạ của một số thanh thiếu niên đều có một nguyên nhân sâu xa là sống không biết làm chủ bản thân mình. Vì vậy, chúng ta cần phải hiểu rõ hơn về nội dung của đức tính tự chủ.

Hoạt động 3

TÌM HIỂU NỘI DUNG CỦA BÀI HỌC VỀ TÍNH TỰ CHỦ

- GV: Đàm thoại giúp HS bước đầu nhận biết những biểu hiện của tự chủ.
- GV: Đặt câu hỏi:
Câu 1: Biết làm chủ bản thân là người có đức tính gì?
Câu 2: Làm chủ bản thân là làm chủ những lĩnh vực gì?
- HS: Trả lời câu hỏi. (Có gợi ý của GV).
- HS: Tự do bày tỏ quan điểm cá nhân.
- HS: Cả lớp nghe, nhận xét ý kiến của bạn.
- GV: Tổng kết các ý kiến.
- HS: Ghi bài vào vở.

II. Nội dung bài học

1) Thế nào là tự chủ?

Tự chủ là làm chủ bản thân. Người biết tự chủ là người làm chủ được suy nghĩ, tình cảm,

hành vi của mình trong mọi hoàn cảnh, điều kiện của cuộc sống.

– GV: Có thể chiếu nội dung khái niệm lên bảng.

– HS: Một em nhắc lại khái niệm.

– GV: Tổ chức trò chơi xử lý tình huống, giúp HS biết được những biểu hiện của tính tự chủ.

Câu 1: Em sẽ xử lý như thế nào khi gặp các tình huống sau:

+ Có bạn tự nhiên bị ngất trong giờ học.

+ Gặp bài Toán khó trong giờ kiểm tra.

+ Chăm sóc người nhà ốm trong bệnh viện.

+ Bị bạn bè nghi oan.

+ Bố mẹ chưa thể đáp ứng mong muốn của em.

+ Tiếp thu ý kiến phê bình của cô giáo.

– HS: Bày tỏ ý kiến cá nhân.

– HS: Cả lớp góp ý, trao đổi.

– GV: Nhận xét, bổ sung.

(Phần này có thể tổ chức cho HS trò chơi đóng vai).

– GV: Cho HS làm bài tập nhanh bằng phiếu học tập.

Câu 2: Những hành vi nào sau đây trái ngược với tính tự chủ?

+ Tính bột phát trong giải quyết công việc. ☐

+ Thiếu cân nhắc, chín chắn. ☐

+ Nổi nóng, cãi vã, gây gổ khi gặp những việc mình không vừa ý. ☐

- + Hoang mang, sợ hãi, chán nản trước khó khăn. ☐
- + Sa ngã, bị cám dỗ, bị lợi dụng. ☐
- + Nói tục, chửi bậy, xử sự thiếu văn hoá. ☐
- HS: Nhận phiếu học tập, trả lời cá nhân.
- GV: Cho 1 HS trả lời nhanh lên bảng chữa.
- HS: Cả lớp nhận xét, trao đổi
- GV: Bổ sung, kết luận.
- GV: Từ ý kiến của HS qua 2 câu hỏi, rút ra biểu hiện của đức tính tự chủ.
- HS: Ghi bài vào vở.
- GV: Cho HS nhắc lại các biểu hiện tự chủ cho cả lớp cùng nghe.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

- GV: Đặt câu hỏi (Chuyển ý).

Đàm thoại cùng HS:

Câu 1: Có đức tính tự chủ sẽ có tác dụng gì?

Câu 2: Ngày nay, trong thời kì cơ chế thị trường, tính tự chủ có còn quan trọng không? Vì sao? Ví dụ minh hoạ?

- HS: Bày tỏ quan điểm cá nhân.

2) Biểu hiện của đức tính tự chủ:

- Thái độ bình tĩnh, tự tin.
- Biết tự điều chỉnh hành vi của mình, biết tự kiểm tra, đánh giá bản thân mình.

- GV: Lấy ví dụ minh hoạ, nhận xét và kết luận.
- HS: Ghi bài.

3) Ý nghĩa của tính tự chủ:

- Tự chủ là một đức tính quý giá.
- Có tính tự chủ con người sống đúng đắn, cư xử có đạo đức, có văn hoá.
- Tính tự chủ giúp con người vượt qua khó khăn, thử thách và cám dỗ.

- GV: Hướng dẫn HS nêu ra phương pháp rèn luyện tính tự chủ.
- GV: Trao đổi với HS phương pháp rèn luyện đức tính tự chủ.
- GV: Gọi mở, hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi.
- HS: Trả lời.
- + HS A: Tập điều chỉnh hành vi, thái độ.
- + HS B: Hạn chế những đòi hỏi, mong muốn hưởng thụ cá nhân.
- + HS C: Xa lánh cám dỗ, tránh làm việc xấu.
- + HS D: Suy nghĩ trước và sau khi hành động.
- + HS E: Biết rút kinh nghiệm và sửa chữa khuyết điểm.
- GV: Nhận xét, kết luận.
- HS: Ghi bài vào vở.

4) Rèn luyện tính tự chủ như thế nào:

- Suy nghĩ kĩ trước khi nói và hành động.
- Xem xét thái độ, lời nói, hành động, việc làm của mình đúng hay sai.
- Biết rút kinh nghiệm và sửa chữa.

– GV: Kết luận và chuyển ý:

Tính tự chủ rất cần thiết trong cuộc sống. Con người luôn phải có sự ứng xử đúng đắn, phù hợp. Tính tự chủ giúp con người tránh được những sai lầm không đáng có, sáng suốt lựa chọn cách thức thực hiện mục đích cuộc sống của mình. Trong xã hội, nếu mọi người đều biết tự chủ, biết xử sự như những người có văn hoá thì xã hội sẽ tốt đẹp hơn.

Hoạt động 4

LIÊN HỆ THỰC TẾ RÈN LUYỆN TÍNH TỰ CHỦ

- GV: Tổ chức cho HS tham gia thảo luận để giúp HS biết liên hệ với thực tế đời sống hàng ngày về tính tự chủ.
- GV: Chia lớp thành 3 nhóm.
- GV: Chia câu hỏi theo 3 nhóm chủ đề.

Nhóm 1: Tình huống có thể gặp ở nhà (nêu cách ứng xử phù hợp):

- a) Tình huống 1: Đi học về nhà đói và mệt nhưng mẹ chưa nấu cơm.

- b) Tình huống 2: Em trai đòi mẹ mua nhiều đồ chơi, quần áo làm mẹ bức mình.
- c) Nhiều bài tập Toán quá khó, em giải mãi vẫn không ra kết quả.
- d) Bố mẹ đi vắng, ở nhà một mình trông em.

Nhóm 2: Tình huống gặp ở trường (nêu cách ứng xử phù hợp):

- a) Có bạn rủ chơi bài ăn tiền.
- b) Giờ kiểm tra không làm được bài, bạn bên cạnh cho chép bài.
- c) Xe bị hỏng nên em đến trường muộn.
- d) Em làm thủ công rất đẹp, được điểm cao, nhưng cô giáo cho rằng em nhờ bố mẹ làm hộ.

Nhóm 3: Tình huống gặp ngoài xã hội (nêu cách ứng xử phù hợp):

- a) Bị một người đi đường đâm vào xe của mình.
 - b) Nhặt được chiếc ví trong đó có tiền và các loại giấy tờ.
 - c) Đi mua vé xem phim phải xếp hàng.
 - d) Gặp một em nhỏ bị ngã.
- GV: Hướng dẫn các nhóm thảo luận.
- HS: Cử đại diện và thư kí nhóm.
- HS: Các nhóm thảo luận.
- GV: Sau khi HS thảo luận xong, cho các nhóm trình bày.
- HS: Nhóm trưởng lên bảng trình bày.
- HS: Cả lớp theo dõi, nhận xét, bổ sung.
- GV: Nhận xét, kết luận và đánh giá để cho điểm.

- GV: Qua phân thảo luận liên hệ thực tiễn này, các em đã hiểu thêm về đức tính tự chủ và phải có ý thức rèn luyện đức tính tự chủ trong cuộc sống.

Hoạt động 5

HƯỚNG DẪN HS LÀM BÀI TẬP SGK

- GV: Cho HS làm bài tập 1, SGK trang 8.
- HS: Cả lớp làm bài.
- GV: Chiếu bài tập lên bảng (nếu có), có thể GV ghi bài tập lên giấy khổ lớn.
- HS: Cả nhân lên bảng trả lời.

Bài tập 1: Em đồng ý với những ý kiến nào sau đây? Vì sao?

- a) Người tự chủ biết tự kiểm chế ham muốn bản thân.
 - b) Không nên nóng nảy, vội vàng trong hành động.
 - c) Người tự chủ luôn hành động theo ý mình.
 - d) Cần biết điều chỉnh thái độ, hành vi của mình trong các tình huống khác nhau.
 - đ) Người có tính tự chủ không quan tâm đến hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp.
 - e) Cần giữ thái độ ôn hòa, từ tốn trong giao tiếp với người khác.
- HS: Tự do trả lời.
 - HS: Cả lớp nhận xét.
 - GV: Nhận xét, bổ sung, đánh giá.
 - HS: Ghi kết quả vào vở.

III. Bài tập

– *Đáp án đúng:* a, b, d, e.

Bài tập 2: Giải thích câu ca dao:

*“Dù ai nói ngả nói nghiêng
Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân”*

- HS: Trả lời tự do.
- GV: Gợi ý.
- HS: Trao đổi cả lớp.
- GV: Nhận xét, kết luận và đánh giá.

Đáp án: Câu ca dao có ý nói khi con người đã có quyết tâm thì dù bị người khác ngăn trở cũng vẫn vững vàng, không thay đổi ý định của mình.

4. Củng cố

Hoạt động 6

RÈN LUYỆN KĨ NĂNG, THÁI ĐỘ VÀ Củng cố KIẾN THỨC

- GV: Nếu còn thời gian, tổ chức cho HS trò chơi đóng vai.

- GV: Đưa ra tình huống:

Tình huống: Hai bạn HS đi xe đạp ngược chiều va vào nhau, 1 bạn xe bị hỏng và người bị xây xát.

- HS: Tự xây dựng kịch bản và lời thoại.
- GV: Gợi ý thêm về diễn xuất.
- HS: Cả lớp nhận xét và bổ sung.
- GV: Nhận xét, đánh giá tiểu phẩm.

Giáo viên kết luận toàn bài:

Tự chủ là một đức tính quý giá. Nếu như mỗi chúng ta ai cũng có đức tính tự chủ thì mọi công việc được giao đều hoàn thành tốt đẹp, mỗi cá nhân sẽ

góp phần xây dựng gia đình, xã hội văn minh, hạnh phúc. Mỗi HS chúng ta biết tự chủ sẽ trở thành những con ngoan, trò giỏi, lớp trưởng của chúng ta sẽ luôn là môi trường trong sạch, văn minh, lịch sự.

5. Dặn dò

- Bài tập về nhà: 2,3 trang 8 SGK.
- Sưu tầm tục ngữ, ca dao nói về tính tự chủ.

E. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Câu chuyện về tính tự chủ.
- Danh ngôn Việt Nam.
- Tục ngữ, ca dao: “Ai cũng tạo nên số phận của mình”.

“Ăn đói qua ngày, ăn vay nên nợ”.

“Làm người ăn tối lo mai,
Việc mình hồ để để ai lo lường”.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 3

DÂN CHỦ VÀ KỈ LUẬT

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS cần đạt được:

1. Kiến thức

- Hiểu được thế nào là dân chủ, kỉ luật.
- Biểu hiện của dân chủ, kỉ luật.
- Ý nghĩa của dân chủ, kỉ luật trong nhà trường và xã hội.

2. Kỹ năng

- Biết giao tiếp, ứng xử và thực hiện tốt dân chủ, kỉ luật.
- Biết phân tích, đánh giá các tình huống trong cuộc sống xã hội về tính dân chủ và tính kỉ luật.
- Biết tự đánh giá bản thân, xây dựng kế hoạch rèn luyện tính kỉ luật.

3. Thái độ

- Có ý thức tự giác rèn luyện tính kỉ luật, phát huy dân chủ trong học tập, các hoạt động (gia đình, nhà trường và xã hội).
- Học tập, noi gương những việc tốt, những người thực hiện tốt dân chủ và kỉ luật. Biết góp ý, phê phán đúng mức những hành vi vi phạm dân chủ, kỉ luật.

B. PHƯƠNG PHÁP

HS lớp 9 đã có vốn sống thực tế phong phú, có kinh nghiệm và kĩ năng sống. Vì vậy cần phát huy vốn sống của các em trong hoạt động dạy học.

Những phương pháp dạy học chủ yếu của bài này là:

- Phương pháp kích thích tư duy (động não).
- Phương pháp thảo luận (nhóm nhỏ hoặc thảo luận lớp).
- Phương pháp đóng vai.
- Phương pháp giải quyết tình huống.

C. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

- SGK, sách GV GD CD lớp 9.
- Các sự kiện, tình huống thể hiện rõ thế nào là dân chủ và không dân chủ; kỉ luật tốt và không tôn trọng kỉ luật trong nhà trường, xã hội.
- Bảng hình, tư liệu, tranh ảnh về dân chủ, kỉ luật.
- Giấy khổ lớn, bút dạ, máy chiếu (nếu có).

D. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**1. Ổn định tổ chức****2. Kiểm tra bài cũ****Câu hỏi 1:**

Hãy nêu một số tình huống đòi hỏi tính tự chủ mà em có thể gặp ở trường và nêu cách ứng xử phù hợp?

Câu hỏi 2:

Em hãy đọc một vài câu tục ngữ, ca dao nói về tính tự chủ?

3. Bài mới

<i>Hoạt động của GV và HS</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
-------------------------------	-------------------------

Hoạt động 1
GIỚI THIỆU BÀI

Đại hội chi đoàn lớp 9A đã diễn ra tốt đẹp. Tất cả Đoàn viên chi đoàn đã tham gia xây dựng, bàn bạc về phương hướng phấn đấu của chi đoàn năm học mới. Đại hội cũng đã bầu ra được một Ban chấp hành chi đoàn gồm các bạn học tốt, ngoan ngoãn, có ý thức xây dựng tập thể để lãnh đạo chi đoàn trở thành đơn vị xuất sắc của trường.

- GV: Em cho biết, vì sao Đại hội chi đoàn lớp 9A lại thành công như vậy?
- HS: Tập thể chi đoàn đã phát huy tính dân chủ. Các đoàn viên có ý thức kỉ luật tham gia đầy đủ.
- GV: Để hiểu hơn về tính dân chủ và kỉ luật, chúng ta học bài hôm nay.

Hoạt động 2**HƯỚNG DẪN HS TÌM HIỂU PHẦN ĐẶT VẤN ĐỀ**

- GV: Tổ chức cho HS đàm thoại, trao đổi về 2 tình huống SGK.
- GV: Cho HS cả lớp cùng đọc 1 lần 2 tình huống SGK. Sau đó GV cử 2 HS có giọng đọc tốt, đọc lại 1 lần cho cả lớp nghe.
- HS: Làm việc cá nhân.
- GV: Đặt câu hỏi:

Câu hỏi 1:

Hãy nêu những chi tiết thể hiện việc làm phát huy dân chủ và thiếu dân chủ trong 2 tình huống trên.

- GV: Chia bảng thành 2 phần, hoặc sử dụng giấy khổ lớn.
- HS: Điền ý kiến cá nhân vào 2 cột.
- HS: Cả lớp nhận xét, bổ sung.
- GV: Nhận xét, đánh giá.



Có dân chủ	Thiếu dân chủ
– Các bạn sôi nổi thảo luận. – Đề xuất chỉ tiêu cụ thể. – Thảo luận về các biện pháp thực hiện những vấn đề chung. – Tự nguyện tham gia các hoạt động tập thể. – Thành lập "Đội thanh niên cờ đỏ".	– Công nhân không được bàn bạc, góp ý về yêu cầu của giám đốc. – Sức khỏe công nhân giảm sút. – Công nhân kiến nghị cải thiện lao động, đời sống vật chất, đời sống tinh thần, nhưng giám đốc không chấp nhận yêu cầu của công nhân.

- GV: Đặt câu hỏi:

Câu hỏi 2:

Sự kết hợp biện pháp dân chủ và kỉ luật của lớp 9A.

- GV: Chia bảng thành 2 cột.
- HS: Trả lời và điền vào 2 cột.
- HS: Cả lớp tham gia góp ý kiến.
- GV: Nhận xét, bổ sung ý kiến.
- HS: Theo dõi kết quả đúng trên bảng.

Biện pháp dân chủ	Biện pháp kỉ luật
– Mọi người cùng được tham gia bàn bạc. – Ý thức tự giác. – Biện pháp tổ chức thực hiện.	– Các bạn tuân thủ quy định tập thể. – Cùng thống nhất hoạt động. – Nhắc nhở, đôn đốc thực hiện kỉ luật.

- GV: Trao đổi câu hỏi:

Câu hỏi 3:

Việc làm của ông giám đốc cho thấy ông là người như thế nào?

- HS: Trả lời cá nhân
- HS: Cả lớp trao đổi.
- GV: Nhận xét, bổ sung.

- GV: Từ các nhận xét trên về việc làm của lớp 9A và của ông giám đốc em rút ra bài học gì?
- HS: Trao đổi.
- GV: Nhận xét và kết luận.

Câu 3:

Ông giám đốc là người độc đoán, chuyên quyền, gia trưởng.

– *Bài học:*

Phát huy tính dân chủ, kỉ luật của thầy giáo và tập thể lớp 9A và phê phán sự thiếu dân chủ của ông giám đốc đã gây nên hậu quả xấu cho công ty.

– GV: Kết luận chuyển ý:

Qua việc tìm hiểu nội dung của hoạt động này, HS đã bước đầu hiểu được những biểu hiện tốt và chưa tốt của dân chủ, kỉ luật và hậu quả của thiếu dân chủ, kỉ luật gây nên.

Hoạt động 3

HƯỚNG DẪN HS TÌM HIỂU NỘI DUNG BÀI HỌC

- GV: Tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm.
- GV: Chia lớp thành 3 nhóm.
- GV: Giao câu hỏi cho HS.
- HS: Cử đại diện nhóm, thư kí.
- GV: Hướng dẫn các nhóm thảo luận (có gợi ý).

Nhóm 1:

Câu 1: Em hiểu thế nào là dân chủ?



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Câu 2: Thế nào là tính kỉ luật?

II. Nội dung bài học

1) Thế nào là dân chủ, kỉ luật?

*** Dân chủ là:**

- Mọi người làm chủ công việc.
- Mọi người được biết, được cùng tham gia.
- Mọi người góp phần thực hiện kiểm tra, giám sát.

*** Kỉ luật là:**

- Tuân theo quy định của cộng đồng.
- Hành động thống nhất để đạt chất lượng cao.

Nhóm 2:

Câu 1: Dân chủ, kỉ luật thể hiện như thế nào?

Câu 2: Tác dụng của dân chủ và kỉ luật?

Nhóm 3:

Câu 1: Vì sao trong cuộc sống chúng ta cần phải có dân chủ, kỉ luật ?

Câu 2: Chúng ta cần rèn luyện dân chủ, kỉ luật như thế nào?

- HS: Cử đại diện nhóm trình bày.
- HS: Cả lớp góp ý kiến.
- GV: Góp ý, bổ sung ý kiến.
- GV: Từ ý kiến của các nhóm, chúng ta hiểu được nội dung bài học.
- GV: Trình bày nội dung bài học lên bảng hoặc lên máy.
- HS: Ghi bài vào vở.

2) Tác dụng

- Tạo ra sự thống nhất cao về nhận thức, ý chí và hành động.
- Tạo điều kiện cho sự phát triển của mỗi cá nhân.
- Xây dựng xã hội phát triển về mọi mặt.

3) Rèn luyện như thế nào?

- Mọi người cần tự giác chấp hành kỉ luật.
- Các cán bộ lãnh đạo, các tổ chức xã hội tạo điều kiện cho mỗi cá nhân phát huy dân chủ, kỉ luật.
- Học sinh phải vâng lời bố mẹ, thực hiện quy định của trường, lớp, tham gia dân chủ, có ý thức kỉ luật của một công dân.

- GV: Nhắc lại một lần nội dung bài học.
- GV: Kết luận, chuyển ý.

Hoạt động 4

LIÊN HỆ VÀ KHẮC SÂU KIẾN THỨC

- GV: Tổ chức cho HS cả lớp phân tích các hiện tượng trong học tập, trong cuộc sống và các quan hệ xã hội.
- GV: Đưa ra các câu hỏi.

Câu 1: Nêu các hoạt động xã hội thể hiện tính dân chủ mà em được biết.

Câu 2: Những việc làm thiếu dân chủ hiện nay của một số cơ quan quản lí nhà nước và hậu quả của việc làm đó gây nên.

Câu 3: Em đồng ý với ý kiến nào sau đây:

- a) Học sinh còn nhỏ tuổi chưa cần đến dân chủ. ☐
- b) Chỉ có trong nhà trường mới cần đến dân chủ. ☐
- c) Mọi người cần phải có kỉ luật. ☐
- d) Có kỉ luật thì xã hội mới ổn định, thống nhất các hoạt động. ☐

- HS: Tự do trả lời cá nhân.
- HS: Cả lớp tham gia đóng góp ý kiến.
- GV: Gọi ý cho HS và nhận xét các câu trả lời của HS.
- GV: Sau khi HS cả lớp trả lời xong 3 câu hỏi, có thể chỉ định từng em một trả lời nhanh.

Câu 4: Tìm hành vi thực hiện dân chủ, kỉ luật của các đối tượng sau:

- + Học sinh.
- + Thầy, cô giáo.
- + Bác nông dân.
- + Chú công nhân trong nhà máy.
- + Ý kiến của cử tri.
- + Chất vấn của các Bộ trưởng đại biểu Quốc hội.
- HS: Trả lời ý kiến cá nhân.
- GV: Nhận xét, bổ sung.
- GV: Kết luận và chuyển ý.

Hoạt động 5

LUYỆN TẬP BÀI TẬP SGK

- GV: Cho HS làm bài tập bằng phiếu học tập đã chuẩn bị.
 - HS: Làm bài tập 1, SGK trang 11.
- Bài tập 1:* Theo em, những việc làm nào sau đây có nội dung thể hiện tính dân chủ, kỉ luật?
- a) Nhà trường tổ chức cho HS học tập nội quy.
Học sinh được tham gia thảo luận và thống nhất thực hiện.
 - b) Ông Bính, tổ trưởng tổ dân phố quyết định mỗi gia đình đóng 5.000đ làm quỹ ủng hộ những gia đình khó khăn.
 - c) Nam đến trường họp Chi đoàn đúng kế hoạch.
 - d) Hùng điều khiển sinh hoạt cuối tuần, cả lớp tích cực phát biểu ý kiến.
 - đ) Các cầu thủ bóng đá xô xát nhau trên sân cỏ, không nghe theo quyết định của trọng tài.
- HS: Trả lời vào phiếu.

- GV: Cho gọi 1 HS trả lời nhanh.
- HS: Cả lớp đóng góp ý kiến.
- GV: Yêu cầu HS giải thích vì sao đúng, sai.
- GV: Đưa ra đáp án đúng.
- HS: Ghi bài tập vào vở.
- GV: Kết luận, chuyển ý.

Đáp án:

- Hoạt động thể hiện dân chủ: a, c, đ
- Thiếu dân chủ: b
- Thiếu kỉ luật: d

4. Củng cố

Hoạt động 6

RÈN LUYỆN KĨ NĂNG VÀ Củng cố KIẾN THỨC TOÀN BÀI

- GV: Tổ chức cho HS trò chơi “*Hái hoa dân chủ*”.
- GV: Sử dụng phiếu học tập. Các phiếu được làm theo mẫu cắt các hình khác nhau, có nhiều màu sắc, có thể treo hoặc dán để HS tự mình lấy và trả lời.
- GV: Cử 1 – 2 em lên làm người dẫn chương trình.
- HS: Xung phong lên bảng trả lời nhanh các câu hỏi.
- HS: Nhận xét.
- GV: Đánh giá (có phần thưởng).

Câu hỏi:

1) Hành vi nào sau đây có dân chủ:

- + Bàn bạc ý kiến xây dựng tập thể lớp.
- + Cử tri đóng góp ý kiến với Đại biểu Quốc hội.

☐
☐

- + Các hộ gia đình thống nhất xây dựng gia đình văn hoá ở địa phương. ☐
- + Cả 3 ý kiến trên. ☐
- 2) Kể một vài hành vi vi phạm kỉ luật của HS?
- 3) Bác Hồ có bài thơ nào nói về kỉ luật?
- 4) Câu tục ngữ nào sau đây nói về kỉ luật:
 - + Đất có lề, quê có thói. ☐
 - + Nước có vua, chùa có bụt. ☐
 - + Cả 2 câu trên. ☐
- 5) Em cho biết ý kiến đúng:
 - + Nhà trường cần phát huy tính dân chủ cho học sinh. ☐
 - + Dân chủ nhưng cần phải có tổ chức, có ý thức xây dựng tập thể lớp, trường. ☐
 - + Cả 2 ý kiến trên. ☐
 - GV: Có thể nhận xét từng câu trả lời của HS.
 - GV: Nhận xét, bổ sung và đánh giá.

Giáo viên tổng kết toàn bài:

Đất nước ta đang trên đà đổi mới, phát triển. Nhà nước xã hội chủ nghĩa luôn phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Mỗi một công dân cần phát huy tinh thần dân chủ, luôn đóng góp sức mình vào công cuộc chung về xây dựng đất nước. Mỗi học sinh chúng ta cần hiểu biết về dân chủ, phải có ý thức kỉ luật, góp phần xây dựng để xã hội và gia đình bình yên, hạnh phúc.

5. Dặn dò

- Bài tập: 2, 3, 4 trang 11 SGK.
- Suy tầm tục ngữ, ca dao nói về dân chủ, kỉ luật.
- Chuẩn bị bài mới.

E. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Tục ngữ: + *Muốn tròn phải có khuôn,
 Muốn vuông phải có thước.*
 + *Quân pháp bất vị thân.*
 + *Nhập gia tùy tục.*
- Ca dao: + *“Bề trên ở chẳng kĩ cương,
 Cho nên kẻ dưới lập đường mây mưa”.*
- Danh ngôn: + *“Kỉ luật rèn luyện con người có thể đổi đầu với mọi
 hoàn cảnh”.*

Chlivet

*“Nước ta là nước dân chủ.
Bao nhiêu lợi ích đều vì dân.
Bao nhiêu quyền hạn đều của dân.
Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân.”*

Hồ Chí Minh



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 4

BẢO VỆ HOÀ BÌNH

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS cần đạt được:

1. Kiến thức

- HS hiểu được hoà bình là khát vọng của nhân loại.
- Hoà bình mang lại hạnh phúc cho con người.
- Hậu quả, tác hại của chiến tranh.
- Trách nhiệm bảo vệ hoà bình, chống chiến tranh của toàn nhân loại.

2. Kỹ năng

- Tích cực tham gia các hoạt động vì hoà bình, chống chiến tranh do lớp, trường, địa phương tổ chức.
- Tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động chống chiến tranh, bảo vệ hoà bình.

3. Thái độ

- Quan hệ tốt với bạn bè và mọi người xung quanh mình.
- Biết yêu hoà bình, ghét chiến tranh.
- Góp phần nhỏ tùy theo sức của mình để bảo vệ hoà bình và chống chiến tranh.

B. PHƯƠNG PHÁP

Bài này GV có thể sử dụng kết hợp các phương pháp:

- Thảo luận nhóm, tự liên hệ điều tra, tìm hiểu thực tế.
- Xây dựng đề án.
- Các hình thức làm việc cá nhân, làm việc theo nhóm, làm việc theo lớp.

C. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

- SGK, sách GV GD CD lớp 9.
- Tranh ảnh, các bài báo, bài thơ, bài hát về chiến tranh và hoà bình.
- Ví dụ về các hoạt động bảo vệ hoà bình, chống chiến tranh.

D. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**1. Ổn định tổ chức****2. Kiểm tra bài cũ**

– GV: Gọi 2 HS lên bảng làm bài tập (GV chuẩn bị sẵn ra giấy khổ lớn hoặc viết lên bảng).

<i>Bài 1</i>	<i>Bài 2</i>
Em cho biết ý kiến đúng về các hành vi sau đây:	Những câu tục ngữ sau, câu nào nói về tính kỉ luật:
+ Đi học đúng giờ, nghỉ học xin phép.	+ Ao có bờ, sông có bến. ☐
+ Đi học về biết chào bố mẹ.	+ Ăn có chừng, chơi có độ. ☐
+ Góp ý kiến để xây dựng tập thể lớp.	+ Nước có vua, chùa có bụt. ☐
+ Có ý kiến bảo vệ môi trường.	+ Đất có lề, quê có thói. ☐
+ Nghiêm chỉnh chấp hành an toàn giao thông.	+ Tiên học lễ, hậu học văn. ☐
– HS: Cả lớp cùng nhận xét.	
– GV: Nhận xét, cho điểm.	
3. Bài mới	
<i>Hoạt động của GV và HS</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>

Hoạt động 1
GIỚI THIỆU BÀI

Cách 1: GV đưa ra các thông tin:

a) Trong Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 – 1918) đã có 10 triệu người chết, hàng triệu người bị thương. Số người bị chết ở Pháp là 1.400.000 người; ở Đức là 1.800.000 người; ở Mỹ là: 3.000.000 người.

Kinh tế Châu Âu bị đình đốn, đất đai bỏ hoang, phần lớn nhà máy, đường giao thông bị phá hoại.

b) Trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939 – 1945) có 60 triệu người chết, nhiều nước ở Châu Âu, một phần nước Nga bị phá hoại trơ trụi. Đặc biệt 2 quả bom nguyên tử của Mỹ ném xuống Hiroshima (6–8–1945) và Nagasaki (9–8–1945) – Nhật Bản trong giây lát làm gần 400.000 người chết, gieo rắc nỗi sợ hãi khủng khiếp cho loài người tiến bộ.

c) Ở Việt Nam, trong 30 năm qua sau chiến tranh, có trên 1 triệu trẻ em và người lớn bị di chứng chất độc màu da cam, hàng chục vạn người đã chết. Trên 194.000 trẻ em dưới 15 tuổi hiện phải gánh chịu bất hạnh do chiến tranh gây nên.

– GV: Em có suy nghĩ gì về những thông tin trên?

– HS: Trả lời.

– GV: Chúng ta mong ước điều gì?

– HS: Trả lời.

– GV: Hoà bình là khát vọng, là ước nguyện của mỗi người, là hạnh phúc cho mỗi gia đình, mỗi dân tộc và toàn nhân loại. Để hiểu thêm về vấn đề này, chúng ta nghiên cứu bài hôm nay.

Cách 2: GV giới thiệu ảnh về cuộc chiến tranh của đế quốc Mỹ ở Việt Nam (đã chuẩn bị trước).

– HS: Suy nghĩ trả lời.

– GV: Dẫn dắt các em học bài mới.

Hoạt động 2

PHÂN TÍCH THÔNG TIN CỦA PHẦN ĐẶT VẤN ĐỀ

– GV: Tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm.

– HS: Có 3 nhóm thảo luận.

I. Đặt vấn đề

- GV: Cử đại diện nhóm đọc lại một lần 3 thông tin trong SGK.
- GV: Sử dụng 2 bức ảnh trong SGK để HS thảo luận.
- GV: Treo ảnh lên bảng (chuẩn bị trước).
- HS: Các nhóm đọc thông tin và xem ảnh.
- GV: Đặt câu hỏi.

Nhóm 1:

- 1) Em có suy nghĩ gì khi đọc các thông tin và xem ảnh?

- 2) Chiến tranh đã gây nên hậu quả gì cho con người?

- 3) Chiến tranh đã gây nên hậu quả gì cho trẻ em?

Nhóm 1:

Câu 1:– Sự tàn khốc của chiến tranh.

- Giá trị của hoà bình.
- Sự cần thiết ngăn chặn chiến tranh và bảo vệ hoà bình.

Câu 2: Hậu quả:

- Cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất đã làm 10 triệu người chết.
- Chiến tranh thế giới thứ hai có 60 triệu người chết.

Câu 3: Từ 1900–2000, chiến tranh đã làm:

- 2 triệu trẻ em bị chết.
- 6 triệu trẻ em thương tích tàn phế.
- 20 triệu trẻ em sống bơ vơ.
- 300.000 trẻ em tuổi thiếu niên buộc phải đi

lính, cầm súng giết người.

Nhóm 2:

- 1) Vì sao chúng ta phải ngăn ngừa chiến tranh và bảo vệ hoà bình?
- 2) Cần phải làm gì để ngăn chặn chiến tranh và bảo vệ hoà bình?

Nhóm 3:

- 1) Em có suy nghĩ gì khi đế quốc Mỹ gây chiến tranh ở Việt Nam?
- 2) Em rút ra được bài học gì sau khi thảo luận về các thông tin và ảnh?

– HS: Các nhóm thảo luận.

– GV: Các câu hỏi của 3 nhóm là chung cho cả thông tin và ảnh, yêu cầu của mỗi nhóm có khác nhau.

– GV: Hướng dẫn các nhóm trình bày.

– HS: Cử đại diện nhóm trình bày.

– HS: Cả lớp tham gia nhận xét.

– GV: Nhận xét, đánh giá.

– GV: Kết luận, chuyển ý:

Nhân loại ngày nay đang đứng trước vấn đề nóng bỏng có liên quan đến cuộc sống của mỗi dân tộc cũng như toàn nhân loại. Đó là bảo vệ hoà bình và chống chiến tranh. Học sinh chúng ta phải hiểu rõ hoà bình đối lập với chiến tranh như thế nào, thế nào là cuộc chiến tranh chính nghĩa, chiến tranh phi nghĩa.

Hoạt động 3**HƯỚNG DẪN HS PHÂN TÍCH LÀM RÕ NỘI DUNG**

- GV: Sử dụng phương pháp kích thích tư duy.
- GV: Nêu lên vấn đề được tìm hiểu trước cả lớp.

Câu 1: Nêu sự đối lập giữa hoà bình với chiến tranh.

Câu 2: Em hãy phân biệt cuộc chiến tranh chính nghĩa và chiến tranh phi nghĩa.

Câu 3: Cách bảo vệ hoà bình vững chắc là gì?

- HS: Làm việc cá nhân
- GV: Gọi ý khích lệ HS phát biểu cách trả lời.
- HS: Cả lớp đóng góp ý kiến.
- GV: Liệt kê các ý kiến lên bảng hoặc giấy khổ lớn.
- GV: Phân loại ý kiến, phân tích ý kiến của HS chưa rõ.
- GV: Tổng hợp và bổ sung ý kiến.

Câu 1

Hoà bình	Chiến tranh
– Đem lại cuộc sống bình yên, tự do. – Nhân dân được no ấm, hạnh phúc. – Là khát vọng của loài người.	– Gây đau thương chết chóc. – Đói nghèo, bệnh tật, không được học hành. – Thành phố, làng mạc, nhà máy bị tàn phá. – Là thảm họa của loài người.

Câu 2

Chiến tranh chính nghĩa	Chiến tranh phi nghĩa
– Tiến hành đấu tranh chống xâm lược. – Bảo vệ độc lập tự do. – Bảo vệ hoà bình.	– Gây chiến tranh giết người, cướp của. – Xâm lược đất nước khác. – Phá hoại hoà bình.

Câu 3

Cách bảo vệ hoà bình vững chắc nhất:

- Xây dựng mối quan hệ bình đẳng, hữu nghị, hợp tác các quốc gia.
- Đấu tranh chống xâm lược, bảo vệ độc lập tự do.
- GV: Kết luận và chuyển ý.

Hoạt động 4

TÌM HIỂU NỘI DUNG BÀI HỌC

- GV: Đàm thoại giúp HS hiểu được hoà bình là gì, biết được những biểu hiện của hoà bình và các hoạt động nhằm bảo vệ hoà bình, từ đó biết liên hệ trách nhiệm của bản thân.

- GV: Trao đổi cùng HS các câu hỏi sau:

Câu 1: Thế nào là hoà bình ?



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Câu 2: Biểu hiện của lòng yêu hoà bình ?

II. Nội dung bài học

Câu 1: Hoà bình là:

- Không có chiến tranh hay xung đột vũ trang.
- Là mối quan hệ hiểu biết, tôn trọng, bình đẳng và hợp tác giữa các quốc gia, dân tộc, giữa con người với con người.
- Hoà bình là khát vọng của toàn nhân loại.

Câu 2: Biểu hiện của lòng yêu hoà bình:

- Giữ gìn cuộc sống bình yên.
- Dùng thương lượng, đàm phán để giải quyết mâu thuẫn.

Câu 3: Nhân loại nói chung và dân tộc ta nói riêng phải làm gì để bảo vệ hoà bình?

- GV và HS đàm thoại theo 3 câu hỏi.
- HS bày tỏ ý kiến cá nhân.
- HS: Cả lớp nhận xét ý kiến.
- GV: Trao đổi, gợi ý HS trả lời các câu hỏi.
- GV: Kết luận và chiếu nội dung lên bảng.
- HS: Ghi bài vào vở.

- GV bổ sung: Hiện nay xung đột giữa các dân tộc, tôn giáo và quốc gia đang diễn ra, ngòi nổ chiến tranh vẫn đang âm ỉ nhiều nơi trên hành tinh của chúng ta. Vì vậy, ngăn chặn chiến tranh, bảo vệ hoà bình là trách nhiệm của toàn nhân loại.
- GV: Dân tộc ta là một dân tộc yêu chuộng hoà bình và đã phải chịu đựng khá nhiều đau thương mất mát của mấy cuộc chiến tranh gay go, ác liệt để bảo vệ độc lập tự do của tổ quốc, bởi vậy nhân dân ta càng thấu hiểu giá trị của hoà bình.

- Không để xảy ra chiến tranh, xung đột.

Câu 3: Chúng ta phải làm gì?

Toàn nhân loại cần ngăn chặn chiến tranh, bảo vệ hoà bình. Lòng yêu hoà bình thể hiện mọi nơi, mọi lúc giữa con người với con người.

- Dân tộc ta đã và đang tham gia tích cực vì sự nghiệp bảo vệ hoà bình và công lí trên thế giới.

Hoạt động 5

RÈN LUYỆN KĨ NĂNG, LÀM BÀI TẬP SGK

- GV: Sử dụng phiếu học tập
- HS: Cả lớp làm bài tập.
- GV: Gợi ý HS trả lời các câu hỏi.

- HS: Ai nhanh tay, nhanh mắt sẽ thắng trong cuộc chơi này.
- GV: Đưa ra câu hỏi (có sẵn trong phiếu học tập).

Câu 1: Những hoạt động nào sau đây bảo vệ hoà bình và chống chiến tranh?

- + Đấu tranh ngăn ngừa chiến tranh và chiến tranh hạt nhân. ☐
- + Xây dựng mối quan hệ hợp tác giữa các quốc gia trên thế giới. ☐
- + Giao lưu văn hoá giữa các nước với nhau. ☐
- + Quan hệ tổ chức thân thiện, tôn trọng giữa người và người. ☐

Câu 2: Bản thân em và các bạn có nên làm các việc sau đây để góp phần bảo vệ hoà bình?

Hoạt động	Nên	Không nên
– Đi bộ vì hoà bình. – Vẽ tranh vì hoà bình. – Viết thư cho bạn bè quốc tế. – Ủng hộ nạn nhân chất độc màu da cam. – Kêu gọi những người có lương tri nên hành động vì trẻ em.	☐	☐

Câu 3: Em có đồng ý với các nhận định sau:

- + Trong vài thập kỉ tới ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới. ☐
- + Có chiến tranh cục bộ. ☐
- + Xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo. ☐

- + Chạy đua vũ trang, lật đổ, chủ nghĩa khủng bố còn xảy ra. ☐
- + Hoà bình, hợp tác, phát triển là xu thế hiện nay. ☐
- GV: Chữa các câu hỏi.
- HS: Cả lớp tham gia nhận xét.
- GV: Hướng dẫn HS ghi bài vào vở (nếu cần).
- GV: Kết luận chuyển ý.
- GV: Cho HS làm bài tập SGK.
- GV: Tổ chức HS trò chơi đóng vai.
- GV: Đưa ra tình huống: Bài tập 4 SGK.
- HS: Tham gia tiểu phẩm, phân vai và lời thoại.
- HS: Cả lớp nhận xét.
- GV: Nhận xét và đánh giá phần tham gia của HS.

III. Bài tập

4. Củng cố



Hoạt động 6

LIÊN HỆ THỰC TẾ Củng cố KIẾN THỨC

- GV: Nếu thời gian không đủ thì có thể đưa một vài bài tập xuống hoạt động 6 để HS rèn kĩ năng liên hệ thực tế.
- GV: Cho HS tự xây dựng kế hoạch thực hiện hoạt động vì hoà bình (Có thể tổ chức theo đơn vị tổ).
- HS: Đại diện các tổ trình bày.
- HS: Cả lớp trao đổi
- GV: Gợi ý, bổ sung.
- + Thực hiện đúng kế hoạch.

- + Tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động vì hoà bình, chống chiến tranh do lớp, trường, địa phương tổ chức.
- + Biết cư xử với bạn bè xung quanh một cách bình đẳng, thân thiện.
- + Sưu tầm tranh ảnh, báo chí nói về hoà bình.

Giáo viên kết luận toàn bài:

Chúng ta ai cũng mong muốn có cuộc sống hoà bình. Trên khắp hành tinh chúng ta, hoà bình là điều kiện cần có cho mỗi người, mỗi gia đình và mỗi dân tộc. Hoà bình là điều kiện trước tiên để con người sống, học tập, lao động và sáng tạo, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Ngày nay, xu thế hoà bình, đối thoại đã và đang trở thành xu hướng chung của các dân tộc.

Tuy nhiên, vẫn còn những thế lực hiếu chiến, phản tiến bộ đang tìm mọi cách duy trì vũ khí hạt nhân và đe dọa loài người bằng vũ khí hạt nhân.

Vì vậy, việc tiếp tục đấu tranh ngăn ngừa chiến tranh và chiến tranh hạt nhân là trách nhiệm lương tâm của mỗi người, mỗi dân tộc, là nhiệm vụ cao cả của toàn nhân loại nói chung và dân tộc Việt Nam nói riêng.

Là học sinh được sống trong một dân tộc có hoà bình, chúng ta phải cố gắng phấn đấu học tập góp phần nhỏ vào việc giữ gìn hoà bình cho dân tộc ta và cả loài người tiến bộ.

5. Dặn dò

- Bài tập: 1, 2, 3 SGK.
- Sưu tầm tranh ảnh, báo chí, các chuyện, các hoạt động vì hoà bình.
- Xem trước bài 5.

E. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ 9.
- Hiến chương Liên hiệp quốc.

- Tranh, ảnh, tư liệu.
- Tìm hiểu nội dung về thủ đô Hà Nội được UNESCO công nhận là thành phố vì hoà bình.
- Việt Nam trải qua 2 cuộc chiến tranh tàn khốc sau đại chiến lần thứ 2.
 - Cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp từ 1946 đến 1954.
 - Cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ từ 1955 đến 1975.



Bài 5

TÌNH HỮU NGHỊ GIỮA CÁC DÂN TỘC TRÊN THẾ GIỚI

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS cần đạt được:

1. Kiến thức

- HS hiểu được thế nào là tình hữu nghị giữa các dân tộc.
- Ý nghĩa của tình hữu nghị giữa các dân tộc.
- Những biểu hiện, việc làm cụ thể của tình hữu nghị giữa các dân tộc.

2. Kỹ năng

- Tham gia tốt các hoạt động vì tình hữu nghị giữa các dân tộc.
- Thể hiện tình đoàn kết, hữu nghị với thiếu nhi và nhân dân các nước khác trong cuộc sống hàng ngày.

3. Thái độ

- Hành vi xử sự có văn hoá với bạn bè, khách nước ngoài đến Việt Nam.
- Tuyên truyền chính sách hoà bình, hữu nghị của Đảng và nhà nước ta.
- Góp phần giữ gìn, bảo vệ tình hữu nghị với các nước.

B. PHƯƠNG PHÁP

GV có thể sử dụng các phương pháp sau:

- Thảo luận nhóm, điều tra thực tiễn.
- Xây dựng đề án.
- Sử dụng phối hợp các hình thức làm việc cá nhân, theo nhóm, theo lớp.

C. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

- SGK, sách GV GD CD lớp 9.
- Tranh ảnh, băng hình, bài báo, câu chuyện... về tình đoàn kết, tình hữu nghị giữa thiếu nhi và nhân dân ta với thiếu nhi và nhân dân thế giới.
- Giấy khổ lớn và bút dạ.
- Máy chiếu (nếu có).

D. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**1. Ổn định tổ chức****2. Kiểm tra bài cũ****Câu hỏi:**

Em hãy nêu các hoạt động vì hoà bình ở trường, lớp và địa phương em.
Các hình thức của hoạt động đó là gì?

3. Bài mới

<i>Hoạt động của GV và HS</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
-------------------------------	-------------------------

Hoạt động 1**GIỚI THIỆU BÀI**

– GV: Cho HS cả lớp hát bài: “*Trái đất này là của chúng em*”

Lời: Đinh Hải

Nhạc: Trương Quang Lục

– GV: Đặt câu hỏi:

+ Nội dung và ý nghĩa của bài hát nói lên điều gì?

+ Bài hát có liên quan gì đến hoà bình? Thể hiện ở câu hát, hình ảnh nào?

– HS: Trả lời ý kiến cá nhân.

– GV: Biểu hiện của hoà bình là sự hữu nghị, hợp tác của các dân tộc trên thế giới. Để hiểu thêm về nội dung này, chúng ta học bài hôm nay.

Hoạt động 2

PHÂN TÍCH THÔNG TIN CỦA PHẦN ĐẶT VẤN ĐỀ

- GV: (Chuẩn bị trước số liệu, ảnh được phóng to, rõ).
- GV: + Ghi số liệu lên bảng phụ.
 - + Treo ảnh lên góc bảng (có nhiều ảnh càng tốt).
- GV: Tổ chức cho HS thảo luận chung cả lớp.
- HS: Cả lớp theo dõi bảng số liệu và ảnh.
- GV: Đưa ra các câu hỏi.

Câu 1: Quan sát các số liệu, ảnh trên, em thấy Việt Nam đã thể hiện mối quan hệ hữu nghị, hợp tác như thế nào?

Câu 2: Nêu ví dụ về mối quan hệ giữa nước ta với các nước mà em được biết?

- GV: Gợi ý cho HS trao đổi.

I. Đặt vấn đề

Câu 1: – Tính đến tháng 10/2002 Việt Nam có 47 tổ chức hữu nghị song phương và đa phương.

– Đến tháng 3/2003 Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 167 quốc gia, trao đổi đại diện ngoại giao với 61 quốc gia trên thế giới.

Câu 2: – Hội nghị cấp cao Á – Âu lần thứ 5 tổ chức tại Việt Nam là dịp để Việt Nam mở rộng ngoại giao với các nước, hợp tác về các lĩnh vực kinh tế, văn hoá... và là dịp giới thiệu cho bạn bè thế giới về đất nước và con người Việt Nam.

- HS: Tự do phát biểu ý kiến cá nhân.
- HS: Cả lớp tham gia góp ý nhận xét.
- GV: Nhận xét, kết luận.
- GV: Kết luận chuyển ý.

Hoạt động 3

LIÊN HỆ THỰC TẾ VỀ TÌNH HỮU NGHỊ

- GV: Tổ chức cho HS liên hệ hoạt động hữu nghị của nước ta với các nước nói chung và thiếu nhi Việt Nam nói riêng.

Phương án 1:

- HS giới thiệu các tư liệu sưu tầm được (HS được phân công từ trước) về các hoạt động hữu nghị:

- + Của nước ta.
- + Của thiếu nhi.

Phương án 2:

- GV: Cho HS xây dựng kế hoạch hoạt động hữu nghị (được phân công từ trước).
- HS: Từng nhóm lên trình bày kết quả sưu tầm được.
- HS: Cả lớp trao đổi nhận xét.
- GV: Nhận xét và giới thiệu thêm về tư liệu khác.
- GV: Gợi ý các hình thức hoạt động: giao lưu, kết nghĩa, viết thư, tặng quà, xin chữ kí...
- GV: Hướng dẫn học tập chung:
 - + Yêu cầu các em tích cực tham gia các hoạt động bày tỏ tình hữu nghị với nhân dân và thiếu nhi các nước.

- + Sưu tầm nhiều tư liệu, hình ảnh về các hoạt động hữu nghị.

Hoạt động 4

TÌM HIỂU NỘI DUNG BÀI HỌC

- GV: Tổ chức cho HS thảo luận nhóm.
- GV: Chia lớp thành 3 nhóm.
- GV: Giao câu hỏi cho từng nhóm.

Nhóm 1: Thế nào là tình hữu nghị giữa các nước trên thế giới? Ví dụ?

Nhóm 2: Ý nghĩa của tình hữu nghị hợp tác? Ví dụ minh họa?



II. Nội dung bài học

1) Khái niệm tình hữu nghị:

Tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới là quan hệ bè bạn thân thiện giữa nước này với nước khác.

2) Ý nghĩa của tình hữu nghị:

- Tạo cơ hội, điều kiện để các nước, các dân tộc cùng hợp tác, phát triển.
- Hữu nghị, hợp tác giúp nhau cùng phát triển kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế, khoa học kĩ thuật.
- Tạo sự hiểu biết lẫn nhau, tránh gây mâu thuẫn, căng thẳng dẫn đến nguy cơ chiến tranh.

Nhóm 3:

Câu 1: Chính sách của Đảng ta đối với hoà bình, hữu nghị?

Câu 2: HS chúng ta phải làm gì để góp phần xây dựng tình hữu nghị?

- HS: Các nhóm thảo luận.
- GV: Yêu cầu nhóm trưởng các nhóm trình bày
- HS: Các nhóm cử đại diện trình bày nội dung thảo luận của nhóm. (Trên giấy khổ to hoặc 1/3 phần ghi bảng).
- HS: Cả lớp trao đổi nhận xét.
- GV: Gọi ý, góp ý kiến.

3) Chính sách của Đảng ta về hoà bình:

- Chính sách của Đảng ta đúng đắn, có hiệu quả.
- Chủ động tạo ra các mối quan hệ quốc tế thuận lợi.
- Đảm bảo thúc đẩy quá trình phát triển của đất nước.
- Hoà nhập với các nước trong quá trình tiến lên của nhân loại.

4) HS chúng ta phải làm gì?

- Thể hiện tình đoàn kết, hữu nghị với bạn bè và người nước ngoài.
- Thái độ, cử chỉ, việc làm và sự tôn trọng, thân thuộc trong cuộc sống hàng ngày.

- GV: Kết luận nội dung của bài (có thể chiếu nội dung lên bảng).
- HS: Ghi vào vở.
- HS: Tự ghi ví dụ.
- HS: Nhắc lại các nội dung của bài học.
- GV: Kết luận chuyển ý.

Hoạt động 5

LIÊN HỆ THỰC TẾ, GIẢI BÀI TẬP SGK

- GV: Tổ chức HS thảo luận cả lớp.
- GV: Liên hệ các hoạt động về tình hữu nghị, hợp tác của nước ta với các nước trên thế giới. Từ đó giúp HS biết liên hệ việc làm cụ thể của cá nhân để góp phần thực hiện đường lối đối ngoại, hữu nghị của nhà nước ta.
- GV: Đặt câu hỏi:
Câu 1: Nêu các hoạt động về tình hữu nghị của nước ta mà em được biết.
Câu 2: Công việc cụ thể của các hoạt động đó?
Câu 3: Những việc làm cụ thể của HS góp phần phát triển tình hữu nghị (kể cả việc làm chưa tốt)?
- GV: Lần lượt mời mỗi HS nêu một biểu hiện. GV liệt kê lên bảng hoặc giấy khổ to.
- HS: Suy nghĩ liên hệ bày tỏ ý kiến cá nhân.
- HS: Cả lớp góp ý, bổ sung.
- GV: Kết luận chung.

Đáp án:

Câu 1: Các hoạt động:

- Quan hệ tốt đẹp, bền vững lâu dài với Lào, Campuchia.

III. Bài tập

- Thành viên hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN).
- Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á Thái Bình Dương (APEC).
- Tăng cường quan hệ với các nước phát triển.
- Quan hệ nhiều nước, nhiều tổ chức quốc tế.

Câu 2: Việc làm cụ thể:

- Quan hệ đối tác kinh tế, khoa học kĩ thuật, công nghệ thông tin.
- Văn hoá, giáo dục, y tế, dân số.
- Du lịch.
- Xóa đói, giảm nghèo.
- Môi trường.
- Hợp tác chống các bệnh SARS – HIV/AIDS.
- Chống khủng bố, an ninh toàn cầu.

Câu 3:

Việc làm tốt	Chưa tốt
– Quyên góp ủng hộ nạn nhân chất độc da cam. – Tích cực tham gia lao động, hoạt động nhân đạo. – Bảo vệ môi trường. – Chia sẻ nỗi đau với các bạn mà nước họ bị khủng bố, xung đột. – Thông cảm, giúp đỡ các bạn ở nước nghèo đói. – Cư xử văn minh, lịch sự với người nước ngoài.	– Thờ ơ với nỗi bất hạnh của người khác. – Thiếu lành mạnh trong lối sống. – Không tham gia các hoạt động nhân đạo mà trường tổ chức. – Thiếu lịch sự, thô lỗ với khách nước ngoài.

- GV: Kết luận và hướng dẫn.

- HS: Làm bài tập SGK.
- HS: Làm bài 2 SGK, trang 19.

Bài 2: Em làm gì trong các tình huống sau đây?
Vì sao?

- a) Bạn em có thái độ thiếu lịch sự với người nước ngoài.
- b) Trường em tổ chức giao lưu với người nước ngoài.

Đáp án:

a) Em góp ý kiến với bạn, cần phải có thái độ văn minh, lịch sự với người nước ngoài. Cần giúp đỡ họ tận tình nếu họ yêu cầu, có như vậy mới phát huy tình hữu nghị với các nước.

b) Em tham gia tích cực, đóng góp sức mình, ý kiến cho cuộc giao lưu vì đây là dịp giới thiệu con người và đất nước Việt Nam, để họ thấy được chúng ta lịch sự, hiếu khách.

- GV: Kết luận, chuyển ý.

4. Củng cố

Hoạt động 6

RÈN LUYỆN KĨ NĂNG, Củng cố KIẾN THỨC

- GV: Tổ chức cho HS trò chơi sắm vai.

- HS: Cử đại diện HS lớp tham gia.
 - GV: Đưa ra tình huống, thời gian thực hiện.
- Tình huống:* Một bạn học sinh gặp một khách du lịch nước ngoài.
- GV: Cho HS tự phân vai, tự lo lời thoại.
 - HS: Tự giải quyết tình huống.
- Theo 2 cách: + Thái độ lịch sự, văn hoá của bạn.
+ Thái độ thô lỗ, thiếu lịch sự.
- HS: Chọn 1 trong 2 cách thể hiện.
 - HS: Thể hiện tiểu phẩm.
 - HS: Cả lớp nhận xét tiểu phẩm của các bạn.
 - GV: Nhận xét, đánh giá.

Giáo viên kết luận toàn bài:

Giao lưu quốc tế trong thời đại ngày nay trở thành yêu cầu sống còn của mỗi dân tộc. Chính sách đối ngoại luôn là sự nối tiếp của chính sách đối nội phát triển đất nước.

Đối với đất nước ta trong thời kỳ đổi mới hiện nay rất cần đến tình hữu nghị, hợp tác. Vấn đề này sẽ giúp cho sự phát triển toàn diện của đất nước.

Bản thân chúng ta hãy ra sức học tập, lao động để góp phần xây dựng đất nước. Có quan điểm đúng đắn, phát huy tinh thần hữu nghị, hợp tác để xây dựng đất nước nhanh chóng hoà nhập thế giới.

5. Dặn dò

- Bài tập 1,3,4 SGK.
- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh cho bài 6.

E. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ 9 của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Hiến pháp năm 1992.

- Tài liệu liên quan Liên hợp quốc.
- Ngày 20/6 – ngày quốc tế đòi giải trừ vũ khí hạt nhân.
- Bác Hồ nói về tình hữu nghị hợp tác.

*“Quan sơn muôn dặm một nhà,
Bốn phương vô sản đều là anh em.”*

*“Trăm ơn, ngàn nghĩa, vạn tình,
Tinh thần hữu nghị quang vinh muôn đời.”*

*“Thương nhau mấy núi cũng trèo,
Mấy sông cũng lội, mấy đèo cũng qua.*

*Việt – Lào hai nước chúng ta,
Tình sâu hơn nước Hồng Hà – Cửu Long.”*



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 6

HỢP TÁC CÙNG PHÁT TRIỂN

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS cần đạt được:

1. Kiến thức

- Hiểu được thế nào là hợp tác, các nguyên tắc hợp tác, sự cần thiết phải hợp tác.
- Đường lối của Đảng và nhà nước ta trong vấn đề hợp tác với các nước khác.
- Trách nhiệm của HS chúng ta trong việc rèn luyện tinh thần hợp tác cùng phát triển.

2. Kỹ năng

- Có nhiều việc làm cụ thể về sự hợp tác trong học tập, lao động và hoạt động xã hội.
- Biết hợp tác với bạn bè và mọi người trong các hoạt động chung.

3. Thái độ

- Tuyên truyền, vận động mọi người ủng hộ chủ trương, chính sách của Đảng về sự hợp tác cùng phát triển.
- Bản thân phải thực hiện tốt yêu cầu của sự hợp tác cùng phát triển.

B. PHƯƠNG PHÁP

GV có thể sử dụng kết hợp các phương pháp:

- Thảo luận nhóm, điều tra thực tiễn, liên hệ và tự liên hệ.
- Sử dụng phối hợp các hình thức học theo cá nhân, theo nhóm, theo lớp.
- Tổ chức diễn đàn (nếu có điều kiện).

C. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

- SGK, sách GV GDCD lớp 9.
- Tranh ảnh, băng hình, bài báo, câu chuyện... về sự hợp tác giữa nước ta và các nước khác.
- Máy chiếu (nếu có).

D. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**1. Ổn định tổ chức****2. Kiểm tra bài cũ**

GV gọi HS lên bảng trả lời câu hỏi trắc nghiệm (Ghi ở tờ giấy khổ to hoặc lên bảng).

Em đồng ý với hành vi nào sau đây (đánh dấu × vào ý kiến đúng):

- Chăm chỉ học tốt môn ngoại ngữ. ☐
- Giúp đỡ khách nước ngoài du lịch sang Việt Nam. ☐
- Tích cực tham gia hoạt động giao lưu các bạn học sinh nước ngoài. ☐
- Tham gia thi vẽ tranh vì hoà bình. ☐
- Chia sẻ với nạn nhân chất độc màu da cam. ☐
- Thiếu lịch sự, không khiêm tốn với khách nước ngoài. ☐
- Ném đá treu chọc trẻ em nước ngoài. ☐

HS: Cả lớp theo dõi, nhận xét.

GV: Bổ sung, đánh giá.

3. Bài mới

<i>Hoạt động của GV và HS</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
-------------------------------	-------------------------

Hoạt động 1
GIỚI THIỆU BÀI

Loài người ngày nay đang đứng trước những vấn đề nóng bỏng, có liên quan đến cuộc sống của mỗi dân tộc cũng như toàn nhân loại, đó là:

- Bảo vệ hoà bình, chống chiến tranh hạt nhân, chống khủng bố...
- Tài nguyên, môi trường.
- Dân số và kế hoạch hoá gia đình.
- Bệnh tật hiểm nghèo (đại dịch AIDS).
- Cách mạng khoa học công nghệ.

Việc giải quyết các vấn đề trên là trách nhiệm của cả loài người chứ không riêng một quốc gia nào, dân tộc nào. Để hoàn thành sứ mệnh lịch sử này, cần có sự hợp tác giữa các dân tộc, các quốc gia trên thế giới. Đây là ý nghĩa của bài học hôm nay.

Hoạt động 2

PHÂN TÍCH CÁC THÔNG TIN CỦA PHẦN ĐẶT VẤN ĐỀ

- GV: Tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận cả lớp về các thông tin trong phần đặt vấn đề (đã chuẩn bị trước).
- HS: Trả lời các câu hỏi
- GV: Đặt các câu hỏi:

Câu 1: Qua thông tin về Việt Nam tham gia các tổ chức quốc tế, em có suy nghĩ gì?

Câu 2: Bức ảnh về trung tướng phi công Phạm Tuân nói lên ý nghĩa gì?

I. Đặt vấn đề

Câu 1: Việt Nam tham gia vào các tổ chức quốc tế trên các lĩnh vực: thương mại, y tế, lương thực và nông nghiệp, giáo dục, khoa học, quỹ nhi đồng. Đó là sự hợp tác toàn diện thúc đẩy sự phát triển của đất nước.

Câu 2: Trung tướng Phạm Tuân là người Việt Nam đầu tiên bay vào vũ trụ với sự giúp đỡ của nước Liên Xô cũ.

Câu 3: Bức ảnh cầu Mỹ Thuận là biểu tượng nói lên điều gì?

Câu 4: Bức ảnh các bác sĩ Việt Nam và Mỹ đang làm gì và có ý nghĩa như thế nào?

- GV: Gọi HS lần lượt trả lời các câu hỏi.
- HS: Cả lớp làm việc.
- HS: Trả lời cá nhân.
- HS: Cả lớp nhận xét.
- GV: Nhận xét, bổ sung và kết luận chung hệ thống các câu hỏi.
- GV: Qua phân trao đổi, chúng ta rút ra bài học gì?

Câu 3: Cầu Mỹ Thuận là biểu tượng sự hợp tác giữa Việt Nam và Ôxtrâyliia về lĩnh vực giao thông vận tải.

Câu 4: Các bác sĩ Việt Nam và Mỹ “phẫu thuật nụ cười” cho trẻ em Việt Nam, thể hiện sự hợp tác về y tế và nhân đạo.

- Rút ra bài học ý nghĩa.

Hoạt động 3

TRAO ĐỔI VỀ THÀNH QUẢ CỦA SỰ HỢP TÁC

- GV: Gọi ý cùng trao đổi với HS về thành quả của sự hợp tác.
- GV: Đưa ra các câu hỏi liên quan đến nội dung (được giao từ tuần trước).
- HS: Làm việc cá nhân.
- HS: Cả lớp tham gia thảo luận chung.
- GV và HS cùng trao đổi.

Câu 1: Nêu một số thành quả của sự hợp tác giữa nước ta và các nước khác.

- HS trả lời cá nhân:
 - + Cầu Mỹ Thuận.
 - + Nhà máy thủy điện Hoà Bình.
 - + Cầu Thăng Long.
 - + Khai thác dầu Vũng Tàu.
 - + Khu chế xuất lọc dầu Dung Quất.
 - + Bệnh viện Việt – Nhật.
- HS: Cả lớp góp ý kiến.
- GV: Nhận xét, bổ sung và kết luận.

Câu 2: Quan hệ hợp tác với các nước sẽ giúp chúng ta các điều kiện sau:

- a) Vốn.
- b) Trình độ quản lí.
- c) Khoa học – Công nghệ.

Em cho biết ý kiến đúng?

- HS: Trả lời cá nhân: 3 ý kiến đúng.
- HS: Cả lớp bổ sung.
- GV: Bổ sung thêm: Đất nước ta đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội từ một nước nghèo, lạc hậu nên rất cần cả 3 điều kiện trên.

Câu 3: Bản thân em có thấy được tác dụng của hợp tác với các nước trên thế giới?

- HS: Trả lời cá nhân.
 - + Hiểu biết của em rộng hơn.
 - + Tiếp cận với trình độ khoa học kĩ thuật của các nước.
 - + Nhận biết được tiến bộ, văn minh của nhân loại.
 - + Bổ sung thêm về nhận thức lí luận và thực tiễn.

- + Gián tiếp – trực tiếp giao lưu với bạn bè.
- + Đời sống vật chất và tinh thần của bản thân và gia đình nâng cao.

– HS: Cả lớp bổ sung thêm.

– GV: Nhận xét, kết luận.

Giao lưu quốc tế trong thời đại ngày nay trở thành yêu cầu sống của mỗi dân tộc. Hợp tác hữu nghị với các nước giúp đất nước ta tiến nhanh, tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội. Nó cũng là cơ hội của thế hệ trẻ nói chung và bản thân các em nói riêng trưởng thành và phát triển toàn diện.

Hoạt động 4

TÌM HIỂU NỘI DUNG BÀI HỌC SGK

- GV: Tổ chức cho HS thảo luận nhóm.
- HS : Chia thành 3 nhóm.
- GV: Yêu cầu HS thảo luận theo câu hỏi.



Nhóm 1:

Câu 1: Em hiểu thế nào là hợp tác?

Câu 2: Hợp tác dựa trên nguyên tắc nào?

II. Nội dung bài học

1) Thế nào là hợp tác?

– Hợp tác là cùng chung sức làm việc, giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau trong công việc, lĩnh vực nào đó vì lợi ích chung.

– Nguyên tắc hợp tác:

+ Dựa trên cơ sở bình đẳng.

+ Hai bên cùng có lợi.

+ Không hại đến lợi ích người khác.

Nhóm 2: Ý nghĩa của hợp tác với các nước đối với:

- a) Toàn nhân loại.
- b) Việt Nam.

Nhóm 3:

Câu 1: Chủ trương của Đảng và nhà nước ta trong công tác đối ngoại.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2) Ý nghĩa của hợp tác cùng phát triển:

- Hợp tác quốc tế để cùng nhau giải quyết những vấn đề bức xúc có tính toàn cầu.
- Giúp đỡ, tạo điều kiện cho các nước nghèo phát triển.
- Để đạt được mục tiêu hoà bình cho toàn nhân loại.

3) Chủ trương của Đảng và nhà nước ta:

- Coi trọng, tăng cường hợp tác các nước trong khu vực và trên thế giới.
- Nguyên tắc: Độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.
- Không can thiệp nội bộ, không dùng vũ lực.
- Bình đẳng cùng có lợi.
- Giải quyết bất đồng bằng thương lượng hoà bình.
- Phản đối âm mưu và hành động gây sức ép, áp đặt, cường quyền, can thiệp nội bộ nước khác.

Câu 2: Trách nhiệm của bản thân em trong việc rèn luyện tinh thần hợp tác.

*** Về bản thân:**

- Rèn luyện tinh thần hợp tác với bạn bè và mọi người xung quanh.
- Luôn luôn quan tâm đến tình hình thế giới và vai trò của Việt Nam.
- Có thái độ hữu nghị, đoàn kết với người nước ngoài và giữ gìn phẩm chất tốt đẹp của người Việt Nam trong giao tiếp.
- Tham gia hoạt động hợp tác trong học tập, lao động và hoạt động tinh thần khác.



- HS: Các nhóm thảo luận.
- HS: Đại diện nhóm trình bày câu hỏi.
- HS: Cả lớp trao đổi, bổ sung.
- GV: Nhận xét, kết luận.
- GV: Ghi nội dung hoặc chiếu lên bảng.
- HS: Ghi bài vào vở.
- GV: Cho 1 HS đọc lại nội dung 1 lần cho cả lớp cùng nghe.

Lưu ý: Những bức xúc có tính toàn cầu GV đã nói cụ thể ở phần trước (Môi trường, bùng nổ dân số, đói nghèo, bệnh tật hiểm nghèo...).

Hoạt động 5

LUYỆN TẬP BÀI TẬP SGK

- GV: Hướng dẫn HS giải bài tập 3, 4 SGK trang 23.
 - GV: Tổ chức cho HS trò chơi sắm vai.
 - HS: Chọn ra 2 nhóm tham gia tiểu phẩm.
 - GV: Đưa ra tình huống cho 2 nhóm.
- Nhóm 1:** Giới thiệu tấm gương hợp tác tốt (có thể chưa tốt).
- Nhóm 2:** Giới thiệu về một thành quả hợp tác tốt ở địa phương.
- HS: Các nhóm tự phân vai, tự viết lời thoại.
 - HS: Các nhóm thể hiện tiểu phẩm
 - HS: Cả lớp quan sát, góp ý.
 - GV: Nhận xét, kết luận.

III. Bài tập

4. Củng cố

Hoạt động 6

RÈN LUYỆN VÀ Củng cố KIẾN THỨC

Để rèn luyện ý thức hợp tác cho HS và khắc sâu kiến thức đã học.

- GV: Tổ chức cho HS luyện tập, liên hệ thực tế.
- GV: Giao phiếu học tập.

Câu hỏi: Em đồng ý với ý kiến nào sau đây:

- a) Học tập là việc của từng người, phải tự cố gắng.
- b) Cần trao đổi, hợp tác với bạn bè những lúc gặp khó khăn.
- c) Không nên ỷ lại người khác.
- d) Lịch sự, văn minh với khách nước ngoài.

Đáp án đúng: Ý kiến đúng: b, c, d, f.

- e) Dùng hàng ngoại tốt hơn hàng nội.
- f) Tham gia tốt các hoạt động từ thiện.
- GV: Gọi HS trả lời nhanh nhất lên bảng trình bày.
- HS: Cả lớp nhận xét.
- GV: Gọi ý HS giải thích vì sao đúng, vì sao sai.
- GV: Nhận xét, bổ sung ý kiến.

Giáo viên kết luận toàn bài:

Quá trình đổi mới của nước ta hiện nay diễn ra trong khi trên thế giới có nhiều biến đổi to lớn cả về kinh tế và chính trị.

Về kinh tế, tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại và quá trình quốc tế hoá nền sản xuất vật chất và đời sống xã hội; về chính trị, chủ nghĩa xã hội đang khủng hoảng trầm trọng, vì vậy chính sách hữu nghị hợp tác càng có vai trò quan trọng trong việc góp phần tạo ra các điều kiện để đất nước có thể phát triển nhanh về kinh tế, ổn định chính trị, tận dụng những thành tựu khoa học của loài người để vững bước trên con đường xã hội chủ nghĩa.

Là một công dân tương lai của đất nước xã hội chủ nghĩa, chúng ta cần hiểu rõ hơn trách nhiệm của mình trong sự nghiệp xây dựng đất nước nói chung và hợp tác với các nước nói riêng.

5. Dặn dò

- Bài tập 1,2 SGK.
- Chuẩn bị bài mới.

E. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Tư liệu, tranh ảnh, sách báo nói về hợp tác.
- Nghị quyết Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ 9.
- Tìm hiểu về việc đầu tư của các nước với Việt Nam (Xếp theo thứ tự nhiều → ít).
- Tham gia giao lưu với bạn bè quốc tế.

Bài 7

KẾ THỪA VÀ PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA DÂN TỘC

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS cần đạt được:

1. Kiến thức

- Hiểu được thế nào là truyền thống tốt đẹp của dân tộc và một số truyền thống tiêu biểu của dân tộc Việt Nam.
- Ý nghĩa của truyền thống dân tộc và sự cần thiết phải kế thừa, phát huy truyền thống dân tộc.
- Trách nhiệm của công dân, HS đối với việc kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

2. Kỹ năng

- Biết phân biệt truyền thống tốt đẹp của dân tộc với phong tục, tập quán, thói quen lạc hậu cần xoá bỏ.
- Có kỹ năng phân tích, đánh giá những quan niệm, thái độ, cách ứng xử khác nhau liên quan đến các giá trị truyền thống.
- Tích cực học tập và tham gia các hoạt động truyền thống, bảo vệ truyền thống dân tộc.

3. Thái độ

- Có thái độ tôn trọng, bảo vệ, giữ gìn truyền thống tốt đẹp của dân tộc.
- Biết phê phán đối với những thái độ và việc làm thiếu tôn trọng hoặc xa rời truyền thống dân tộc.
- Có những việc làm cụ thể để giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

B. PHƯƠNG PHÁP

GV có thể sử dụng các phương pháp sau:

- Thảo luận nhóm, lớp.
- Phân tích tình huống.
- Sắm vai.

C. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

- SGK, sách GV GD CD lớp 9.
- Ca dao, tục ngữ, câu chuyện nói về chủ đề.
- Những tình huống, trường hợp có liên quan đến chủ đề trong thực tế.
- Giấy khổ lớn và bút dạ.
- Máy chiếu, đầu video (nếu có).

D. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ

Câu hỏi: Những việc làm nào sau đây là hợp tác quốc tế trong vấn đề bảo vệ môi trường (Đánh dấu X ý kiến đúng):

- Các hoạt động hưởng ứng ngày môi trường thế giới ☐
- Tham gia thi vẽ tranh về bảo vệ môi trường. ☐
- Đầu tư của các nước phát triển cho việc bảo vệ rừng, tài nguyên. ☐
- Đầu tư của các tổ chức nước ngoài về vấn đề nước sạch cho người nghèo. ☐
- Giao lưu bạn bè quốc tế, tham gia trại hè chủ đề môi trường. ☐
- Thi hùng biện về môi trường. ☐
- GV: Chuẩn bị câu hỏi lên khổ giấy to hoặc bảng phụ.
- HS: Lên bảng trả lời.
- HS: Cả lớp góp ý.
- GV: Nhận xét, cho điểm.

Tiết 1**3. Bài mới**

<i>Hoạt động của GV và HS</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
-------------------------------	-------------------------

Hoạt động 1**GIỚI THIỆU BÀI**

Đêm đã khuya. Giờ này chắc không còn ai đến chào mừng cô giáo Mai nhân ngày 20/11. Nhưng bỗng có tiếng gõ cửa rụt rè. Cô giáo Mai ra mở cửa. Trước mắt cô là người lính rần rở, đầy nghị lực, tay cầm một bó hoa. Sau khi đã bình tâm trở lại, cô giáo Mai nhận ra em học trò nghịch ngợm mà có lần vô lễ với cô. Người lính nắm bàn tay cô giáo, nước mắt rưng rưng với một lỗi ân hận vì chưa có dịp được cô tha lỗi...

- GV: Câu chuyện trên nói về đức tính gì của người lính?
- HS: Trả lời.
- GV: Đức tính đó là biểu hiện truyền thống đạo đức gì của dân tộc ta?
- HS: Trả lời.
- GV: Truyền thống nói chung và truyền thống đạo đức nói riêng là giá trị tinh thần vô giá của dân tộc ta. Để hiểu rõ thêm về vấn đề này chúng ta học bài hôm nay.

Hoạt động 2**TÌM HIỂU VỀ HAI CÂU CHUYỆN PHẦN ĐẶT VẤN ĐỀ**

- GV: Cho HS thảo luận theo nhóm.
- HS: Chia thành 3 nhóm.
- GV: Yêu cầu mỗi nhóm đọc và thảo luận về 2 câu chuyện của phần đặt vấn đề.
- HS: Cử đại diện nhóm và thư kí.
- HS: Thư kí ghi ý kiến nhóm lên giấy khổ to hoặc biên bản thảo luận.

I. Đặt vấn đề

– GV: Giao câu hỏi cho nhóm.

Nhóm 1:

Câu 1: Lòng yêu nước của dân tộc ta thể hiện như thế nào qua lời của Bác Hồ?

Câu 2: Tình cảm và việc làm trên là biểu hiện của truyền thống gì?

Nhóm 1:

1) Lòng yêu nước thể hiện:

* Tinh thần yêu nước sôi nổi, nó kết thành làn sóng mạnh mẽ, to lớn. Nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn. Nó nhấn chìm lũ bán nước và lũ cướp nước.

* Thực tiễn đã chứng minh điều đó.

– Các cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc (Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi... chống Pháp và chống Mỹ.)

– Các chiến sĩ ngoài mặt trận, các công chức ở hậu phương, phụ nữ cũng tham gia kháng chiến. Các bà mẹ anh hùng, công nhân, nông dân thi đua sản xuất...

2) Những tình cảm, việc làm tuy khác nhau nhưng đều giống nhau ở lòng yêu nước nồng nàn và biết phát huy truyền thống yêu nước.

Nhóm 2:

Câu 1: Cụ Chu Văn An là người như thế nào?

– GV: Bổ sung:

Phạm Sư Mạnh là học trò của cụ Chu Văn An, giữ chức hành khiển, một chức quan to.

Câu 2: Nhận xét của em về cách cư xử của học trò cũ với thầy giáo Chu Văn An? Cách cư xử đó biểu hiện truyền thống gì?

– GV: Bổ sung.

Các hành vi của học trò cũ của cụ Chu Văn An:

– Đứng giữa sân vái chào vào nhà.

– Chào to kính cẩn.

– Không dám ngồi sập.

– Xin ngồi ghế kế bên.

– Trả lời cặn kẽ mọi việc.

Nhóm 3: Qua 2 câu chuyện trên, em có suy nghĩ gì?

– HS: Các nhóm thảo luận.

– HS: Cử đại diện trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.

– HS : Cả lớp trao đổi, bổ sung.

– GV : Nhận xét và kết luận.

Nhóm 2:

Câu 1:

* Cụ Chu Văn An là một nhà giáo nổi tiếng đời Trần.

* Cụ có công đào tạo nhiều nhân tài cho đất nước.

* Học trò của cụ nhiều người là những nhân vật nổi tiếng.

Câu 2:

* Học trò cũ của Cụ tuy làm chức quan to vẫn cùng bạn đến mừng sinh nhật thầy. Họ cư xử đúng tư cách của một người học trò kính cẩn, lễ phép, khiêm tốn, tôn trọng thầy giáo cũ của mình.

* Cách cư xử của học trò cụ Chu Văn An thể hiện truyền thống “Tôn sư trọng đạo” của dân tộc ta.

Nhóm 3: Bài học:

* Lòng yêu nước của dân tộc ta là một truyền thống quý báu. Đó là truyền thống yêu nước còn giữ mãi đến ngày nay.

* Biết ơn, kính trọng thầy cô dù mình là ai, đó là truyền thống “Tôn sư trọng đạo” của dân tộc ta. Đồng thời tự thấy mình cần phải rèn luyện những đức tính như học trò của cụ Chu Văn An.

– GV : Kết luận chuyển ý.

Dân tộc Việt Nam có truyền thống lâu đời, với mấy nghìn năm văn hiến. Chúng ta có thể tự hào về bề dày lịch sử của truyền thống dân tộc. Truyền thống yêu nước, truyền thống “Tôn sư trọng đạo” được đề cập trong 2 câu chuyện trên đã giúp chúng ta hiểu về truyền thống của dân tộc và đó là truyền thống mang ý nghĩa tích cực. Tuy nhiên chúng ta cần hiểu rõ truyền thống mang tính tiêu cực và thái độ của chúng ta như thế nào?

Hoạt động 3

TÌM HIỂU TRUYỀN THỐNG MANG YẾU TỐ TÍCH CỰC – TIÊU CỰC VÀ KẾ THỪA PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG NHƯ THẾ NÀO?

– GV : Cùng HS cả lớp thảo luận

– HS: Cả lớp làm việc.

– GV: Gợi ý yêu cầu HS cùng trao đổi các vấn đề sau:

Câu 1: Theo em, bên cạnh truyền thống dân tộc mang ý nghĩa tích cực, còn có truyền thống, thói quen, lối sống tiêu cực không? Nêu một vài ví dụ minh họa?

- GV: Có thể sử dụng bảng phụ hoặc giấy khổ to chia câu hỏi thành 2 phần.
- HS: Lên bảng trình bày.
- GV: Liệt kê ý kiến lên bảng.

Đáp án:

<i>Yếu tố tích cực</i>	<i>Yếu tố tiêu cực</i>
– Truyền thống yêu nước. – Truyền thống đạo đức. – Truyền thống đoàn kết. – Truyền thống cần cù lao động. – Tôn sư trọng đạo. – Phong tục tập quán lành mạnh.	– Tập quán lạc hậu. – Nếp nghĩ, lối sống tùy tiện. – Cui thường pháp luật. – Tư tưởng địa phương hẹp hòi. – Tục lệ ma chay, cưới xin, lễ hội ... lãng phí, mê tín dị đoan.

- HS : Cả lớp góp ý thêm.
 - GV: Gợi ý bổ sung (HS tự lấy ví dụ).
 - GV: Có thể đặt tiếp câu hỏi cho phần này.
- Câu 2:* Em hiểu thế nào là phong tục, hủ tục?
- HS: (Nếu nhận biết nhanh). Câu hỏi cho HS khá giỏi.

Đáp án:

- * Những yếu tố truyền thống tốt thể hiện sự lành mạnh và là phần chủ yếu gọi là phong tục.
 - * Ngược lại, truyền thống không tốt, không phải là chủ yếu gọi là hủ tục.
 - HS: Cả lớp góp ý.
 - GV: Nhận xét, bổ sung.
- Câu 3:* Thế nào là kế thừa, phát huy truyền thống dân tộc?
- HS: Phát biểu ý kiến cá nhân.

– GV: Chỉ định HS trả lời.

Đáp án: Kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc là: trân trọng, bảo vệ, tìm hiểu, học tập, thực hành giá trị truyền thống để cái hay, cái đẹp của truyền thống phát triển và toả sáng.

– GV: Giải thích thêm:

* Kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc nhưng cần có nguyên tắc, đó là chọn lọc, tránh và loại bỏ những hủ tục.

* Kế thừa, phát huy truyền thống dân tộc là giữ gìn bản sắc dân tộc đồng thời học hỏi tinh hoa văn hóa nhân loại. Mỗi dân tộc muốn phát triển cần giao lưu học hỏi và tôn trọng truyền thống các dân tộc khác để làm giàu và bổ sung cho dân tộc mình.

Tuy nhiên, học hỏi cũng cần có sự chọn lọc, tránh chạy theo cái lạ, mốt, kệch cỡm, phủ nhận quá khứ...

– GV: Gợi ý HS lấy ví dụ minh họa.

– HS: Trả lời cá nhân.

Đáp án:

– Truyền thống thờ cúng tổ tiên.

– Truyền thống áo dài Việt Nam.

– Truyền thống ẩm thực Việt Nam.

– Truyền thống hát những làn điệu dân ca.

– Giao lưu văn hoá với các nước.

– Giao lưu thể thao.

– Giao lưu du lịch.

– Tổ chức Festival âm nhạc Na-Uy – Ấn Độ – Việt Nam.

– GV: Bổ sung ý kiến.

– GV : *Kết luận tiết 1:*

Truyền thống dân tộc được giới thiệu trong bài là giá trị tinh thần được hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài của dân tộc. Kế thừa và phát huy truyền thống là bảo tồn, giữ gìn những giá trị tốt đẹp đồng thời giao lưu học hỏi tinh hoa của nhân loại để làm giàu cho truyền thống của chúng ta.

Tiết 2

– GV : Hướng dẫn HS làm bài tập thay cho kiểm tra miệng và để kiểm tra kiến thức Tiết 1.

– GV: Gọi 2 HS lên bảng làm bài tập.

Bài 1	Bài 2
Những thái độ và hành vi nào sau đây thể hiện sự thừa kế và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc?	Những câu tục ngữ nào sau đây nói về truyền thống dân tộc?
1. Thích trang phục truyền thống Việt Nam. 2. Yêu thích nghệ thuật dân tộc. 3. Tìm hiểu văn học dân gian. 4. Tham gia hoạt động đền ơn, đáp nghĩa. 5. Theo mẹ đi xem bói. 6. Thích nghe nhạc cổ điển. 7. Quần bó, áo chèn, tóc nhuộm vàng là mốt.	1. Uống nước nhớ nguồn. 2. Tôn sư trọng đạo. 3. Con chim có tổ, con người có tông. 4. Lời chào cao hơn mâm cỗ. 5. Nuôi lợn ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng. 6. Cỏ bèo hơn cây nứa. 7. Bất giác phải có gan, chống thuyền phải có sức.

– HS : Lên bảng trả lời.

– HS: Cả lớp nhận xét.

– GV: Nhận xét, đánh giá.

– HS: Chữa vào vở.

Hoạt động 4

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TÌM HIỂU NỘI DUNG BÀI HỌC

- GV: Chia lớp thành 3 nhóm.
- GV: Yêu cầu HS thảo luận các nội dung sau:

Nhóm 1:

Câu 1: Truyền thống là gì?

Câu 2: Ý nghĩa của truyền thống dân tộc?

- GV: Gợi ý thêm giá trị tinh thần như: tư tưởng, đức tính, lối sống, cách ứng xử tốt đẹp.

Nhóm 2:

Câu 1: Dân tộc Việt Nam có những truyền thống gì?

- GV: Bổ sung: Yêu nước, chống giặc ngoại xâm, nhân nghĩa, cần cù lao động, hiếu cha

II. Nội dung bài học

1) Khái niệm truyền thống:

Truyền thống tốt đẹp của dân tộc là những giá trị tinh thần hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài của dân tộc, truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

2) Dân tộc ta có những truyền thống:

- Yêu nước.
- Đoàn kết.
- Đạo đức.
- Lao động.
- Hiếu học.
- Tôn sư trọng đạo.
- Hiếu thảo.
- Phong tục tập quán tốt đẹp.
- Văn học.
- Nghệ thuật.

mẹ, kính thầy mến bạn..., kho tàng văn hoá, áo dài Việt Nam, tuồng, chèo, dân ca...

Câu 2: Có ý kiến cho rằng ngoài truyền thống đánh giặc ra, dân tộc ta có truyền thống gì đáng tự hào đâu? Em có đồng ý với ý kiến trên không? Vì sao?

Nhóm 3: Chúng ta cần làm gì và không nên làm gì để kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc?

– GV: Bổ sung: Thái độ, hành vi chê bai, phủ nhận truyền thống tốt đẹp của dân tộc hoặc bảo thủ trì trệ, hoặc ca ngợi chủ nghĩa tư bản, thích hàng ngoại, đua đòi...

– GV: Nhắc nhở các nhóm về yêu cầu thảo luận.

– HS: Đưa ra nhiều ý kiến, giải pháp, liên hệ thực tế cá nhân, tập thể.

– GV: Cho các nhóm trình bày.

– HS: Cử đại diện nhóm trình bày.

– HS: Cả lớp trao đổi, bổ sung.

– GV: Kết luận.

– HS: Ghi nội dung bài vào vở.

– GV: Kết luận chuyển ý.

3) Trách nhiệm của chúng ta:

– Bảo vệ, kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, góp phần giữ gìn bản sắc dân tộc.

– Tự hào truyền thống dân tộc, phê phán, ngăn chặn tư tưởng, việc làm phá hoại đến truyền thống của dân tộc.

Hoạt động 5

LUYỆN TẬP GIẢI BÀI TẬP SGK

– GV: Sử dụng phiếu học tập.

– HS: Làm bài tập 1, 3 SGK, trang 25, 26.

– GV: Phát phiếu 1/2 lớp câu 1, 1/2 lớp câu 2.

– HS: Cả lớp trả lời vào phiếu.

– GV: Gọi HS trả lời nhanh nhất.

III. Bài tập

- HS: Lên bảng trả lời.
- GV: Ghi ý kiến HS lên bảng.
- HS: Cả lớp góp ý kiến.
- GV: Đưa ra đáp án đúng.

Bài 1: Ý kiến đúng.

- Tìm đọc tài liệu nói về truyền thống và phong tục, tập quán của dân tộc.
- Đánh giá cao, kính phục các nghệ nhân của những nghề truyền thống.
- Tích cực tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa.
- Tích cực tìm hiểu lịch sử, đấu tranh chống giặc ngoại xâm.
- Thích xem phim, kịch, nghe nhạc Việt Nam.
- Sưu tầm món ăn, trang phục độc đáo dân tộc.
- Tìm hiểu và giới thiệu với mọi người về các lễ hội truyền thống của dân tộc.

Bài 3: Ý kiến đúng:

- Truyền thống là những kinh nghiệm quý giá.
- Nhờ có truyền thống, mỗi dân tộc mới giữ được bản sắc riêng.
- Dân tộc Việt Nam có nhiều truyền thống tốt đẹp đáng tự hào.

– GV: Kết luận, chuyển ý.

– Không được để các truyền thống dân tộc bị mai một, lãng quên.

4. Củng cố

Hoạt động 6

RÈN LUYỆN THỰC TẾ Củng cố KIẾN THỨC

Phương án 1:

- GV: Tổ chức cho HS trò chơi sắm vai.
- GV: Đưa ra tình huống: Hãy kể một vài việc mà em và các bạn đã và sẽ làm để phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc.
- HS: Tự phân vai, viết lời thoại, thể hiện tiểu phẩm.
- HS: Cả lớp nhận xét, góp ý.

Phương án 2:

Tổ chức trò chơi tiếp sức.

Chủ đề: Viết một đoạn văn ngắn nói về tình cảm yêu quê hương, đất nước.

- HS: Tự do phát biểu, lần lượt từng em ghi tiếp nối nhau.
- GV: Tổng kết, hoàn chỉnh đoạn văn trên.

Phương án 3:

Thi hát về những làn điệu dân ca của quê hương mình và mọi miền đất nước.

- HS: Tự do hát.
- GV: Cùng HS tham gia.

GV kết luận toàn bài:

Dân tộc Việt Nam có truyền thống lâu đời, có bề dày lịch sử dựng nước và giữ nước. Truyền thống đó là bài học, là kinh nghiệm quý giá cho mọi thế hệ noi theo. Thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta ngày nay trong việc chống giặc

xâm lược, chúng ta đang từng bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, đó là sự kế thừa tốt đẹp truyền thống đó.

Việc kế thừa, tiếp thu giáo dục truyền thống là vấn đề quan trọng, đòi hỏi chúng ta phải nghiêm túc, khách quan và có lòng tin vào cái thiện, cái hợp lí và tiến bộ.

Là công dân của một đất nước trong thời kì đổi mới, chúng ta phải có lòng tự hào dân tộc, phải bảo vệ, giữ gìn truyền thống mà cha ông ta để lại, góp phần nhỏ vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

5. Dặn dò

- Làm bài tập 2, 4, 5 trang 26 SGK.
- Sưu tầm tục ngữ, ca dao, câu chuyện về truyền thống dân tộc.
- Tìm hiểu và hát những làn điệu dân ca địa phương.

E. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Kho tàng văn học Việt Nam.
- Tục ngữ, ca dao Việt Nam.
- Văn hoá, phong tục, ẩm thực Việt Nam.
- Lịch sử Việt Nam qua các thời kì.

Ghi chú: HS chuẩn bị cho bài 8: Tìm hiểu gương về năng động, sáng tạo trong mọi lĩnh vực cuộc sống.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 8

NĂNG ĐỘNG, SÁNG TẠO

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS cần đạt được:

1. Kiến thức

- Hiểu được thế nào là năng động, sáng tạo.
- Năng động, sáng tạo trong học tập, các hoạt động xã hội khác.

2. Kỹ năng

- Biết tự đánh giá hành vi của bản thân và người khác về những biểu hiện của tính năng động, sáng tạo.
- Có ý thức học tập những tấm gương năng động, sáng tạo của những người sống xung quanh.

3. Thái độ

- Hình thành ở HS nhu cầu và ý thức rèn luyện tính năng động, sáng tạo ở bất cứ điều kiện, hoàn cảnh nào trong cuộc sống.

B. PHƯƠNG PHÁP

GV có thể sử dụng các phương pháp sau:

- Giảng giải, đàm thoại với phương pháp nêu gương.
- Tổ chức thảo luận nhóm dưới sự hướng dẫn của GV, để HS tự rút ra những nội dung chính.

C. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

- SGK, sách GV GD CD lớp 9.
- Tranh ảnh, băng hình, chuyện kể thể hiện tính năng động, sáng tạo.

- Tục ngữ, ca dao, danh ngôn, thơ hoặc các dẫn chứng biểu hiện sự năng động, sáng tạo trong cuộc sống.
- Giấy khổ lớn và bút dạ.
- Thiết bị, máy chiếu, đầu video (nếu có).

D. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ

Câu hỏi: Những câu tục ngữ, ca dao, danh ngôn sau nói về truyền thống gì? (Điền vào ô thích hợp).

<i>Tục ngữ, ca dao, danh ngôn</i>	<i>Yêu nước</i>	<i>Đạo đức</i>	<i>Lao động</i>	<i>Đoàn kết</i>
– Làm cho tỏ mặt anh hùng Giang sơn để mất trong lòng sao nguôi.				
– Vì nước quên thân, vì dân phục vụ.				
– Đầu tay xoay việc.				
– Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết Thành công, thành công, đại thành công.				
– Đồng cam cộng khổ.				
– Lá lành đùm lá rách				
– Thương người như thể thương thân.				
– Tôn sư trọng đạo.				

- HS: Cả lớp bổ sung cho phong phú.
- GV: Nhận xét, đánh giá, cho điểm.

Tiết 1**3. Bài mới**

<i>Hoạt động của GV và HS</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
-------------------------------	-------------------------

Hoạt động 1**GIỚI THIỆU BÀI**

Trong công việc xây dựng đất nước hiện nay, có những người dân Việt Nam bình thường đã làm được những việc phi thường như những huyền thoại, kì tích của thời đại khoa học kĩ thuật.

- Anh nông dân Nguyễn Đức Tâm (Tỉnh Lâm Đồng) đã chế tạo thành công máy gặt lúa cầm tay, mặc dù anh không hề học một trường kĩ thuật nào.
- Bác Nguyễn Cẩm Lũ không qua một lớp đào tạo nào mà bác có thể di chuyển cả một ngôi nhà, cây đa. Bác được mệnh danh là "thần đèn".

Việc làm của anh Nguyễn Đức Tâm và bác Nguyễn Cẩm Lũ đã thể hiện đức tính gì?

Để hiểu rõ về đức tính trên chúng ta học bài hôm nay.

Hoạt động 2**THẢO LUẬN, PHÂN TÍCH CÂU CHUYỆN PHẦN ĐẶT VẤN ĐỀ**

- GV: Chia lớp thành 3 nhóm thảo luận.
- HS: Cả lớp tự đọc 2 câu chuyện.
- GV: Gọi 2 em HS có giọng đọc tốt đọc 2 câu chuyện.
- GV: Hướng dẫn HS thảo luận.

Nhóm 1:

Em có nhận xét gì về việc làm của Ê-đi-sơn và Lê Thái Hoàng, biểu hiện những khía cạnh khác nhau của tính năng động, sáng tạo?

I. Đặt vấn đề***Nhóm 1:***

* Ê-đi-sơn và Lê Thái Hoàng là người làm việc năng động, sáng tạo.

* Biểu hiện khác nhau:

- Ê-đi-sơn nghĩ ra cách để tấm gương xung quanh giường mẹ và đặt các

Nhóm 2:

Những việc làm năng động, sáng tạo đã đem lại thành quả gì cho Ê-đi-son và Lê Thái Hoàng?



Nhóm 3:

Em học tập được gì qua việc làm năng động, sáng tạo của Ê-đi-son và Lê Thái Hoàng?

ngọn nến, đèn dầu trước gương rồi điều chỉnh vị trí và đặt chúng sao cho ánh sáng tập trung vào một chỗ thuận tiện để thầy thuốc mổ cho mẹ mình.

– Lê Thái Hoàng nghiên cứu, tìm tòi ra cách giải toán nhanh hơn, tìm đề thi Toán quốc tế dịch ra tiếng Việt, kiên trì làm Toán, thức làm Toán đến một, hai giờ sáng.

Nhóm 2:

Thành quả của 2 người:

– Ê-đi-son cứu sống được mẹ và sau này trở thành nhà phát minh vĩ đại trên thế giới.

– Lê Thái Hoàng đạt huy chương Đồng kì thi Toán quốc tế lần thứ 39 và huy chương Vàng kì thi Toán quốc tế lần thứ 40.

Nhóm 3:

Em học tập được đức tính năng động, sáng tạo, cụ thể:

– Suy nghĩ tìm ra giải pháp tốt.

– Kiên trì, chịu khó, quyết tâm vượt qua khó khăn.

- HS: Các nhóm thảo luận.
- GV: Hướng dẫn, gợi ý trình bày ý chính của câu hỏi.
- HS : Cử đại diện nhóm trình bày.
- HS: Cả lớp nhận xét, bổ sung.
- GV : Nhận xét, tóm tắt ý chính.
- GV : Kết luận chuyển ý.

Sự thành công của mỗi người là kết quả của đức tính năng động, sáng tạo. Sự năng động, sáng tạo thể hiện mọi khía cạnh trong cuộc sống. Chúng ta cần xét đến tính năng động, sáng tạo và hành vi thiếu năng động, sáng tạo trong thực tế.

Hoạt động 3

LIÊN HỆ THỰC TẾ ĐỂ THẤY BIỂU HIỆN KHÁC NHAU CỦA NĂNG ĐỘNG, SÁNG TẠO

- GV : Tổ chức cho HS cả lớp trao đổi.
- GV: Có thể gợi ý HS đưa ra ví dụ chứng minh tính năng động, sáng tạo biểu hiện ở nhiều khía cạnh khác nhau trong cuộc sống, đồng thời chỉ ra những biểu hiện của hành vi thiếu năng động, sáng tạo.
- HS: Trả lời các câu hỏi.
- GV: Liệt kê ý kiến của HS lên bảng hoặc giấy khổ to (chuẩn bị trước).

Hình thức	Năng động, sáng tạo	Không năng động, sáng tạo
Lao động	Chủ động dám nghĩ, dám làm, tìm ra cái mới, cách làm mới, năng suất, hiệu quả cao, phấn đấu để đạt mục đích tốt đẹp.	Bị động, do dự, bảo thủ, trì trệ, không dám nghĩ dám làm, né tránh, bằng lòng với thực tại.

Hình thức	Năng động, sáng tạo	Không năng động, sáng tạo
Học tập	Phương pháp học tập khoa học, say mê tìm tòi, kiên trì, nhẫn nại để phát hiện cái mới. Không thỏa mãn với những điều đã biết. Linh hoạt xử lí các tình huống.	Thụ động, lười học, lười suy nghĩ, không có chí vươn lên giành kết quả cao nhất. Học theo người khác, học vẹt.
Sinh hoạt hàng ngày	Lạc quan, tin tưởng, có ý thức phấn đấu vươn lên vượt khó, vượt khổ về cuộc sống vật chất và tinh thần, có lòng tin, kiên trì, nhẫn nại.	Đua đòi, ỷ lại, không quan tâm đến người khác, lười hoạt động, bất chước, thiếu nghị lực, thiếu bền bỉ, chỉ làm theo sự hướng dẫn của người khác.

- HS : Trả lời cá nhân
- HS: Cả lớp góp ý, nhận xét.
- GV: Nhận xét, bổ sung và kết luận.
- GV: Hướng dẫn HS lấy ví dụ cụ thể về tính năng động, sáng tạo trên các lĩnh vực khác nhau và những biểu hiện khác nhau của tính năng động, sáng tạo.
- GV: Động viên HS giới thiệu về gương tiêu biểu của tính năng động, sáng tạo trong học tập, lao động và nghiên cứu khoa học.

Câu chuyện 1:

Galilê (1563 – 1633), nhà thiên văn học nổi tiếng người Ý tiếp tục nghiên cứu thuyết của Cô-péc-níc bằng chiếc kính thiên văn tự sáng chế...

Câu chuyện 2:

Trạng nguyên Lương Thế Vinh đời Lê Thánh Tông say mê khoa học, Toán học, lúc cáo quan về quê, ông gần gũi với nông dân. Thấy cần đo đạc ruộng đất cho chính xác, suốt ngày ông miệt mài, lúi húi, vất vả đo vẽ các thửa ruộng. Cuối cùng ông đã tìm ra quy tắc tính toán. Trên cơ sở đó ông viết nên tác phẩm khoa học có giá trị lớn: “Đại thành toán pháp”.

Câu chuyện 3:

Nguyễn Thị Hà, học sinh trường Trung học cơ sở..., cha mẹ bị bệnh mất sớm, Hà và 2 em ở cùng ông bà ngoại. Tuy nghèo nhưng ông bà cũng lo

cho Hà được đi học. Ngoài giờ học, Hà giúp ông bà làm thêm để có tiền trợ giúp ông bà. Vừa làm, vừa học mà Hà vẫn thu xếp cho bản thân hoàn thành tốt việc của lớp, trường giao. Hà đã trở thành học sinh giỏi của trường và là cá nhân tiêu biểu dự Đại hội “Cháu ngoan Bác Hồ của trường”.

– HS: Nhận xét các câu chuyện trên

– GV: Kết luận hết tiết 1.

Tiết 2

– GV : Kiểm tra lại phần Tìm hiểu đặt vấn đề và liên hệ thực tế về tính năng động, sáng tạo.

– HS: + Suy nghĩ của bản thân qua các câu chuyện trên.

+ Rút ra bài học gì?

– GV: Chuyển ý sang tiết 2.

Hoạt động 4

TÌM HIỂU NỘI DUNG BÀI HỌC

– GV: Tổ chức HS thảo luận nhóm.

– HS: Thảo luận theo nhóm, cử đại diện và thư kí của nhóm.

– GV: Yêu cầu các nhóm trao đổi các câu hỏi sau:

Nhóm 1:

Thế nào là năng động, sáng tạo? Biểu hiện của năng động, sáng tạo?

II. Nội dung bài học

1) Định nghĩa:

– Năng động là tích cực, chủ động, dám nghĩ, dám làm.

– Sáng tạo là say mê nghiên cứu, tìm tòi để tạo ra giá trị mới về vật chất, tinh thần hoặc tìm ra cái mới, cách giải quyết mới.

Nhóm 2:

Ý nghĩa của năng động, sáng tạo trong học tập, lao động và cuộc sống?

Nhóm 3:

Chúng ta cần rèn luyện tính năng động, sáng tạo như thế nào?

- HS: Các nhóm cử đại diện trình bày.
- HS: Cả lớp góp ý.
- GV: Tổng kết nội dung chính cần ghi nhớ của bài học. (Có thể chiếu nội dung lên bảng).

2) Biểu hiện của năng động, sáng tạo:

Say mê, tìm tòi, phát hiện và linh hoạt xử lí các tình huống trong học tập, lao động, cuộc sống...

3) Ý nghĩa của năng động, sáng tạo:

- Là phẩm chất cần thiết của người lao động
- Giúp con người vượt qua khó khăn của hoàn cảnh, rút ngắn thời gian để đạt mục đích.
- Con người làm nên thành công, kì tích vẻ vang, mang lại niềm vinh dự cho bản thân, gia đình và đất nước.

4) Rèn luyện như thế nào?

- Rèn luyện tính siêng năng, cần cù, chăm chỉ.
- Biết vượt qua khó khăn, thử thách.
- Tìm ra cái tốt nhất, khoa học để đạt được mục đích.

- HS: Ghi bài vào vở.
- GV: Cho HS nhắc lại, đọc lại nội dung bài học ghi trong vở.
- GV: Kết luận chuyển ý.

Hoạt động 5

LUYỆN TẬP VÀ HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP SGK

- GV: Cho HS làm bài tập tại lớp.
- HS: Làm bài ra giấy nháp.
- GV: Gọi HS lên bảng trả lời phần chuẩn bị của mình.
- HS: Cả lớp nhận xét, cùng đi đến kết quả thống nhất.
- GV: Nhận xét, đánh giá (cho điểm HS vận dụng tốt và nắm chắc kiến thức).

Bài 1 (SGK trang 29, 30).



Đáp án:

– Hành vi (b), (đ), (e), (h), thể hiện tính năng động, sáng tạo.

– Hành vi (a), (c), (d), (g) không thể hiện tính năng động, sáng tạo.

- GV: Giải thích vì sao.

Bài 6 (SGK, trang 30).

- GV: Cần có hướng dẫn cụ thể để HS có thể tự xây dựng kế hoạch khắc phục khó khăn: Cần đến sự giúp đỡ của ai? Thời gian khắc phục? Kết quả?

Đáp án:

* *Học sinh A*: khó khăn mà em gặp:

– Học kém Văn, Tiếng Anh.

– Em cần sự giúp đỡ của các bạn học giỏi Văn, Tiếng Anh. Cụ thể phương

pháp của bạn học như thế nào...Em cần được sự giúp đỡ của cô giáo.

– Với sự nỗ lực cá nhân, sự giúp đỡ của cô và bạn bè, em đã tiến bộ rất nhiều môn Văn, Tiếng Anh.

– GV: Giúp HS chỉ ra những khó khăn trong lao động và cuộc sống hàng ngày.

– GV: Rút ra bài học.

Trước khi làm việc gì phải tự đặt mục đích, có những khó khăn gì? Làm thế nào thì tốt, kết quả cuối cùng ra sao?

4. Củng cố

Hoạt động 6

RÈN LUYỆN KĨ NĂNG, Củng cố kiến thức

– GV: Tổ chức cho HS trò chơi “Nhanh tay, nhanh mắt”.

– GV: Đưa ra bài tập hoặc tình huống để HS trả lời.

– HS: Suy nghĩ nhanh, trả lời nhanh.

– GV: Đánh giá, cho điểm HS trả lời nhanh và đúng kết quả.

– GV: Có thể ghi bài tập vào phiếu, ghi lên bảng phụ hoặc ghi sẵn vào khổ giấy to.

Câu 1: Những việc làm nào sau đây biểu hiện tính năng động, sáng tạo và không năng động, sáng tạo? Vì sao?

<i>Biểu hiện hành vi</i>	<i>Có</i>	<i>Không</i>
– Cô giáo Hà luôn tìm tòi phương pháp giảng dạy môn GDCD để HS ham thích học.		
– Bác Mai vươn lên làm giàu thoát cảnh nghèo đói.		
– Anh Tùng bị mù cả hai mắt mà vẫn hát hay, chơi đàn bầu giỏi.		
– Bạn Mai được nhận học bổng HS giỏi biết vượt khó khăn.		
– Toàn thường xuyên không làm bài tập vì cho là bài khó thì thôi.		

Câu 2: Em tán thành ý kiến nào sau đây:

- a) Học sinh còn nhỏ, chưa thể sáng tạo được.
- b) Học GDCD, kĩ thuật Nông nghiệp, Thể dục không cần sáng tạo.
- c) Năng động, sáng tạo là của các thiên tài.
- d) Năng động, sáng tạo chỉ cần cho lĩnh vực kinh doanh, kinh tế.

Câu 3: Câu tục ngữ nào sau đây nói về năng động, sáng tạo?

- Cái khó ló cái khôn.
- Học một biết mười.
- Miệng nói tay làm.
- Há miệng chờ sung.
- Siêng làm thì có
Siêng học thì hay.

☐☐☐☐☐

- HS: Trả lời nhanh các câu hỏi.
- HS: Cả lớp nhận xét.
- GV: Nhận xét và giải thích vì sao?

GV: Kết luận toàn bài

Năng động, sáng tạo là một đức tính tốt đẹp của mọi người trong cuộc sống, học tập và lao động. Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay, chúng ta cần có đức tính năng động, sáng tạo để có thể vượt qua

những ràng buộc của hoàn cảnh, vươn lên làm chủ cuộc sống, làm chủ bản thân.

Học sinh chúng ta cần học hỏi, phát huy tính năng động, sáng tạo như Bác Hồ đã dạy: “Phải nêu cao tác phong độc lập suy nghĩ, đối với bất kì vấn đề gì đều phải đặt câu hỏi: “Vì sao?”, đều phải suy nghĩ kĩ càng”.

5. Dặn dò

- Bài tập 2, 3, 4, 5 trang 30 SGK.
- Sưu tầm tục ngữ, ca dao, danh ngôn.
- Sưu tầm gương năng động, sáng tạo của nước ta trong thời kì đổi mới.
- Xem trước bài 9: “Làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả”.

E. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- “Sáng tạo là chứng chỉ duy nhất của thiên tài”
(Ngạn ngữ Pháp)
- “Tuổi trẻ không năng động, già hối hận”
(Cổ Thi)
- “Đừng phá cửa, có thể mở nó nhẹ nhàng bằng chìa khoá”.
- “Non cao cũng có đường trèo,
Đường dẫu hiểm nghèo cũng có lối đi”
(Ca dao)

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 9

LÀM VIỆC CÓ NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

HS hiểu được:

- Thế nào là làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả.
- Ý nghĩa của làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả.

2. Kỹ năng

- HS có thể tự đánh giá hành vi của bản thân và người khác về kết quả công việc.
- Học tập những tấm gương làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả.
- Vận dụng vào học tập và hoạt động xã hội khác.

3. Thái độ

- HS có ý thức tự rèn luyện để có thể làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả.
- Ủng hộ, tôn trọng thành quả lao động của gia đình và mọi người.

B. PHƯƠNG PHÁP

GV có thể sử dụng các phương pháp sau:

- Phân tích, giảng giải, đàm thoại, nêu gương.
- Phương pháp giải quyết vấn đề.
- Tổ chức thảo luận nhóm.

C. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

- SGK, sách GV GD CD lớp 9.
- Tranh ảnh, băng hình, câu chuyện nói về những tấm gương làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả.

- Tìm thêm một số câu thơ, ca dao, tục ngữ nói về phẩm chất này.
- Thiết bị, máy chiếu, đầu video (nếu có).

D. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ

Câu hỏi: Vì sao HS phải rèn luyện tính năng động, sáng tạo? Để rèn luyện đức tính đó cần phải làm gì?

3. Bài mới

<i>Hoạt động của GV và HS</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
-------------------------------	-------------------------

Hoạt động 1

GIỚI THIỆU BÀI

Mẹ cho em đi Hội chợ “Hàng Việt Nam chất lượng cao”. Lần đầu tiên em được chứng kiến các mặt hàng phong phú và đa dạng của nước ta. Mẹ đã mua nhiều hàng hoá như: Dầu ăn Tường An, sữa Vinamilk, quần áo Xí nghiệp may 10, bút viết Thiên Long, vở Hồng Hà, giày dép Thụy Khuê,... trong khi có rất nhiều hàng nhập ngoại mà mẹ không mua. Để cho em yên tâm, mẹ giải thích: Ở nước ta bây giờ có rất nhiều cơ sở sản xuất năng suất cao nên giá thành rẻ, đồng thời hàng hoá có chất lượng.

Để giúp chúng ta hiểu hơn vấn đề này, chúng ta học bài hôm nay.

Hoạt động 2

PHÂN TÍCH CÂU CHUYỆN PHẦN ĐẶT VẤN ĐỀ

- | | |
|---|----------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> – GV: Cùng HS trao đổi và phân tích câu chuyện. – HS: Cùng thảo luận chung cả lớp. – GV: Hướng dẫn HS bằng cách gợi mở, chia nhỏ vấn đề để thảo luận phong phú, sôi nổi. – HS: Đọc lại một lần câu chuyện trong SGK. – GV: Yêu cầu HS trả lời các vấn đề sau. | I. Đặt vấn đề |
|---|----------------------|

Câu 1. Em có nhận xét gì về việc làm của Giáo sư Lê Thế Trung?

Câu 2. Hãy tìm những chi tiết trong truyện chứng tỏ Giáo sư Lê Thế Trung là người làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả.

Câu 3. Việc làm của ông được nhà nước ghi nhận như thế nào? Em học tập được gì ở Giáo sư Lê Thế Trung?

Câu 1:

Giáo sư Lê Thế Trung là người có ý chí quyết tâm cao, có sức làm việc phi thường, có ý thức trách nhiệm trong công việc, ông luôn say mê sáng tạo trong công việc.

Câu 2:

* Tốt nghiệp Bác sĩ loại xuất sắc ở Liên Xô (cũ) về chuyên ngành bỏng, trong những năm 1963 – 1965, ông hoàn thành 2 cuốn sách về bỏng để kịp thời phát đến các đơn vị trong toàn quốc.

* Ông nghiên cứu thành công việc tìm da ếch thay thế da người trong điều trị bỏng.

* Chế ra loại thuốc trị bỏng B76 và nghiên cứu thành công gần 50 loại thuốc khác cũng có giá trị chữa bỏng và đem lại hiệu quả cao.

Câu 3:

* Giáo sư Lê Thế Trung được Đảng và nhà nước ta tặng nhiều danh hiệu

cao quý. Giờ đây ông là thiếu tướng, giáo sư, tiến sĩ y khoa, thầy thuốc nhân dân, anh hùng quân đội, nhà khoa học xuất sắc của Việt Nam.

* Em học tập được tinh thần ý chí vươn lên của Giáo sư Lê Thế Trung. Tinh thần học tập và sự say mê nghiên cứu khoa học của ông là tấm gương sáng để em noi theo và phấn đấu.

- HS: Trả lời từng câu hỏi.
- HS: Làm việc cá nhân.
- HS: Cả lớp nhận xét, góp ý.
- GV: Liệt kê ý kiến HS lên bảng phụ hoặc giấy khổ to.
- GV: Nhận xét, bổ sung và kết luận nét chính.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Hoạt động 3

LIÊN HỆ THỰC TẾ VỀ VIỆC LÀM CÓ NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ

- GV : Hoạt động này giúp HS tìm những biểu hiện khác nhau của cách làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả và phân biệt sự khác nhau giữa phương pháp làm việc đó với cách làm việc chạy theo thành tích, không quan tâm đến chất lượng, hiệu quả.

- HS: Đưa ra các ví dụ về cách làm việc, sự biểu hiện khác nhau trong các lĩnh vực
- GV: Gợi ý cùng HS trao đổi.

Câu 1: Nêu biểu hiện của lao động năng suất, chất lượng, hiệu quả trên các lĩnh vực.

<i>Các lĩnh vực</i>	<i>Năng suất, chất lượng, hiệu quả</i>	<i>Không năng suất, chất lượng, hiệu quả</i>
<i>Gia đình</i>	– Làm kinh tế giỏi (chăn nuôi, trồng trọt hoặc làm nghề thủ công, kinh doanh...). – Nuôi dạy con cái ngoan ngoãn, học giỏi. – Học tập tốt, lao động tốt. – Kết hợp học với hành.	– Ỡ lại, lười nhác, trông chờ vận may, bằng lòng với hiện tại. – Làm giàu bằng con đường bất chính (buôn lậu, ghi đề, cá độ, làm hàng giả...). – Lười học, đua đòi, thích hưởng thụ.
<i>Nhà trường</i>	– Thi đua dạy tốt, học tốt. – Cải tiến phương pháp giảng dạy, đạt kết quả cao trong các kì thi, nâng cao chất lượng HS. – Giáo dục, đào tạo lối sống có ý thức trách nhiệm của công dân.	– Chạy theo thành tích, điểm số. – Không quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của giáo viên. – Cơ sở vật chất nghèo nàn. – Học sinh học thêm, học vẹt, xa rời thực tế.
<i>Lao động</i>	– Tinh thần lao động tự giác. – Máy móc, kĩ thuật công nghệ hiện đại. – Chất lượng hàng hoá, mẫu mã tốt, giá thành phù hợp. – Thái độ phục vụ khách hàng tốt.	– Làm bừa, làm ẩu. – Chạy theo năng suất. – Chất lượng hàng hoá kém, không tiêu thụ được. – Làm hàng giả, hàng nhái nhập lậu. Sử dụng thuốc trừ sâu độc hại.

- HS: Trả lời cá nhân.
- HS: Cả lớp nhận xét.
- GV: Liệt kê ý kiến đúng lên bảng.
- HS: Nhắc lại nội dung.

Câu 2: Tìm hiểu những gương tốt về lao động, năng suất, chất lượng, hiệu quả.

- HS: (Được giao sưu tầm từ bài trước).
- HS: Trả lời cá nhân.
- GV: Cử lớp trưởng ghi lại các ví dụ lên bảng phụ (nếu cần).
- * Nhà máy phân lân Văn Điển không chuyển sang cơ chế thị trường có nguy cơ phá sản. Nhưng lãnh đạo nhà máy kêu gọi toàn nhà máy đoàn kết, tìm biện pháp cải tiến quy trình công nghệ... với con số 20 vạn tấn/năm sẽ đáp ứng cho nông dân toàn quốc sản xuất và xuất khẩu ra nước ngoài.
- * Các doanh nghiệp được tuyên dương và trao giải “Sao vàng đất Việt” như: Công ty gạch ốp lát Hà Nội, Công ty ống thép Việt Đức.
- * Ông Bùi Hữu Nghĩa nông dân tỉnh Long An.
- * Ông Nguyễn Cẩm Lũ, “thần đèn” TP. Hồ Chí Minh.
- * Giáo sư, tiến sĩ Trần Quy – giám đốc Bệnh viện Bạch Mai.
- * Thầy giáo Hà Công Văn – Trường Tiểu học Húc-Nghi (ĐắcKrông – Quảng Trị).
- GV: Động viên nhiều HS có nhiều ví dụ thực tế.

Hoạt động 4

TÌM HIỂU NỘI DUNG BÀI HỌC

– GV: Kết luận, chuyển ý.

Qua tìm hiểu của phần đặt vấn đề, chúng ta cần tìm hiểu khái niệm và ý nghĩa làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả.

– GV: Cùng trao đổi, đàm thoại với HS.

Câu 1: Thế nào là làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả?

Câu 2: Ý nghĩa của làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả?



Câu 3: Trách nhiệm của mọi người nói chung và bản thân HS nói riêng để làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả.

II. Nội dung bài học

1) Khái niệm:

Làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả là tạo ra được nhiều sản phẩm có giá trị cao về nội dung và hình thức trong một thời gian nhất định.

2) Ý nghĩa:

– Là yêu cầu cần thiết của người lao động trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

– Góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cá nhân, gia đình và xã hội.

3) Biện pháp:

– Lao động tự giác, kỉ luật.

– Luôn luôn năng động, sáng tạo.

– Tích cực nâng cao tay nghề, rèn luyện sức khoẻ.

Bản thân:

– Học tập và rèn luyện ý thức kỉ luật tốt.

- GV: Có thể tổ chức cho HS thảo luận nhóm hoặc cả lớp.
- HS: Làm việc cá nhân hoặc nhóm.
- HS: Phát biểu ý kiến.
- HS: Cả lớp góp ý.
- GV: Tổng kết lại nội dung cần ghi nhớ của bài.
- GV: Ghi nội dung bài học lên bảng hoặc chiếu lên bảng.
- HS: Ghi bài vào vở.
- GV: Bổ sung: Sự nghiệp xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa của nước ta hiện nay cần có con người lao động năng suất, chất lượng, hiệu quả.
- GV: Bổ sung: Mặt trái của cơ chế thị trường là chạy theo đồng tiền, không quan tâm đến quyền lợi người tiêu dùng và những giá trị đạo đức.
- GV: Chuyển ý, kết luận.

- Tìm tòi, sáng tạo trong học tập.
- Có lối sống lành mạnh, vượt qua mọi khó khăn, tránh xa tệ nạn xã hội.

Hoạt động 5

HƯỚNG DẪN HS LÀM BÀI TẬP SGK

Bài tập 1 (SGK).

- GV: Gọi HS lên làm bài.
- HS: Làm việc cá nhân.
- HS: Cả lớp tham gia góp ý, nhận xét.
- GV: Hướng dẫn HS giải thích vì sao đúng, sai.

Lưu ý: GV có thể ghi bài tập lên bảng phụ hoặc giấy khổ to, hoặc phiếu học tập.

Đáp án:

- Hành vi: (c), (đ), (e) thể hiện làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả.
- Hành vi: (a), (b), (d) không thể hiện việc làm đó.

- GV: Nhận xét, đánh giá.
(Cho điểm động viên HS có ý kiến tốt).
- GV: Chuyển ý.

4. Củng cố

Hoạt động 6

LUYỆN TẬP Củng Cố KIẾN THỨC

- GV: Có thể thực hiện các phương án khác nhau của hoạt động này.

Phương án 1: Tổ chức trò chơi sắm vai.

- GV: Đưa ra tình huống.

Tình huống 1: Một thầy giáo có nhiều phương pháp cải tiến giảng dạy, hết lòng vì học sinh thân yêu, được tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú.

Tình huống 2: Một Giám đốc lãnh đạo một nhà máy, do kém cỏi nên để nhà máy bị phá sản

- HS: Tự phân vai, viết lời thoại, xây dựng kịch bản.

- GV: Cử 2 nhóm thể hiện tiểu phẩm.

Phương án 2: Thi kể chuyện.

- GV: Hướng dẫn HS kể chuyện về gương làm việc năng suất, chất lượng, hiệu quả.

Phương án 3: Sử dụng phương pháp diễn đàn.

- GV: Cùng HS trao đổi về vấn đề sau: “nhanh, nhiều, tốt, rẻ”.

- HS: Cho biết ý kiến về vấn đề này.

- GV: Gợi ý HS những kiến thức cần quan tâm.

* 4 yếu tố này (nhanh, nhiều, tốt, rẻ) thống nhất với nhau hay mâu thuẫn?

* Có cần các điều kiện khác để đạt yêu cầu: Nhanh, nhiều, tốt, rẻ như là kĩ thuật, công nghệ, máy móc, nguyên liệu, tinh thần lao động?

GV: Kết luận toàn bài:

Đất nước ta đang trong thời kì đổi mới, Đảng và nhà nước ta kiên trì đưa đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả là một trong những điều kiện quan trọng để chúng ta thực hiện được mục tiêu đề ra. Bản thân mỗi học sinh cần có thái độ và việc làm nghiêm túc, làm việc năng suất, chất lượng, hiệu quả trong các lĩnh vực của cuộc sống.

5. Dặn dò

- Làm bài tập 2, 3, 4 tr.33 SGK.
- Chuẩn bị trước bài 10.
- Sưu tầm các câu chuyện thực tế về làm việc năng suất, chất lượng, hiệu quả.
- Sưu tầm tục ngữ, ca dao, danh ngôn nói về làm việc năng suất, chất lượng, hiệu quả.

E. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Báo Hà Nội mới, trong tin “người tốt việc tốt”.
- Báo Nhân dân.
- Báo Lao động.



Chuyện về Nữ tổ trưởng “2 giỏi”

Mười sáu năm làm thợ may công nghiệp, chị Đinh Tố Vân luôn coi “năng suất, chất lượng, hiệu quả” là thước đo phẩm chất người thợ. Được lãnh đạo công ty may xuất khẩu Sông Đà bầu làm tổ trưởng, chị đã không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, điều hành công việc khoa học, sáng tạo. Năm 2002 chị đạt giải nhất thợ bậc 4 và giải nhất thợ bậc 5 năm 2003. Chị còn được công đoàn xây dựng Việt Nam tặng bằng khen về thành tích hoạt động công đoàn.

Báo Lao động 22/06/2005

BÀI 10

LÍ TƯỞNG SỐNG CỦA THANH NIÊN

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS cần đạt được:

1. Kiến thức

- Lí tưởng là mục đích sống tốt đẹp của mỗi người và bản thân.
- Mục đích sống của mỗi người là như thế nào.
- Lễ sống của thanh niên hiện nay nói chung và bản thân là phải làm gì.
- Ý nghĩa của việc thực hiện tốt lí tưởng và sống đúng mục đích.

2. Kỹ năng

- Có kế hoạch cho việc thực hiện lí tưởng cho bản thân.
- Biết đánh giá hành vi, lối sống của thanh niên (lành mạnh hay không lành mạnh).
- Phân đấu học tập, rèn luyện, hoạt động để thực hiện mơ ước, dự định, kế hoạch cá nhân.

3. Thái độ

- Có thái độ đúng đắn trước những biểu hiện sống có lí tưởng, biết phê phán, lên án những hiện tượng sinh hoạt thiếu lành mạnh, sống gấp, sống thiếu lí tưởng của bản thân và mọi người xung quanh.
- Biết tôn trọng, học hỏi những người sống và hành động vì lí tưởng cao đẹp.
- Góp ý kiến, phê bình, tự đánh giá, kiểm điểm để thực hiện tốt lí tưởng.

B. PHƯƠNG PHÁP

GV có thể sử dụng các phương pháp sau:

- Toạ đàm, diễn đàn.
- Thảo luận nhóm.
- Hội thảo, trao đổi, bàn luận.

C. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

- SGK, sách GV GDCD lớp 9.
- Những tấm gương lao động, học tập sáng tạo của thời kì đổi mới.
- Đầu video, băng hình (nếu có).

D. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ

Bài tập: Những câu tục ngữ nào sau đây nói về làm việc năng suất, chất lượng, hiệu quả? Vì sao?

- | | |
|---|--------------------------|
| – Siêng làm thì có, siêng học thì hay. | ☐ |
| – Một người hay lo bằng kho người hay làm. | ☐ |
| – Làm đi không bằng làm lại. | ☐ |
| – Ăn kĩ, làm dối. | ☐ |
| – Mồm miệng dơ chân tay. | ☐ |
| – Làm giả, ăn thật. | ☐ |
| – Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh. | ☐ |
| – Ngày làm tháng ăn, tháng làm năm ăn. | ☐ |
| – GV: Có thể ghi bài tập lên bảng phụ hoặc chiếu lên máy. | |
| – GV: Đánh giá, cho điểm. | |

Tiết 1**3. Bài mới**

<i>Hoạt động của GV và HS</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
-------------------------------	-------------------------

Hoạt động 1
GIỚI THIỆU BÀI

Qua những năm tháng tuổi thơ, con người bước vào một thời kì phát triển cực kì quan trọng của cả đời người, đó là tuổi thanh niên, lứa tuổi từ 15 đến 30. Ở lứa tuổi này, con người phát triển nhanh về thể chất, sinh lí và tâm lí. Đó là tuổi trưởng thành về đạo đức nhân cách và văn hoá. Đó là tuổi khẳng định tính sáng tạo, nuôi dưỡng nhiều mơ ước, hoài bão và khát vọng làm việc lớn, có ý chí lớn, sống sôi nổi trong các quan hệ tình bạn, tình yêu. Đó là tuổi đến với lí tưởng sống phong phú, đẹp đẽ, hướng tới cái lớn lao, cao cả với sức mạnh thôi thúc của lí tưởng.

Để hiểu rõ hơn lí tưởng sống của thanh niên nói chung và HS chúng ta nói riêng, chúng ta nghiên cứu bài hôm nay.

Hoạt động 2
TÌM HIỂU THÔNG TIN CỦA PHẦN ĐẶT VẤN ĐỀ

- GV: Tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm.
- GV: Gọi ý HS trao đổi các nội dung sau.

Nhóm 1:

Trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, thế hệ trẻ chúng ta đã làm gì? Lí tưởng của thanh niên trong giai đoạn đó là gì?

I. Đặt vấn đề**Nhóm 1:**

* Trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã có hàng triệu người con ưu tú hầu hết ở tuổi thanh niên sẵn sàng hy sinh vì đất nước như: Lý Tự Trọng, Nguyễn Thị Minh Khai, Võ Thị Sáu,

Nhóm 2:

Trong thời kì đổi mới đất nước hiện nay, thanh niên chúng ta đã đóng góp gì? Lí tưởng sống của thanh niên thời đại ngày nay là gì?

Nguyễn Thị Chiên, La Văn Cầu, Nguyễn Văn Trỗi, Nguyễn Việt Xuân.

* Lí tưởng sống của họ là: Giải phóng dân tộc.

Nhóm 2:

Trong thời đại ngày nay, thanh niên chúng ta đã tham gia tích cực, năng động, sáng tạo trên các lĩnh vực xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Tiêu biểu:

– Nguyễn Việt Hùng, đạt thành tích học tập.

– Lâm Xuân Nhật, đạt thành tích trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

– Bùi Quang Trung, đạt thành tích về khoa học - kĩ thuật.

– Nguyễn Văn Dân (Nghệ An) hy sinh khi làm nhiệm vụ ở biên giới.

* Lí tưởng của họ là: Dân giàu, nước mạnh tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Nhóm 3:

Suy nghĩ của bản thân em về lí tưởng sống của thanh niên qua hai giai đoạn trên? Em học tập được gì?

- HS: Các nhóm thảo luận.
- HS: Cử đại diện trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.
- HS : Cả lớp nhận xét, bổ sung ý kiến.
- GV : Nhận xét, kết luận đưa ra ý kiến chung của 3 nhóm.
- GV: Gợi ý HS kể thêm nhiều gương anh hùng trong chiến đấu mà em được biết.
- GV: Nhấn mạnh thêm vai trò công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.
- GV: gợi ý HS nêu ví dụ thực tiễn về các lĩnh vực khác nhau.
- GV: Nhấn mạnh mục tiêu xây dựng đất nước trong giai đoạn hiện nay ở nước ta.
- GV: Đặt câu hỏi cho từng HS trong nhóm 3.

Nhóm 3:

* Qua 2 nội dung trên, em thấy được tinh thần yêu nước, xả thân vì độc lập dân tộc. Chúng em có được cuộc sống tự do ngày nay là nhờ sự hy sinh cao cả của các thế hệ ông cha đi trước.

* *Em thấy rằng:* việc làm đúng đắn có ý nghĩa đó là nhờ thế hệ thanh niên trước xác định đúng lí tưởng sống của mình.

- GV: Bài học chung cho cả HS chúng ta.
- GV : Kết luận chuyển ý.

Hoạt động 3

LIÊN HỆ THỰC TẾ VỀ LÍ TƯỞNG THANH NIÊN QUA MỖI THỜI KÌ LỊCH SỬ

- GV : Cùng HS cả lớp thảo luận.
- GV: Gợi ý HS trả lời các câu hỏi.

Câu 1: Nêu ví dụ về những tấm gương tiêu biểu của lịch sử về lí tưởng sống mà họ đã chọn và phấn đấu.

- HS: Bày tỏ ý kiến cá nhân.
- HS: Cả lớp góp ý kiến
- GV: Nhận xét, đưa ra ý kiến chung.

- GV: Gợi ý HS lấy thêm ví dụ.



- GV: Bổ sung thêm lĩnh vực học tập, lao động sản xuất.

Lý Tự Trọng là người thanh niên Việt Nam yêu nước trước cách mạng tháng 8, hy sinh khi mới 18 tuổi. Lí tưởng mà anh đã chọn: “Con đường của thanh niên chỉ có thể là con đường Cách mạng và không thể là con đường nào khác”.

Nguyễn Văn Trỗi, người con của quê hương miền Nam yêu dấu trong thời kì chống Mỹ cứu nước. Anh ngã xuống trước họng súng kẻ thù, trước khi chết vẫn kịp hô: “Bác Hồ muôn năm”.

Liệt sĩ Công an nhân dân Nguyễn Văn Thình (Quảng Ninh), liệt sĩ Lê Thanh Á (Hải Phòng) đã hy sinh vì sự bình yên của nhân dân.

– GV: Đánh giá, cho điểm HS có ý kiến tốt.

Câu 2: Suy tầm những câu nói, lời dạy của Bác Hồ với thanh niên Việt Nam.

– HS: Trả lời cá nhân

– HS: Cả lớp bổ sung.

– GV: Liệt kê ý kiến.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

– GV: Gọi ý HS lấy thêm các ví dụ khác.

Bác Hồ, vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc ta đã nói về lí tưởng của mình: “Cả cuộc đời tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là nước nhà độc lập, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”.

– Tháng 6/1925, Bác Hồ lập tổ chức “Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên”

– Trong thư gửi thanh niên và nhi đồng năm 1946, Bác Hồ viết: “Một năm khởi đầu là mùa xuân, một đời khởi đầu từ tuổi trẻ, tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội”.

– Tại lễ kỉ niệm 35 năm ngày thành lập Đoàn, Bác chỉ rõ: “Đoàn thanh niên là cánh tay, là đội hậu bị của Đảng, là người địu dắt các cháu nhi đồng”.

– Bác Hồ còn khuyên thanh niên :

“Không có việc gì khó,
Chỉ sợ lòng không bền,
Đào núi và lấp biển,
Quyết chí ắt làm nên.”

– GV: Tư tưởng của Bác đồng thời là lời dạy, là nhiệm vụ cho thanh niên thực hiện lí tưởng.

– GV: Cho điểm động viên HS sưu tầm nhiều ví dụ tốt.

Câu 3: Lí tưởng của em là gì? Tại sao em xác định lí tưởng như vậy?

– HS: Bày tỏ quan điểm cá nhân.

– GV: Động viên HS có nhiều ý kiến.

– GV: Góp ý, bổ sung.

– GV: Tóm tắt chung.

– Em sẽ học giỏi, thành đạt để làm giàu cho mình, gia đình và xã hội.

– Em muốn được làm bác sĩ để chữa bệnh cho mọi người (cho gia đình, họ hàng, bạn bè).

– Em sẽ là một kĩ sư công nghệ thông tin giỏi để giành giải cao “trí tuệ Việt Nam”...

– GV : **Kết luận tiết 1:**

Các thế hệ cha anh đã tìm đường để chúng ta đi tới chủ nghĩa xã hội, trên con đường tìm tòi lí tưởng đó, bao lớp người đã ngã xuống, đã hy sinh cho sự nghiệp vĩ đại, bảo vệ tổ quốc. Trên cơ sở ấy thanh niên chúng ta nhận thấy trọng trách xây dựng, kiến thiết góp phần làm cho dân giàu, nước mạnh theo con đường xã hội chủ nghĩa.

– GV: Nhắc HS chuẩn bị cho Tiết 2.

Tiết 2

– GV : Kiểm tra HS (đồng thời giới thiệu tiết 2).

Trong bức thư gửi HS nhân ngày khai trường (9/1945), Hồ Chủ tịch viết: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có

bước tới đài vinh quang để sánh với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các cháu”.

Câu hỏi: 1) Câu nói trên có vấn đề gì thuộc về lí tưởng hay không?

2) Học tập có là một nội dung của lí tưởng không?

– HS: Trả lời.

– GV: Nhận xét, đánh giá và chuyển ý Tiết 2.

Hoạt động 4

TÌM HIỂU NỘI DUNG BÀI HỌC

– GV: Tổ chức cho HS thảo luận nhóm.

– HS: Thảo luận thành 3 nhóm.

Nhóm 1:

Lí tưởng sống là gì? Biểu hiện của lí tưởng sống?

Nhóm 2:

Ý nghĩa của việc xác định lí tưởng sống?

Nhóm 3:

Lí tưởng sống của thanh niên ngày nay? Học sinh phải rèn luyện như thế nào?

II. Nội dung bài học

1) Khái niệm lí tưởng sống:

Lí tưởng sống (lẽ sống) là cái đích của cuộc sống mà mỗi người khát khao muốn đạt được.

2) Ý nghĩa của lí tưởng sống:

– Khi lí tưởng mỗi người phù hợp với lí tưởng chung thì hành động của họ góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chung.

– Xã hội sẽ tạo điều kiện để họ thực hiện lí tưởng.

– Người sống có lí tưởng cao đẹp luôn được mọi người tôn trọng.

3) Lí tưởng của thanh niên ngày nay:

– Xây dựng đất nước Việt Nam độc lập, dân giàu nước mạnh, xã hội

- Các nhóm thảo luận.
- HS: Cử đại diện nhóm trình bày.
- HS: Cả lớp theo dõi, nhận xét.
- GV: Bổ sung và kết luận nội dung chính của bài.
- HS: Ghi bài vào vở.
- GV: Kết luận.

Trung thành với lí tưởng xã hội chủ nghĩa là đòi hỏi đặt ra nghiêm túc đối với thanh niên. Đó không chỉ là đạo đức, tình cảm mà thực sự là một quá trình rèn luyện để trưởng thành. Chúng ta phải kính trọng, biết ơn và học tập thế hệ cha anh, chủ động xây dựng cho mình lí tưởng, cống hiến cao nhất cho sự phát triển của xã hội.

công bằng, dân chủ, văn minh.

- Thanh niên, học sinh phải ra sức học tập, rèn luyện để có đủ tri thức, phẩm chất và năng lực để thực hiện lí tưởng.
- Mỗi cá nhân học tập tốt, rèn luyện đạo đức lối sống, tham gia các hoạt động xã hội...



Hoạt động 5

LIÊN HỆ THỰC TẾ THỰC HIỆN LÍ TƯỞNG SỐNG VÀ SỐNG THIẾU LÍ TƯỞNG CỦA MỘT SỐ THANH NIÊN

- GV: Tổ chức cho HS cả lớp thảo luận, trao đổi.

- HS: Làm việc chung cả lớp.
- GV: Cho HS thảo luận các câu hỏi và tình huống sau:

Câu hỏi 1: Nêu những biểu hiện sống có lí tưởng và thiếu lí tưởng của thanh niên trong giai đoạn hiện nay.

- HS: Bày tỏ ý kiến cá nhân
- HS: Cả lớp góp ý.
- GV: Liệt kê ý kiến đúng.

<i>Sống có lí tưởng</i>	<i>Thiếu lí tưởng</i>
– Vượt khó trong học tập. – Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. – Năng động, sáng tạo trong công việc. – Phấn đấu làm giàu chính đáng cho mình, gia đình, xã hội. – Đấu tranh các hiện tượng tiêu cực trong xã hội. – Tham gia quân đội bảo vệ tổ quốc.	– Sống ỷ lại, thực dụng. – Không có hoài bão, ước mơ, mơ nhạt lí tưởng. – Sống vì tiền tài, danh vọng. – Ăn chơi, nghiện ngập, cờ bạc, đua xe. – Sống thờ ơ với mọi người. – Lãng quên quá khứ.

Câu 2: Ý kiến của em về các tình huống sau:

- Bạn Nam tích cực tham gia diễn đàn chủ đề: “Lí tưởng thanh niên, học sinh ngày nay”.

– Bạn Thắng cho rằng: Học sinh lớp 9 còn quá nhỏ để bàn về lí tưởng, nên bạn đã bỏ để đi chơi.

– HS: Trả lời cá nhân

– HS: Cả lớp trao đổi.

– GV: Nhận xét và giải thích vì sao đúng, sai.

– *Ý kiến đúng*: Bạn Nam.

– *Ý kiến sai*: Bạn Thắng.

– GV: Kết luận, chuyển ý.

Lí tưởng dân giàu, nước mạnh theo con đường xã hội chủ nghĩa không phải là cái gì trừu tượng với thế hệ trẻ đang lớn lên. Nó được biểu hiện cụ thể và sinh động trong đời sống hàng ngày. Với học sinh, nó được biểu hiện trong học tập, lao động, xây dựng tập thể, rèn luyện đạo đức, lối sống.

Hoạt động 6

HƯỚNG DẪN HỌC SINH GIẢI BÀI TẬP SGK

– GV: Chuẩn bị trước phiếu học tập

– GV: Hướng dẫn HS làm bài tập vào phiếu.

– HS: 1/2 lớp làm bài tập 1 (SGK) trang 25.

1/2 lớp làm bài kiểm tra thái độ.

Câu hỏi: Mơ ước của em là gì? Em sẽ làm gì để đạt được mơ ước đó?

– GV: Thu phiếu HS làm nhanh nhất.

– HS: Lên bảng trả lời.

– HS: Cả lớp tham gia góp ý.

– GV: Nhận xét, đánh giá (cho điểm HS có ý kiến tốt).

III. Bài tập

Đáp án: Bài 1 (SGK)

* *Việc làm đúng*: (a), (c), (d), (đ), (e), (i), (k).

* *Việc làm sai*: (b), (g), (h).

– GV: Gợi ý HS giải thích vì sao?

Câu hỏi: Tự HS trình bày mơ ước cá nhân. GV gợi ý cách thực hiện như thế nào.

– GV: Kết luận, chuyển ý.

4. Củng cố

Hoạt động 7

CỦNG CỐ KIẾN THỨC, ĐỀ RA BIỆN PHÁP THỰC HIỆN LÍ TƯỞNG SỐNG

– GV: Tổ chức cho HS trao đổi cả lớp.

– HS: Cùng tham gia bàn bạc.

– GV: Gợi ý HS trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1: Xác định đúng và phần đầu suốt đời cho lí tưởng sẽ có lợi gì? (Ví dụ minh hoạ.)

Câu 2: Thiếu lí tưởng sống hoặc xác định mục đích không đúng sẽ có hại gì? (Nêu ví dụ minh hoạ.)

Câu 3: Em đồng ý với biện pháp thực hiện lí tưởng sống nào sau đây:

– Biết sống vì người khác.

– Quan tâm đến quyền lợi chung.

– Tránh lối sống ích kỉ, vụ lợi.

– Có ý chí nghị lực.

– Khiêm tốn, cầu thị.

– Có quyết tâm cao.

– Có kế hoạch, phương pháp.

– Thực hiện đúng mục đích.

☐
☐
☐
☐
☐
☐
☐
☐

– *Ý kiến đúng:* Tất cả ý kiến trên đều đúng.

- HS: Trả lời cá nhân.
- HS: Cả lớp nhận xét.
- GV: Kết luận, đánh giá.
- GV: Chốt lại phần củng cố.

GV: Kết luận toàn bài

Đất nước ta đang đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đường lối đổi mới của Đảng đang mở ra những triển vọng và khả năng to lớn của sự nghiệp phát triển đất nước và tài năng sáng tạo của tuổi trẻ.

Tự giác có ý thức công dân cao cả, nhiệt tình yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội. Với học vấn và văn hoá được nhà trường trang bị, thanh niên chúng ta hạnh phúc được góp sức mình vào công việc đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

5. Dặn dò

- Làm bài tập 2, 3, 4 trang 36 SGK.
- Xem trước bài 11.
- Suy tầm gương thanh niên Việt Nam thực hiện lí tưởng sống.

E. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Tư liệu về gương chiến đấu, hy sinh bảo vệ tổ quốc và lao động xây dựng đất nước.
- Đường lối, chính sách của Đảng, nhà nước.

Bài 11

TRÁCH NHIỆM CỦA THANH NIÊN TRONG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ ĐẤT NƯỚC

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Định hướng cơ bản của thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
- Mục tiêu, vị trí của công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
- Trách nhiệm của thanh niên trong giai đoạn hiện nay.

2. Kỹ năng

- Kỹ năng đánh giá thực tiễn xây dựng đất nước trong giai đoạn hiện nay.
- Xác định cho tương lai của bản thân, chuẩn bị hành trang tham gia lao động, học tập.

3. Thái độ

- Tin tưởng vào đường lối, mục tiêu xây dựng đất nước.
- Có ý thức học tập, rèn luyện để thực hiện đúng trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội.

B. PHƯƠNG PHÁP

GV có thể sử dụng các phương pháp sau:

- Phương pháp đàm thoại, diễn giải.
- Thảo luận nhóm.
- Tổ chức diễn đàn, đối thoại.

C. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

- SGK, sách GV GDCD lớp 9.
- Nghị quyết của Đảng.
- Tư liệu về sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

D. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**1. Ổn định tổ chức****2. Kiểm tra bài cũ***Câu hỏi:*

1. HS chúng ta phải rèn luyện như thế nào để thực hiện lí tưởng sống của thanh niên? Em dự định sẽ làm gì sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở?
2. Hành vi nào cần phê phán đối với một số thanh niên, học sinh sống thiếu lí tưởng?

- GV : Gọi 2 HS lên bảng.

Tiết 1**3. Bài mới**

<i>Hoạt động của GV và HS</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
-------------------------------	-------------------------

Hoạt động 1
GIỚI THIỆU BÀI

Bác Hồ đã từng nói với thanh niên: “Thanh niên là người tiếp sức cách mạng cho thế hệ thanh niên già, đồng thời là người phụ trách, dìu dắt thế hệ thanh niên tương lai. Nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn do các thanh niên...”

Câu nói của Bác Hồ nhắc nhở thanh niên chúng ta điều gì?

Để thấy rõ vị trí, vai trò và trách nhiệm của thanh niên trong sự nghiệp cách mạng, chúng ta học bài hôm nay.

Hoạt động 2**TÌM HIỂU NỘI DUNG CỦA PHẦN ĐẶT VẤN ĐỀ**

- | | |
|---|----------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> – GV: Tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm nhỏ. – HS: Chia lớp thảo luận thành 3 nhóm. | I. Đặt vấn đề |
|---|----------------------|

- GV: Cho HS đọc lại một lần bức thư của đồng chí Tổng bí thư Nông Đức Mạnh gửi thanh niên.
- GV: Gợi ý tiêu đề của bài là: Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước chính là sự nghiệp thanh niên – cần hiểu rõ: trách nhiệm của thanh niên trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
- HS: Thảo luận theo nhóm.
- GV: Cho HS thảo luận các câu hỏi sau:

Nhóm 1:

Trong thư đồng chí Tổng bí thư có nhắc đến nhiệm vụ cách mạng mà Đảng đề ra như thế nào?

Nhóm 1:

Đại hội lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ ra:

– Phát huy sức mạnh dân tộc, tiếp tục đổi mới đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam.

– Vì mục tiêu: “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.”

– Chiến lược phát triển kinh tế 10 năm đưa đất nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, tạo tiền đề để trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Nhóm 2:

Hãy nêu vai trò, vị trí của thanh niên trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá qua bài phát biểu của Tổng bí thư Nông Đức Mạnh.

Tại sao Tổng bí thư cho rằng thực hiện mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá là trách nhiệm vẻ vang và là thời cơ to lớn của thanh niên.

Nhóm 3:

Em có suy nghĩ gì khi thảo luận về nội dung bức thư của Tổng bí thư gửi thanh niên?

Nhóm 2:

** Vai trò, vị trí của thanh niên:*

- Thanh niên đảm đương trách nhiệm của lịch sử, mỗi người vươn lên tự rèn luyện.
- Là lực lượng nòng cốt khơi dậy hào khí Việt Nam và lòng tự hào dân tộc.
- Quyết tâm xoá tình trạng nước nghèo và kém phát triển.
- Thực hiện thắng lợi công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

** Giải thích vì sao?*

- Ý nghĩa cuộc đời của mỗi người là tự vươn lên, gắn với xã hội, quan tâm đến mọi người, nhân dân và Tổ quốc.
- Là mục tiêu phấn đấu của thế hệ trẻ.
- Vai trò cống hiến của tuổi trẻ cho đất nước.

Nhóm 3:

- Hiểu được nhiệm vụ xây dựng đất nước trong giai đoạn hiện nay.

- Vai trò của thanh niên trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
- Việc làm cụ thể của thanh niên nói chung và học sinh nói riêng.

- HS: Các nhóm thảo luận.
- GV: Yêu cầu mỗi nhóm đọc nhiều lần bức thư.
- HS: Cử đại diện nhóm trình bày.
- HS : Cả lớp nhận xét, bổ sung ý kiến.
- GV : Tổng kết ý chính của nội dung thảo luận.
- GV : Tổng kết thảo luận

Nhấn mạnh tình cảm của Đảng, của dân tộc và của chính thầy cô, nhà trường gửi gắm niềm tin, hy vọng vào thế hệ trẻ các em.

Hoạt động 3

TÌM HIỂU MỤC TIÊU VÀ Ý NGHĨA CỦA CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ

- GV : Tổ chức cho HS cùng trao đổi thảo luận cả lớp.
 - GV: Gợi ý HS trao đổi các vấn đề sau
- Câu 1:* Mục tiêu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là gì?
- Câu 2:* Ý nghĩa của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước?
- (Có thể tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm nhỏ)

– GV: Đây là nội dung khó, cần kết hợp tài liệu Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX với nội dung bức thư của Tổng bí thư trong SGK.

– HS: Tham gia ý kiến cá nhân.

– HS: Cả lớp cùng trao đổi.

– GV: Dựa vào hiểu biết của HS và nội dung các tài liệu, SGK, GV kết luận và nhấn mạnh.

– GV: Nhấn mạnh thêm yếu tố con người trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Vì vậy, Đảng xác định con người là trung tâm và giáo dục con người là quốc sách hàng đầu.

** Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là:*

– Là quá trình chuyển từ nền văn minh nông nghiệp sang nền văn minh hậu công nghiệp, xây dựng phát triển nền kinh tế trí thức.

– Ứng dụng nền công nghệ mới, công nghệ hiện đại vào mỗi lĩnh vực cuộc sống xã hội và sản xuất vật chất.

– Nâng cao năng suất lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho toàn dân.

** Ý nghĩa:*

– Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kì quá độ.

– Tạo tiền đề về mọi mặt (kinh tế, xã hội, con người).

– Để thực hiện lí tưởng:
“Dân giàu, nước mạnh,
xã hội công bằng, dân
chủ, văn minh”.

– GV: *Kết luận tiết 1:*

Nước ta đi lên xây dựng và phát triển đất nước từ một nước nông nghiệp nghèo nàn và lạc hậu. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá là quá trình khó khăn, phức tạp. Nó đòi hỏi sự đóng góp tích cực của nhân dân cả nước nói chung và thanh niên nói riêng. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là một thách thức, cơ hội đối với thanh niên vì họ là lực lượng nòng cốt, là lực lượng xung kích góp phần to lớn vào mục tiêu phấn đấu của toàn dân tộc.

Tiết 2

KIỂM TRA BÀI (TIẾT 1)

Câu hỏi: Tại sao Đảng và nhân dân ta lại tin tưởng vào thế hệ thanh niên trong việc thực hiện mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước?

– GV : Cho HS xung phong trả lời câu hỏi này.

– GV: Bổ sung và chuyển ý vào Tiết 2.

<i>Hoạt động của GV và HS</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
-------------------------------	-------------------------

Hoạt động 4

TÌM HIỂU NỘI DUNG BÀI HỌC

TRAO ĐỔI VỀ NHẬN THỨC TRÁCH NHIỆM CỦA THANH NIÊN

– GV: Tổ chức cho HS thảo luận.

– HS : Chia lớp thành 3 nhóm hoặc thảo luận theo đơn vị tổ.

– GV: Gợi ý HS thảo luận các câu hỏi sau:

II. Nội dung bài học

Nhóm 1:

Trách nhiệm của thanh niên trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước?

Nhóm 1: Trách nhiệm của HS trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá:

- Ra sức học tập văn hóa, khoa học kĩ thuật. Tu dưỡng đạo đức, tư tưởng chính trị.
- Có lối sống lành mạnh, rèn luyện kĩ năng, phát triển năng lực.
- Có ý thức rèn luyện sức khỏe.
- Tham gia lao động sản xuất.
- Tham gia các hoạt động chính trị, xã hội.

Nhóm 2:

Nhiệm vụ của thanh niên, HS trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước?

Nhóm 2: Nhiệm vụ của thanh niên, HS:

- Ra sức học tập, rèn luyện toàn diện.
- Xác định lí tưởng đúng đắn.
- Có kế hoạch học tập, rèn luyện, lao động để phấn đấu trở thành chủ nhân của đất nước thời kì đổi mới.

Nhóm 3:

Phương hướng phấn đấu của lớp và của bản thân em?

Nhóm 3: Phương hướng phấn đấu của lớp, cá nhân:

- Thực hiện tốt nhiệm vụ Đoàn thanh niên, nhà trường giao phó.

- HS: Các nhóm (tổ) thảo luận.
 - HS : Cử đại diện nhóm trình bày
 - HS: Cả lớp nhận xét, góp ý kiến.
 - GV: Kết luận chung ý kiến của HS.
 - GV: Gợi ý HS trong quá trình thảo luận, đánh giá được ưu, nhược điểm chung của lớp. Phân tích những biểu hiện tiêu cực, những thành tích tốt đẹp của lớp, những biểu hiện chưa tốt, tìm nguyên nhân, nêu phương hướng rèn luyện.
 - GV: Kết luận chuyển ý.
- Trách nhiệm của thanh niên nói chung và thanh niên HS nói riêng trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá là góp phần xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp hiện đại...xác định thanh niên là “lực lượng nòng cốt” trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Tích cực tham gia hoạt động tập thể xã hội.
- Xây dựng tập thể lớp vững mạnh, về học tập phải rèn luyện tu dưỡng.
- Thường xuyên tổ chức tham gia trao đổi về lí tưởng, trách nhiệm của thanh niên trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
- Cùng với thầy cô giáo phụ trách lớp.

Hoạt động 5
HƯỚNG DẪN BÀI TẬP SGK

- GV: Cho HS liên hệ thực tế, rèn luyện kỹ năng và làm bài tập SGK.
- GV: Có thể sử dụng bài tập SGK, bài tập liên hệ thực tế (GV giao cho HS từ Tiết 1).
- HS: Làm việc cả lớp.
- GV: Gợi ý HS làm các bài tập sau:

Bài 6 (SGK) trang 39

(GV ghi bài tập lên bảng phụ, khổ giấy to hoặc chiếu lên máy).

Trong những việc làm dưới đây, việc làm nào biểu hiện trách nhiệm hoặc thiếu trách nhiệm của thanh niên? Vì sao?

- a. Nỗ lực học tập, rèn luyện toàn diện.
 - b. Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội.
 - c. Chưa có ý thức vận dụng những điều đã học vào thực tế.
 - d. Có ý thức giúp đỡ bạn bè xung quanh.
 - đ. Sống, học tập, làm việc luôn suy nghĩ đến bổn phận đối với gia đình và xã hội.
 - e. Học tập vì quyền lợi bản thân.
 - g. Học tập vì sự phát triển của đất nước.
 - h. Vượt khó khăn để thực hiện kế hoạch đề ra.
 - i. Ngại tham gia các phong trào Đoàn và nhà trường tổ chức.
 - k. Dồn sức vào việc học tập.
- HS : Trả lời nhanh bài tập.
 - HS : Cả lớp cùng góp ý.

III. Bài tập

Đáp án:

- Biểu hiện có trách nhiệm: a, b, d, đ, g, h.

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> – HS : Trả lời nhanh bài tập. – HS : Cả lớp cùng góp ý. – GV: Nhận xét, đưa ra kết luận đúng. Đánh giá, cho điểm HS. – GV: Gợi ý HS giải thích vì sao. – GV: Lưu ý: Sẽ có HS trả lời biểu hiện e, h là đúng. – GV: Giải thích cho HS để đi đến thống nhất ý kiến. – GV: Kết luận, chuyển ý. | <ul style="list-style-type: none"> – Biểu hiện thiếu trách nhiệm: c, e, i, k. |
|---|--|

4. Củng cố

Hoạt động 6

RÈN LUYỆN LIÊN HỆ THỰC TẾ ĐỂ Củng Cố KIẾN THỨC

Phương án 1:

- GV: Tổ chức cho HS trò chơi sắm vai xử lí tình huống.
- HS: Cử 2 nhóm tham gia tiểu phẩm.
- GV: Giao công việc cho từng nhóm.

Nhóm 1: Tình huống:

Biểu hiện của một số thanh niên đua xe máy, lười học, nghiện ma túy, đua đòi ăn chơi.
(HS chọn 2 trong 4 tình huống trên):

- HS: Tự phân vai, viết lời thoại.

Nhóm 2: Tình huống:

Tấm gương về một HS tích cực tham gia công tác tập thể, ngoan, học giỏi.

- HS : Tự phân vai, viết lời thoại
- HS: Các nhóm thể hiện.
- HS cả lớp tham gia góp ý.
- GV: Nhận xét, đánh giá.

– GV: Kết thúc trò chơi, nhắc nhở HS về việc rèn luyện bản thân, tránh xa tệ nạn xã hội để góp phần xây dựng hạnh phúc và sự bình yên ở mỗi gia đình.

Phương án 2:

GV tổ chức cho HS tọa đàm trao đổi những vấn đề sau:

Em đồng ý với ý kiến nào sau đây:

1. Trẻ không ăn chơi, già sẽ thiệt thòi.
2. Được đến đâu, biết đến đấy. Không việc gì phải suy nghĩ, lo lắng.
3. Nước đến chân mới nhảy.
4. Há miệng chờ sung.
5. Trẻ uống nước trà, già tập thể dục.
6. Cống hiến thì nhìn về phía trước, hưởng thụ nhìn phía sau.

– GV : Cho HS trao đổi. Từ đó rút ra bài học cho bản thân.

GV: Kết luận toàn bài

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là một thách thức, một cơ hội đối với thanh niên đang ngồi trên ghế nhà trường, vì họ là lực lượng nòng cốt khơi dậy hào khí cách mạng Việt Nam, là lực lượng xung kích góp phần to lớn vào mục tiêu phấn đấu của toàn dân tộc. Trên cơ sở đó, thanh niên phải có ý chí nghị lực, cố gắng lao động, học tập, rèn luyện tư cách đạo đức và sức khoẻ, vươn lên chiếm lĩnh đỉnh cao của văn hoá – khoa học.

5. Dặn dò

- Bài tập 1, 2, 3, 4, 5, 7 trang 39, 40 SGK.
- Chuẩn bị bài 12.

E. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nghị quyết Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX.
- Những gương người tốt, việc tốt.

Bài 12

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG HÔN NHÂN

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- HS cần hiểu hôn nhân là gì.
- Các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân ở Việt Nam.
- Các điều kiện để được kết hôn, quyền và nghĩa vụ của vợ và chồng.
- Ý nghĩa của hôn nhân đúng pháp luật.
- Những tác hại của hôn nhân trái pháp luật.

2. Kỹ năng

- Phân biệt hôn nhân đúng pháp luật và hôn nhân trái pháp luật.
- Biết cách ứng xử trong những trường hợp liên quan đến quyền và nghĩa vụ về hôn nhân của bản thân.
- Tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện luật hôn nhân gia đình.

3. Thái độ

- Tôn trọng quy định của pháp luật về hôn nhân.
- Ủng hộ những việc làm đúng và phản đối những hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân.
- Có cuộc sống lành mạnh, nghiêm túc với bản thân và thực hiện đúng luật hôn nhân gia đình.

B. PHƯƠNG PHÁP

GV có thể sử dụng các phương pháp sau:

- Đàm thoại, thảo luận (nhóm, lớp).
- Nêu và giải quyết vấn đề.
- Đóng vai.

C. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

- SGK, sách GV GDCD lớp 9.
- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.
- Các thông tin, số liệu thực tế có liên quan.
- Giấy khổ lớn, bút dạ.
- Bảng hình nói về hôn nhân, gia đình, đầu video (nếu có).

D. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**1. Ổn định tổ chức****2. Kiểm tra bài cũ**

Câu hỏi: Em hãy nêu một vài tấm gương về thanh niên đã phấn đấu vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc trước đây cũng như hiện nay? Em học tập được gì ở họ?

Tiết 1**3. Bài mới**

<i>Hoạt động của GV và HS</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
-------------------------------	-------------------------

Hoạt động 1**GIỚI THIỆU BÀI**

Ngày 1/10, một vụ tự tử đã xảy ra ở Sơn La.

Được biết nguyên nhân là do cha mẹ của một cô con gái đã ép cô tảo hôn với một người con trai ở bản khác. Do mâu thuẫn với cha mẹ mình, cô đã tự vẫn, vì không muốn lập gia đình sớm, đồng thời trong thư cô viết lại cho gia đình trước khi tự vẫn, cô đã nói lên ước mơ của thời con gái và những dự định trong tương lai.

1. Suy nghĩ của các em về cái chết thương tâm của cô gái?
2. Theo các em, trách nhiệm thuộc về ai?

– GV: Để giúp các em hiểu rõ hơn được vấn đề này, chúng ta học bài hôm nay.

Hoạt động 2
TÌM HIỂU VỀ NHỮNG THÔNG TIN
CỦA PHẦN ĐẶT VẤN ĐỀ

- GV: Tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm.
- HS: chia thành 3 nhóm thảo luận.
- GV: Cho HS đọc các thông tin trong phần đặt vấn đề.
- GV: Gợi ý cho HS trao đổi các nội dung sau:

Nhóm 1:

Những sai lầm của T và K, M và H trong 2 câu chuyện trên.

I. Đặt vấn đề

Nhóm 1: Trường hợp T và K.

- T học hết lớp 10 (chưa đủ tuổi) đã kết hôn.
- Bố mẹ T ham giàu, ép T lấy chồng mà không có tình yêu.
- Chồng T là thanh niên lười biếng, ham chơi, rượu chè.

*** Hậu quả:**

- T làm lụng vất vả, buồn phiền vì chồng nên gây yếu.
- K bỏ nhà đi chơi, không quan tâm đến vợ con.

Hậu quả của việc làm sai lầm của M, T?

Nhóm 2:

Em suy nghĩ gì về tình yêu và hôn nhân trong các trường hợp trên?

Nhóm 2:

- M là cô gái đảm đang, hay làm.
- H, chàng trai thợ mộc yêu M.

Nhóm 3:

Em thấy cần rút ra bài học gì cho bản thân?



- HS: Các nhóm thảo luận.
- HS: Cử đại diện nhóm trình bày.
- HS : Cả lớp trao đổi, bổ sung.
- GV : Nhận xét, kết luận những ý kiến đúng.
- GV: Gợi ý việc kết hôn chưa đủ tuổi gọi là tảo hôn.

– Vì nể, sợ người yêu giận, M quan hệ và có thai.

– H dao động, trốn tránh trách nhiệm.

– Gia đình H phản đối không chấp nhận M.

* *Hậu quả:*

– M sinh con gái và vất vả đến kiệt sức để nuôi con.

– Cha mẹ M hắt hủi, xóm giềng, bạn bè chê cười.

Nhóm 3: Bài học cho bản thân:

– Xác định đúng vị trí của mình hiện nay là HS trung học cơ sở.

– Không yêu, lấy chồng quá sớm.

– Phải có tình yêu chân chính và hôn nhân đúng pháp luật quy định.

- GV: Gợi ý HS phân tích những hậu quả của cuộc hôn nhân này.
 - GV: Gợi ý HS phân tích kĩ thái độ của H và việc làm đáng trách của M.
 - GV : Kết luận phần thảo luận
- Ở lớp 8 chúng ta đã học bài: “Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình”. Qua đó HS được trang bị những vấn đề cơ bản về hôn nhân, gia đình.
- Ở bài này, đối với HS lớp 9, chúng ta cần được giáo dục tiền hôn nhân, trang bị cho các em những quan niệm, cách ứng xử đúng đắn trước vấn đề tình yêu và hôn nhân đang đặt ra trước các em.

Hoạt động 3

THẢO LUẬN GIÚP HS HIỂU QUAN NIỆM ĐÚNG ĐẮN VỀ TÌNH YÊU VÀ HÔN NHÂN

- GV : Tổ chức cho HS thảo luận cả lớp.
- HS: Làm việc cá nhân.
- HS: Cả lớp trao đổi.
- GV: Gợi ý HS trao đổi các vấn đề sau:

Câu 1: Cơ sở của tình yêu chân chính.

Câu 1: Tình yêu chân chính dựa trên cơ sở:

- Là sự quyến luyến của hai người khác giới.
- Sự đồng cảm giữa hai người.
- Quan tâm sâu sắc, chân thành, tin cậy và tôn trọng lẫn nhau.

Câu 2: Những sai trái thường gặp trong tình yêu.

- Vị tha, nhân ái.
- Chung thủy.

Câu 2: Những sai trái trong tình yêu:

- Thô lỗ, nông cạn và cầu thả trong tình yêu.
- Vụ lợi, ích kỉ.
- Không nên nhầm lẫn tình bạn với tình yêu.
- Không nên yêu quá sớm.

Câu 3: Hôn nhân đúng pháp luật là như thế nào?

Câu 3: Hôn nhân đúng pháp luật là hôn nhân trên cơ sở tình yêu chân chính.

Câu 4: Thế nào là hôn nhân trái pháp luật?

Câu 4: Hôn nhân trái pháp luật: không dựa trên tình yêu chân chính: vì tiền, vì dục vọng, bị ép buộc...

- GV: Các câu hỏi trên đây HS suy nghĩ qua sự hiểu biết của những bài đã học như: tình bạn, tình cảm gia đình, đồng thời qua các phương tiện thông tin đại chúng, những việc làm và những con người cụ thể mà các em biết, tiếp xúc.

GV động viên các em mạnh dạn trả lời, tránh quan niệm từng yêu mới trả lời được các câu hỏi này.

- GV: Liệt kê các ý kiến của HS và kết luận.

- GV: Gọi ý, phân tích và lấy ví dụ cụ thể giúp HS rút ra 5 cơ sở tình yêu chân chính.
 - HS: Trao đổi thực sự mạnh dạn và hiểu biết.
 - GV: Gọi ý HS phân tích ví dụ thực tế trong cuộc sống mà HS được biết. Những sai trái này có xu hướng tăng nhanh, lan rộng. Thể hiện của lối sống thấp hèn, thực dụng, sống gấp của thanh niên trong thời đại hiện nay.
 - GV: Gọi ý HS phân tích tình yêu chân chính dẫn đến hôn nhân và cuộc sống gia đình đẹp đẽ. Ngược lại, hôn nhân không có tình yêu chân chính sẽ dễ gây tan vỡ hạnh phúc gia đình và hậu quả trực tiếp là con cái.
 - GV: Kết luận phần thảo luận.
- Định hướng cho HS ở tuổi HS trung học cơ sở về tình yêu và hôn nhân.

Hoạt động 4

TÌM HIỂU NỘI DUNG BÀI HỌC

- GV: Từ phần thảo luận trên, GV gọi ý HS trao đổi, rút ra nội dung bài học.
 - HS: Trả lời các câu hỏi sau:
- Câu 1:* Hôn nhân là gì?

Câu 2: Ý nghĩa của tình yêu chân chính đối với hôn nhân?

II. Nội dung bài học

1. Hôn nhân là: Sự liên kết đặc biệt giữa một nam và một nữ trên nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện được pháp luật thừa nhận.

2. Ý nghĩa của tình yêu chân chính đối với hôn nhân:

- Cơ sở quan trọng của hôn nhân.

- HS: Bày tỏ ý kiến cá nhân.
 - HS: Cả lớp cùng trao đổi.
 - GV: Kết luận nội dung của bài học.
 - GV: Giải thích, lấy ví dụ thế nào là tự nguyện, bình đẳng...
- Được pháp luật thừa nhận có nghĩa là thủ tục đăng ký kết hôn tại uỷ ban nhân dân xã, phường (Luật Hôn nhân – gia đình).
- HS: Ghi bài vào vở.
 - GV: Cho HS nhắc lại nội dung bài học.
 - GV : *Kết luận tiết 1.*

– Chung sống lâu dài và xây dựng gia đình hoà hợp – hạnh phúc.

Tiết 2

GV : Nhắc lại kiến thức Tiết 1 (có thể kiểm tra bài cũ Tiết 1).

Sau đó GV giới thiệu qua về luật hôn nhân gia đình với những nét chính.

Trong khuôn khổ tài liệu SGK lớp 9 chúng ta chỉ xem xét các nội dung sau:

<i>Hoạt động của GV và HS</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
– GV: Tổ chức cho HS thảo luận những nguyên tắc cơ bản, những quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân và ý nghĩa của các quy định đó. – HS : Chia lớp theo nhóm. – GV: Gợi ý HS trao đổi các câu hỏi sau: 1. Những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân ở Việt Nam.	

2. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong hôn nhân.
 3. Pháp luật quy định như thế nào về quan hệ giữa vợ và chồng?
 4. Trách nhiệm của công dân và HS như thế nào?
- HS: Các nhóm trình bày.
 - HS: Cả lớp trao đổi, bổ sung.
 - GV: Liệt kê ý kiến đúng của HS ghi lên bảng.
 - HS: Ghi bài vào vở.

1. Nguyên tắc cơ bản của chế độ Hôn nhân ở Việt Nam

- Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ, một chồng. Vợ chồng bình đẳng.
- Nhà nước tôn trọng và bảo vệ về pháp lí cho hôn nhân giữa công dân Việt Nam thuộc các dân tộc, các tôn giáo, giữa người theo tôn giáo với người không tôn giáo, giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài.
- Vợ chồng có nghĩa vụ thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình.

- GV: Giải thích quy định này là tối thiểu. Do yêu cầu kế hoạch hoá gia đình, nhà nước khuyến khích nam 26, nữ 22 tuổi mới kết hôn.



- GV: Kết hợp giải thích nội dung khó (cùng dòng máu trực hệ, quan hệ 3 đời).

2. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân

a. Được kết hôn:

- Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên.

- Việc kết hôn do nam nữ tự nguyện, không ép buộc, cưỡng ép hoặc cản trở.

b. Cấm kết hôn:

- Người đang có vợ, có chồng.

- Người mất năng lực hành vi dân sự (tâm thần, mắc bệnh...).

- Giữa những người cùng dòng máu trực hệ, giữa những người có họ trong phạm vi 3 đời.

- Giữa cha mẹ nuôi với con nuôi, bố chồng, con dâu, mẹ vợ với con rể, bố dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng.

- Giữa những người cùng giới tính.

- GV: Nhấn mạnh thủ tục kết hôn là cơ sở pháp lí của hôn nhân đúng quy định, có giá trị pháp lí.
- GV: Lấy ví dụ thực tế của những gia đình không làm thủ tục kết hôn gây hậu quả như thế nào.
- Giải thích và lấy ví dụ thực tế minh họa, phê phán quan điểm ngày nay trong cơ chế thị trường người chồng lo kiếm tiền, phụ nữ chỉ nên ở nhà lo việc gia đình.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

c. Thủ tục kết hôn:

- Đăng kí kết hôn ở uỷ ban nhân dân phường, xã.
- Được cấp giấy chứng nhận kết hôn.

3. Quy định của quan hệ vợ và chồng

- Vợ chồng bình đẳng với nhau, có nghĩa vụ và quyền ngang nhau về mọi mặt trong gia đình. Vợ chồng phải tôn trọng danh dự, nhân phẩm và nghề nghiệp của nhau.

4. Trách nhiệm

- Thái độ tôn trọng, nghiêm túc trong tình yêu và hôn nhân. Không vi phạm quy định của pháp luật về hôn nhân.
- Với học sinh, chúng ta biết đánh giá đúng bản thân, hiểu được nội dung, ý nghĩa của luật hôn nhân gia đình. Thực hiện đúng trách nhiệm của mình với bản thân, gia đình, xã hội.

– GV: Kết luận chuyển ý.

Tình yêu – hôn nhân – gia đình là tình cảm hết sức quan trọng đối với mỗi người. Những quy định của luật pháp thể hiện ý nguyện của nhân dân, truyền thống tốt đẹp của dân tộc đồng thời thể hiện tinh hoa văn hoá của nhân loại.

Hoạt động 5

HỌC SINH LÀM BÀI TẬP NHẪM XÂY DỰNG THÁI ĐỘ ĐÚNG ĐẮN ĐỐI VỚI HÔN NHÂN

– GV: Yêu cầu HS cả lớp làm bài tập 1 SGK trang 43.

– HS: Làm việc cá nhân.

– GV: Yêu cầu 2 – 3 HS trả lời nhanh kết quả.

– HS: Cả lớp trao đổi, bổ sung ý kiến giải thích khác nhau.

– GV: Thống nhất ý kiến đúng và đánh giá cho điểm HS có ý kiến tốt.

– GV: Cho HS làm bài tập 6, 7 sách bài tập tình huống.

GDGD lớp 9 trang 41 (Bài tập trắc nghiệm).

– GV: Phát phiếu học tập.

(Có thể cá nhân hoặc theo từng bàn).

– HS: Trao đổi và phát biểu ý kiến.

– GV: Đưa ra đáp án đúng.

– GV: Chốt lại và kết luận:

Chúng ta phải nắm vững những quy định của pháp luật, quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân và phải biết bảo vệ quyền của mình.

III. Bài tập

Bài 1 SGK

Đáp án đúng: d, đ, g, h, i, k.

Bài 6 SGK (Sách bài tập trang 41)

Đáp án đúng: 1, 2, 4, 6.

Bài 7 (Sách bài tập trang 41)

Đáp án đúng: 1, 2, 3, 6, 7, 8.

4. Củng cố

Hoạt động 6

RÈN LUYỆN VÀ Củng cố KIẾN THỨC

- GV: Tổ chức cho HS trò chơi sắm vai.
- GV: Đưa ra các tình huống.

Tình huống 1:

Hoà bị gia đình ép gả cho gia đình giàu có khi mới 16 tuổi.

Tình huống 2:

Lan và Tuấn yêu nhau, kết hôn khi cả 2 vừa tốt nghiệp trung học phổ thông, không đỗ Đại học và không có việc làm.

Tình huống 3:

Người chồng hành hạ, ngược đãi vợ con.

- HS: Các nhóm nhận câu hỏi.
- HS: Tự phân vai, xây dựng kịch bản và lời thoại
- HS: Các nhóm thể hiện tiểu phẩm.
- HS: Cả lớp nhận xét, bổ sung.
- GV: Đánh giá, kết luận, động viên HS tham gia tốt.

GV: Kết luận toàn bài

Học sinh các em đang tuổi trăng tròn. Cuộc sống của các em tới đây rất mới mẻ, phong phú và đầy hứa hẹn. Để tránh những sai lầm từ lúc bắt đầu yêu và hôn nhân, chúng ta phải hiểu về cuộc sống hôn nhân và gia đình.

Luật hôn nhân, gia đình không nói đến ngôn ngữ yêu đương, nhưng các quy định của pháp luật và nội dung sâu sắc của tình yêu đồng thời là những phương pháp để có một tình yêu hạnh phúc, bền vững.

Vì vậy, học sinh chúng ta nói riêng và thanh niên nói chung cần xác định một tình yêu và hôn nhân đúng đắn.

5. Dặn dò

- Bài tập 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 trang 43, 44 SGK.
- Sưu tầm tục ngữ nói về hôn nhân – gia đình.
- Xem bài 13: “Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế”.

E. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Luật hôn nhân – gia đình.
- Bộ luật Hình sự.
- Hiến pháp 1992.
- Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.
- * Tục ngữ: – Con dại, cái mang.
 - Cha muốn cho con hay, thầy muốn cho trò giỏi.
 - Của chồng công vợ.
- * Ca dao: “*Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.*”
- * Ngày gia đình Việt Nam: 28/6.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 13

QUYỀN TỰ DO KINH DOANH VÀ NGHĨA VỤ ĐÓNG THUẾ

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

HS hiểu được:

1. Kiến thức

- Thế nào là quyền tự do kinh doanh.
- Thuế là gì? Ý nghĩa, tác dụng của thuế?
- Quyền và nghĩa vụ của công dân trong kinh doanh và thực hiện pháp luật về thuế.

2. Kỹ năng

- Biết phân biệt hành vi kinh doanh, thuế đúng pháp luật và trái pháp luật.
- Vận dụng gia đình thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.

3. Thái độ

- Ủng hộ chủ trương của nhà nước và quy định của pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh và thuế.
- Biết phê phán những hành vi kinh doanh và thuế trái pháp luật.

B. PHƯƠNG PHÁP

GV có thể sử dụng các phương pháp sau:

- Thảo luận.

- Đàm thoại.
- Xây dựng đề án.

C. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

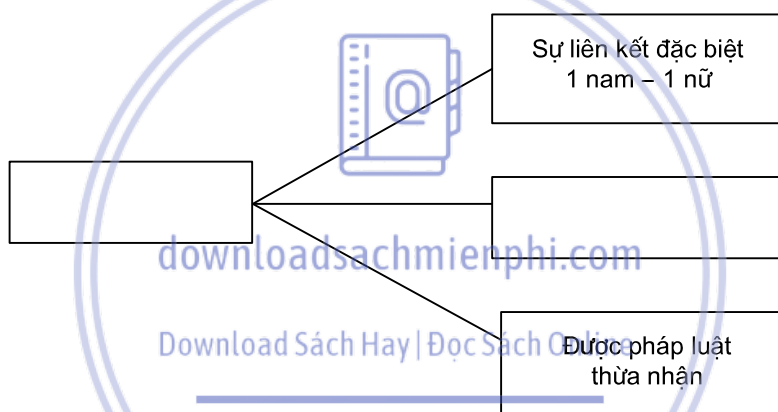
- SGK, sách GV GDCD lớp 9.
- Luật thuế.
- Các ví dụ thực tế liên quan đến lĩnh vực kinh doanh và thuế.
- Giấy khổ lớn, bút dạ.

D. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ

Câu 1: Điền vào ô trống sơ đồ sau:



- GV: Gọi 2 HS lên bảng điền vào ô trống.
- HS: Cả lớp suy nghĩ.
- GV: Nhận xét, đánh giá, cho điểm.

3. Bài mới

<i>Hoạt động của GV và HS</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
-------------------------------	-------------------------

Hoạt động 1
GIỚI THIỆU BÀI

• Điều 57 (Hiến pháp 1992)

“Công dân có quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật”.

• Điều 80 (Hiến pháp 1992)

“Công dân có nghĩa vụ đóng thuế và lao động công ích theo quy định của pháp luật”.

– GV: Đặt câu hỏi: Hiến pháp 1992 quy định quyền và nghĩa vụ gì của công dân?

– HS: Trả lời: Gạch chân ý chính “Tự do kinh doanh”, “Thuế”.

– GV: Để hiểu rõ những vấn đề này chúng ta học bài hôm nay.

Lưu ý: GV ghi 2 điều luật này lên bảng phụ, giấy khổ to hoặc chiếu lên máy.

Hoạt động 2
TÌM HIỂU NỘI DUNG CỦA PHẦN ĐẶT VẤN ĐỀ

– GV: Tổ chức HS thảo luận nhóm.

– GV: Có thể ghi các thông tin lên bảng phụ hoặc chiếu lên bảng để HS cả lớp theo dõi.

– HS: Chia lớp thành 3 nhóm.

– GV: Gợi ý HS thảo luận các vấn đề sau:

Nhóm 1:

Câu 1: Hành vi vi phạm của X thuộc lĩnh vực gì?

Câu 2: Hành vi vi phạm đó là gì?

I. Đặt vấn đề

Nhóm 1:

– Hành vi vi phạm của X thuộc lĩnh vực sản xuất, buôn bán.

– Vi phạm về sản xuất, buôn bán hàng giả.

Nhóm 2:

Câu 1: Em có nhận xét gì về mức thuế của các mặt hàng trên?

Câu 2: Mức thuế chênh lệch có liên quan đến sự cần thiết của các mặt hàng với đời sống của nhân dân không? Vì sao?

Nhóm 3:

Câu 1: Những thông tin trên giúp em hiểu được vấn đề gì?

Câu 2: Thông tin trên giúp em rút ra được bài học gì?

- HS: Các nhóm thảo luận.
- HS: Cử đại diện nhóm trình bày.
- HS : Cả lớp nhận xét.
- GV : Chốt lại ý kiến các nhóm.
- GV: Chỉ ra các mặt hàng rôm, thuốc lá là loại có hại, ô tô là hàng xa xỉ, vàng mã lãng phí, mê tín dị đoan...
- GV: Nói rõ tình trạng nhập lậu xe ô tô qua biên giới, nhập lậu rượu Tây và làm rượu giả.

Nhóm 2:

- Các mức thuế của các mặt hàng chênh lệch nhau (cao và thấp).
- Mức thuế cao là để hạn chế ngành mặt hàng xa xỉ, không cần thiết đối với đời sống nhân dân. Mức thuế thấp khuyến khích sản xuất, kinh doanh mặt hàng cần thiết đến đời sống nhân dân.

Nhóm 3:

- Những thông tin trên giúp em hiểu được những quy định của nhà nước về kinh doanh, thuế.
- Kinh doanh và thuế liên quan đến trách nhiệm công dân được nhà nước quy định.

- GV: Sản xuất muối, nước, trồng trọt, chăn nuôi, đồ dùng học tập là rất cần thiết cho con người...
- GV : Kết luận phân thảo luận.

Hoạt động 3

LIÊN HỆ THỰC TẾ VỀ KINH DOANH VÀ THUẾ

- GV : Từ các thông tin trên, chúng ta tìm hiểu thực tế để hiểu rõ hơn nội dung bài học.
- HS: Trao đổi cả lớp.
- GV: Đưa ra câu hỏi thảo luận:

Câu 1: Theo em, những hành vi nào sau đây công dân kinh doanh đúng và sai pháp luật? Vì sao?

- a) Người kinh doanh phải kê khai đúng số vốn.
- b) Kinh doanh đúng mặt hàng, đã kê khai.
- c) Kinh doanh đúng ngành đã kê khai.
- d) Có giấy phép kinh doanh.
- e) Kinh doanh hàng lậu, hàng giả.
- g) Kinh doanh mặt hàng nhỏ không phải kê khai.
- h) Kinh doanh mại dâm, ma túy.

Câu 2: Những hành vi nào sau đây vi phạm về thuế? Vì sao?

- 1) Nộp thuế đúng quy định.
- 2) Đóng thuế đúng mặt hàng kinh doanh.
- 3) Không dây dưa trốn thuế.
- 4) Không tiêu dùng tiền thuế của nhà nước.
- 5) Kết hợp với hộ kinh doanh tham ô thuế nhà nước.

Câu 1:

– Kinh doanh đúng pháp luật:

(a), (b), (c), (d).

– Kinh doanh sai pháp luật:

(e), (g), (h).

Câu 2:

Những hành vi vi phạm về thuế: 5, 6, 7.

6) Dùng tiền thuế làm việc cá nhân.

7) Buôn lậu trốn thuế.

Câu 3: Kể tên các hoạt động sản xuất, dịch vụ và trao đổi hàng hoá mà em biết?

- HS: Phát biểu ý kiến cá nhân.
- HS: Cả lớp góp ý, trao đổi.
- GV: Nhận xét, bổ sung và kết luận đáp án đúng.
- GV: Gọi ý HS giải thích vì sao đúng, sai.
- GV: Nhấn mạnh trong cuộc sống của con người rất cần đến sản xuất, dịch vụ và trao đổi, giúp con người tồn tại và phát triển.
- GV: Kết luận, chuyển ý.

Câu 3:

- Sản xuất bánh kẹo, lúa gạo, nuôi gà, lợn, trâu bò, vải, quần áo, sách vở, xe đạp...
- Dịch vụ, du lịch, vui chơi, gội đầu, cắt tóc...
- Trao đổi bán lúa gạo, thịt cá, bánh kẹo, mua sách vở, gạo, quần áo.

Hoạt động 4 TÌM HIỂU NỘI DUNG BÀI HỌC

- GV: Tổ chức cho HS thảo luận cả lớp nhằm giúp HS hiểu thế nào là tự do kinh doanh, thuế và ý nghĩa, vai trò của thuế.
- GV: Gọi ý HS trao đổi các câu hỏi sau:
 - 1) Kinh doanh là gì?
 - 2) Thế nào là quyền tự do kinh doanh?
 - 3) Thuế là gì?

II. Nội dung bài học

4) Ý nghĩa của thuế?

5) Trách nhiệm của công dân với tự do kinh doanh và thuế?

– HS: Độc lập suy nghĩ.

– HS : Phát biểu cá nhân.

– HS: Cả lớp phát biểu, trao đổi.

– GV: Gợi ý, bổ sung.

– GV: Chốt lại ý kiến đúng, ghi lên bảng hoặc chiếu lên máy.

– HS: Đọc lại một lần nội dung bài học cả lớp cùng nghe.

– HS: Ghi bài vào vở.

– GV: Nhắc nhở HS yêu cầu tự do kinh doanh là đúng pháp luật.

– GV: Giới thiệu thêm tính bắt buộc của việc nộp thuế.

Ngân sách nhà nước chi trả cho các mặt đời sống xã hội.

– GV: Bổ sung thêm kiến thức ngoài SGK.

* *Tác dụng thuế:*

– Đầu tư phát triển kinh tế công, nông nghiệp, xây dựng giao thông vận tải (đường sá, cầu cống...).

1. *Kinh doanh:* là hoạt động sản xuất, dịch vụ và trao đổi hàng hoá.

2. *Quyền tự do kinh doanh:* là quyền của công dân lựa chọn hình thức tổ chức kinh tế, ngành nghề và quy mô kinh doanh.

3. *Thuế:* là khoản thu bắt buộc mà công dân và tổ chức kinh tế có nghĩa vụ nộp vào ngân sách nhà nước.

4. *Ý nghĩa:*

– Ổn định thị trường.

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> – Phát triển y tế, giáo dục, văn hóa, xã hội (Bệnh viện, trường học...). – Đảm bảo các khoản chi cần thiết cho tổ chức bộ máy nhà nước, cho quốc phòng, an ninh... | <ul style="list-style-type: none"> – Điều chỉnh cơ cấu kinh tế. – Đầu tư, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội... |
|---|--|
5. *Trách nhiệm:*
- Tuyên truyền, vận động gia đình, xã hội thực hiện quyền và nghĩa vụ về kinh doanh và thuế.
 - Đấu tranh với những hiện tượng tiêu cực trong kinh doanh và thuế.
- GV: Kết luận, chuyển ý.

Hoạt động 5 **GIẢI BÀI TẬP SGK**

- GV: Cho HS luyện tập cả lớp.
- GV: Ghi bài tập lên bảng phụ hoặc chiếu lên máy.

Bài 3 (SGK) trang 47

- GV: Gọi 2 – 3 HS lên bảng.
- HS: Cả lớp trao đổi, bổ sung ý kiến.
- GV: Chốt lại đáp án đúng và đánh giá cho điểm.

Bài 9 (Sách tình huống GDĐD lớp 9) trang 45

- GV: Gợi ý : Đây là bài tập luyện thêm để củng cố kiến thức về quyền và nghĩa vụ của công dân đối với thuế.
- HS: Trả lời cá nhân.
- HS: Cả lớp góp ý kiến.

III. Bài tập

Đáp án đúng: (c), (đ), (e).

Đáp án:

Quyền: 1, 2.

Nghĩa vụ: 3, 4.

- GV: Nhận xét, đánh giá, cho điểm HS có ý kiến tốt.
- GV: Kết luận, chuyển ý.

4. Củng cố

Hoạt động 6

LUYỆN TẬP CÙNG CỐ KIẾN THỨC

- GV: Tổ chức cho HS trò chơi đóng vai.
- HS: Cử đại diện tham gia.
- HS: Tự phân vai, xây dựng lời thoại.
- GV: Giao cho HS xử lý tình huống sau:

Ngày 20/11, một số HS bán thiệp chúc mừng và hoa trước cổng trường, bị cán bộ thuế của Phường yêu cầu nộp thuế.

- HS: Cả lớp tham gia góp ý.
- GV: Nhận xét, đánh giá.

GV: Kết luận toàn bài

Kinh doanh và thuế là 2 lĩnh vực không thể thiếu trong đời sống xã hội. Con người và xã hội tồn tại và phát triển cần đến hoạt động của 2 lĩnh vực này. Tuy nhiên, mọi công dân, mọi tổ chức tham gia phải có quyền và nghĩa vụ đối với kinh doanh và thuế, để góp phần xây dựng nền kinh tế, tài chính quốc gia ổn định, vững mạnh.

5. Dặn dò

- Bài tập 1, 2 trang 47 SGK.
- Xem trước bài 14: “Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân”.

E. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hiến pháp năm 1992.
- Luật thuế.
- Bộ luật Hình sự 1999.

- * Ngày 25/3/2004, lực lượng phòng chống buôn lậu Tổng cục hải quan đã phối hợp với Phòng An ninh kinh tế công an Hà Nội triệt phá thành công một đường dây buôn lậu Móng Cái – Bắc Ninh.
- * Nguyễn Thị Bạch Yến – Giám đốc trung tâm thương mại Gia Định, Ngô Quốc Bửu – Giám đốc Công ty TNHH Minh Đại, Trần Minh Hoàng – công ty xuất nhập khẩu thuỷ sản, Thân Đức Tâm – Phó Giám đốc Công ty TNHH Giao Thuỷ bị bắt vì lừa đảo, chiếm đoạt hơn 5 tỷ đồng tiền hoàn thuế VAT.



Bài 14

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ LAO ĐỘNG CỦA CÔNG DÂN

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

HS cần hiểu được:

1. Kiến thức

- Lao động là gì?
- Ý nghĩa quan trọng của lao động đối với con người và xã hội.
- Nội dung quyền và nghĩa vụ lao động của công dân.

2. Kỹ năng

- Biết được các loại hợp đồng lao động.
- Một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động.
- Điều kiện tham gia hợp đồng lao động.

3. Thái độ

- Có lòng yêu lao động, tôn trọng người lao động.
- Tích cực, chủ động tham gia các công việc chung của trường, lớp.
- Biết lao động để có thu nhập chính đáng cho mình, gia đình và xã hội.

B. PHƯƠNG PHÁP

GV có thể sử dụng kết hợp các phương pháp sau:

- Thuyết trình, đàm thoại.
- Thảo luận.
- Phương pháp kích thích tư duy.
- Phương pháp giải quyết vấn đề.

C. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

- SGK, sách GV GD CD lớp 9.
- Hiến pháp 1992 – Bộ luật Lao động năm 2002.
- Giấy khổ lớn, bút dạ.
- Những tấm gương lao động giỏi, biết làm giàu cho mình, gia đình và xã hội.

D. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**1. Ổn định tổ chức****2. Kiểm tra bài cũ**

Bài tập: Chị Hằng đăng kí kinh doanh mặt hàng “Rượu – bia – thuốc lá”, nhưng trong đợt kiểm tra đột xuất, đội quản lí thị trường xã H phát hiện chị Hằng đã kinh doanh thêm 6 mặt hàng không có trong danh mục đăng kí.

Chị Hằng có vi phạm “Quyền tự do kinh doanh” không?

**3. Bài mới**

<i>Hoạt động của GV và HS</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
-------------------------------	-------------------------

Hoạt động 1
GIỚI THIỆU BÀI

Từ xa xưa con người đã biết làm ra công cụ bằng đá tác động vào tự nhiên (trồng lúa, làm đồ gốm...) tạo ra của cải vật chất phục vụ cuộc sống của mình. Dần dần, khoa học và kĩ thuật được phát minh và phát triển, công cụ lao động được cải tiến và hiệu quả sản xuất ngày càng cao, phục vụ đầy đủ hơn các nhu cầu ngày càng đa dạng phong phú của mình. Có được thành quả đó chính là nhờ con người biết lao động.

Để hiểu về lao động cũng như quyền và nghĩa vụ lao động của công dân, chúng ta học bài hôm nay.

Hoạt động 2

PHÂN TÍCH TÌNH HUỐNG TRONG PHẦN ĐẶT VẤN ĐỀ

Để HS có thể nắm bắt được các khái niệm, nội dung của bài học.

- GV : Cho HS phân tích tình huống.
- GV: Cho HS đọc 1 lần các tình huống trên để cả lớp cùng nghe.
- GV: Gợi ý cho HS trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1: – Ông An đã làm việc gì?

- Việc ông An mở lớp dạy nghề cho trẻ em trong làng có ích lợi gì?
- Việc làm của ông An có đúng mục đích hay không?

Câu 2: Suy nghĩ của em về việc làm của ông An?

- HS: Thảo luận cả lớp.
- HS: Làm việc cá nhân.
- HS: Phát biểu từng câu hỏi.

I. Đặt vấn đề

Câu 1:

- Ông An tập trung thanh niên trong làng mở lớp dạy nghề, hướng dẫn họ sản xuất, làm ra sản phẩm lưu niệm bằng gỗ để bán.
- Việc làm của ông giúp các em có tiền đảm bảo cuộc sống hàng ngày và giải quyết những khó khăn cho xã hội.
- Việc làm của ông là đúng mục đích.

Câu 2:

Ông An đã làm một việc rất có ý nghĩa, tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho mình, người khác và xã hội.

- HS: Cả lớp tham gia góp ý kiến.
- GV: Nhận xét, lựa chọn phương án đúng.
- GV: Giải thích cho HS biết được việc làm của ông An sẽ có người cho là bóc lột, lợi dụng sức lao động của người khác để trục lợi.
(Vì trên thực tế đã có hành vi như vậy).
- GV: Cho HS hiểu bức xúc về vấn đề việc làm hiện nay của thanh niên, gây những khó khăn, bất ổn cho xã hội, cho nhà nước như thế nào.
(Trong đó có tệ nạn xã hội).
- GV: Đọc cho HS nghe khoản 3, điều 5 của Bộ luật Lao động: “...mọi hoạt động tạo ra việc làm, tự tạo việc làm, dạy nghề và học nghề để có việc làm. Mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh thu hút nhiều lao động đều được nhà nước khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi hoặc giúp đỡ.”
- GV: Kết luận, chuyển ý.

Hoạt động 3

TÌM HIỂU SƠ LƯỢC VỀ BỘ LUẬT LAO ĐỘNG VÀ Ý NGHĨA CỦA BỘ LUẬT LAO ĐỘNG

- GV : Ngày 23/6/1994, Quốc hội khoá IX của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua Bộ luật Lao động và ngày 2/4/2002 kì họp thứ XI quốc hội khoá X thông qua luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động, đáp ứng yêu cầu của sự phát triển kinh tế – xã hội trong giai đoạn mới. Bộ luật Lao động là văn bản pháp lí quan trọng, thể chế hoá quan điểm của Đảng về lao động.

- GV: Có thể ghi nội dung này lên bảng phụ, hoặc chiếu lên máy.
- HS: Đọc 1 lần nội dung và tìm hiểu về các vấn đề của Bộ luật Lao động.
- GV: Chốt lại ý chính.

Bộ luật Lao động quy định:

- Quyền và nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động.
- Hợp đồng lao động.
- Các điều kiện liên quan như: bảo hiểm, bảo hộ lao động, bồi thường thiệt hại.

- GV: Đọc điều 6 (*Bộ luật Lao động*)"
- Người lao động là người ít nhất đủ 15 tuổi, có khả năng lao động và có giao kết hợp đồng lao động.

Những quy định lao động của người chưa thành niên.

- GV: Kết luận, chuyển ý.

Hoạt động 4

TÌM HIỂU NỘI DUNG BÀI HỌC

- GV: Từ các nội dung đã học trên, HS rút ra định nghĩa lao động là gì?
- HS : Cả lớp cùng trao đổi.
- HS: Bày tỏ ý kiến cá nhân.
- GV: Nhận xét, chốt lại ý chính.
- HS: Ghi bài vào vở.

II. Nội dung bài học

1. Khái niệm lao động:

Lao động là hoạt động có mục đích của con người nhằm tạo ra của cải, vật chất và các giá trị tinh thần cho xã hội.

Lao động là hoạt động chủ yếu quan trọng nhất của con người, là nhân tố quyết định sự tồn tại, phát triển của đất nước và nhân loại.

GV kết luận Tiết 1:

Con người muốn tồn tại và phát triển cần có những nhu cầu thiết yếu: ăn, mặc, ở, uống... Để thỏa mãn những nhu cầu đó, con người cần phải lao động và nhu cầu của con người ngày càng tăng thì lao động ngày càng được cải tiến, cần có sự điều chỉnh các mối quan hệ. Lao động giúp cho loài người ngày càng phát triển.

Tiết 2

<i>Hoạt động của GV và HS</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
– GV: Cho HS nhắc lại khái niệm lao động ở phần nội dung bài học Tiết 1. – HS: Nhắc lại câu hỏi. – GV: Tổ chức cho HS thảo luận. – HS: Chia thành 3 nhóm. – GV: Gọi ý HS các nhóm trả lời các câu hỏi sau: Nhóm 1: <i>Câu 1:</i> Quyền lao động của công dân là gì?	

Câu 2: Nghĩa vụ lao động của công dân là gì?

Nhóm 2: (Thảo luận tình huống 2 phần đặt vấn đề trong SGK).

Câu 1: Bản cam kết giữa chị Ba và Giám đốc Công ty TNHH Hoàng Long có phải là hợp đồng lao động không? Vì sao?

Câu 2: Chị Ba tự ý thôi việc là đúng hay sai? Có vi phạm hợp đồng lao động không?

Câu 3: Hợp đồng lao động là gì? Nguyên tắc, nội dung, hình thức hợp đồng lao động?

Nhóm 3:

Câu 1: Quy định của Bộ luật Lao động đối với trẻ em chưa thành niên?

Câu 2: Những biểu hiện sai trái sử dụng sức lao động trẻ em mà em được biết? Liên hệ trách nhiệm bản thân?

- HS: Các nhóm thảo luận.
- HS: Cử đại diện các nhóm trình bày.
- HS: Cả lớp nhận xét, bổ sung ý kiến.
- GV: Nhận xét, chốt lại nội dung bài học.
- HS: Ghi bài vào vở.



2. Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân

– *Quyền lao động:* Mọi công dân có quyền làm việc, có quyền sử dụng sức lao động của mình để học nghề, tìm kiếm việc làm, lựa chọn nghề nghiệp có ích cho xã hội, đem lại thu nhập cho bản thân, gia đình.

Từ đáp án của nhóm 2.

Câu 1: Chị Ba và Giám đốc Công ty TNHH thảo luận và cam kết một hợp đồng lao động.

Vì:

– Chị Ba (người lao động) + Công ty TNHH (người sử dụng lao động).

– Nội dung cam kết: Việc làm, tiền công, thời gian làm việc, các điều kiện khác...

Câu 2: Việc làm của chị Ba là sai vì đã vi phạm hợp đồng lao động.

– *Nghĩa vụ lao động:*
Mọi người có nghĩa vụ lao động để tự nuôi sống bản thân, nuôi sống gia đình, góp phần sáng tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho xã hội, duy trì và phát triển đất nước.

3. Hợp đồng lao động

a. Khái niệm: Hợp đồng lao động là sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả công, điều kiện lao động, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động.

b. Nguyên tắc:

Thỏa thuận tự nguyện, bình đẳng.

c. Nội dung:

– Công việc phải làm, thời gian, địa điểm.

– Tiền lương, tiền công, phụ cấp.

– Các điều kiện bảo hiểm lao động, bảo hộ lao động.

Câu 3: HS trả lời

- GV: Nhận xét, chốt lại ý kiến nội dung.
- GV: Liên hệ thực tế lao động của trẻ em ở địa phương và cả nước:
- + Bắt trẻ em bỏ học để lao động kiếm tiền.
- + Có em chỉ 12, 13, 14 tuổi phải làm công việc nặng nhọc như: đốt than, đốn củi...
- + Trẻ em tham gia, dẫn dắt khách mại dâm, ma túy...
- GV: Động viên HS có nhiều ý kiến liên hệ bản thân.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

- GV: Kết luận, chuyển ý.

Hoạt động 5

HƯỚNG DẪN HỌC SINH LÀM BÀI TẬP SGK

- GV: Sử dụng phiếu học tập.
- GV: Phát phiếu có bài tập in sẵn cho HS.
- HS: 1/2 lớp làm bài tập 1 SGK.
1/2 lớp làm bài tập 3 SGK.

4. Quy định của Bộ luật Lao động đối với trẻ chưa thành niên

- Cấm trẻ em chưa đủ 15 tuổi vào làm việc.
- Cấm sử dụng người dưới 18 tuổi làm việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại.
- Cấm lạm dụng, cưỡng bức, ngược đãi người lao động.

5. Trách nhiệm của bản thân

- Tuyên truyền, vận động gia đình, xã hội thực hiện quyền và nghĩa vụ lao động của người công dân.
- Góp phần đấu tranh những hiện tượng sai trái, trái pháp luật trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ lao động của người công dân.

III. Bài tập

- HS: Giải bài tập vào phiếu.
- GV: Cử 2 HS trả lời.
- HS : Cả lớp nhận xét.
- GV: Bổ sung và đưa ra đáp án đúng.
- HS: Ghi bài tập đã chữa vào vở.
- GV: Giải thích vì sao?

Bài tập 1 (trang 50)

Đáp án đúng: (a), (b), (đ), (e).

Bài tập 3 (trang 50)

Đáp án đúng: (c), (đ), (e).

(Nếu còn thời gian, GV cho HS làm bài tập 6)
Nếu không, bài tập 6 dùng cho phần củng cố kiến thức.

- GV: Gợi ý các bài tập còn lại.

4. Củng cố

Hoạt động 6

RÈN LUYỆN VÀ Củng cố KIẾN THỨC

- GV: Tổ chức cho HS xử lí các tình huống sau:

Tình huống 1:

Hà (16 tuổi) học dở dang lớp 10/12, vì gia đình khó khăn nên em xin đi làm ở một xí nghiệp nhà nước.

Hỏi: Hà có được tuyển vào biên chế nhà nước không?

Đáp án: Hà không được tuyển vào biên chế nhà nước vì lí do: tuổi, nghề nghiệp, bằng cấp...

Tình huống 2:

Nhà trường phân công lớp 9A lao động vệ sinh bàn ghế trong lớp. Một số bạn đề nghị lấy quỹ lớp thuê người làm.

Hỏi: Em có đồng tình với ý kiến của các bạn đó không?

Đáp án: Không đồng tình với ý kiến thuê người làm.

Tình huống 3:

Hiện nay, tình trạng trẻ em lang thang cơ nhỡ rất nhiều ở các đô thị, thành phố lớn. Các em làm rất nhiều việc để kiếm sống, kể cả tham gia các tệ nạn xã hội.

Hỏi: Em có thể đóng góp những giải pháp nào?

– GV: Có thể chia lớp theo nhóm thảo luận.

Hoặc GV tổ chức trò chơi đóng vai xử lý tình huống.

– GV cùng HS xử lý các tình huống để giúp các em hiểu được vai trò, ý nghĩa của lao động và trách nhiệm của bản thân.

GV củng cố toàn bài

“Có khó mới có miếng ăn,
Không dưng ai dễ đem phần đến cho”
(Ca dao)

“Nhờ trời mưa thuận gió hoà,
Nào cây nào cây trẻ già đua nhau,
Chim, gà, cá, lợn, chuối, cau,
Mùa nào thức ấy giữ màu nhà quê”.

(Ca dao)

Những câu ca dao trên đã khắc hoạ một bức tranh lao động của người Việt Nam ta, từ bao đời nay tinh thần lao động đúng đắn được hình thành trong quá trình xây dựng đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Mỗi người công dân Việt Nam yêu nước nói chung, HS chúng ta nói riêng phải tích cực lao động để làm giàu cho mình, gia đình và xã hội. Có thái độ phê phán những hiện tượng tiêu cực trong xã hội để thực hiện mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”

Đáp án:

– Gia đình, nhà trường và xã hội cùng hợp tác để khắc phục khó khăn.

– Bản thân các bạn phải tự nỗ lực bản thân.

– Có nhiều hoạt động thu hút các em tham gia...

5. DẶN DÒ

- Bài tập 2, 4, 5, 6 trang 50, 51 SGK.
- Sưu tầm tục ngữ, ca dao nói về lao động
- Xem trước bài 15: “Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí của công dân”.

E. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hồ Chí Minh toàn tập Tập IX.
- Hiến pháp năm 1992.
- Bộ luật Lao động năm 2002.



Bài 15

VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÍ CỦA CÔNG DÂN

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

HS cần hiểu được:

1. Kiến thức

- Thế nào là vi phạm pháp luật, các loại vi phạm pháp luật.
- Khái niệm trách nhiệm pháp lí và ý nghĩa của việc áp dụng trách nhiệm pháp lí.

2. Kỹ năng

- Biết xử sự phù hợp với quy định của pháp luật.
- Phân biệt được hành vi tôn trọng pháp luật và vi phạm pháp luật để có thái độ và cách cư xử phù hợp.

3. Thái độ

- Hình thành ý thức tôn trọng pháp luật, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật.
- Tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.
- Thực hiện nghiêm túc quy định của pháp luật.

B. PHƯƠNG PHÁP

GV có thể sử dụng kết hợp các phương pháp sau:

- Phương pháp diễn giải.
- Phương pháp thảo luận.
- Giải quyết vấn đề.

C. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

- SGK, sách GV GDCD lớp 9.
- Hiến pháp 1992.
- Bộ luật Hình sự năm 1999.
- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.
- Luật Giao thông đường bộ.
- Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002.
- Các bài báo về những vấn đề liên quan đến vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.
- Bài tập, ví dụ minh họa.
- Máy chiếu, đầu video (nếu có).

D. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ

Bài tập: (GV ghi bài tập lên bảng phụ, giấy khổ to hoặc chiếu lên máy).
Em làm được việc gì sau đây:

- Lao động giúp đỡ gia đình làm nghề truyền thống.
- Ngoài giờ học giúp đỡ bố mẹ công việc nhà.
- Tôn trọng sức lao động của người khác.
- Mua sắm ủng hộ người mù.
- Tham gia lao động vệ sinh đường phố.
- Vệ sinh lớp học.
- Còn nhỏ, chỉ đi học chứ không phải lao động.

(HS lên bảng đánh dấu x vào ☐).

– HS : Cả lớp nhận xét.

– GV: Nhận xét, đánh giá cho điểm.

☐
☐
☐
☐
☐
☐
☐
☐

Tiết 1**3. Bài mới**

<i>Hoạt động của GV và HS</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
-------------------------------	-------------------------

Hoạt động 1
GIỚI THIỆU BÀI

GV đưa ra các thông tin:

- Ngày 29/2/2004, công an phường H đã *xử phạt hành chính* bà Hân và yêu cầu bà tháo dỡ mái che *lấn chiếm vỉa hè*.
- Tháng 2/2004, Lê Thị Thơm, sinh năm 1983 ở Tỉnh Gia – Thanh Hoá đã bị bắt vì tội *lừa đảo ăn cắp xe máy có hệ thống*. Thơm phải chịu *trách nhiệm hình sự* vì những hành vi của mình gây nên.
- Tòa án nhân dân huyện T đã xử phạt ông Hà phải hoàn trả lại ông Tân số tiền vay 5 triệu đồng cùng với lãi suất tính theo lãi suất ngân hàng nhà nước Việt Nam theo điều 471 của *Bộ luật Dân sự* (vì ông Hà đây đưa không trả theo đúng quy định).
- Bạn Nguyễn Văn Nam, học sinh lớp 9 trường Trung học cơ sở H *thường xuyên đi học muộn*, giáo viên chủ nhiệm và nhà trường đã xử lí rất nghiêm khắc hành vi *vi phạm kỉ luật* của Nam.
- GV : Đặt câu hỏi:
Câu 1: Nêu các hành vi vi phạm của 4 trường hợp trên.
Câu 2: Các biện pháp xử lí (còn gọi là trách nhiệm pháp lí) của nhà nước đối với các hoạt động trên.
- GV: Có thể viết 4 ví dụ lên bảng cho HS gạch chân các ý kiến cần trả lời.
- GV: Để hiểu rõ về vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lí của công dân với việc thực hiện Hiến pháp, pháp luật. Chúng ta học bài hôm nay.

Hoạt động 2

**TÌM HIỂU CÁC THÔNG TIN CỦA PHẦN ĐẶT VẤN ĐỀ
ĐỂ HS NHẬN BIẾT HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT**

- GV: Tổ chức cho HS cùng trao đổi.
- GV : Lập bảng (hoặc trả lời các câu hỏi).

I. Đặt vấn đề

- HS : Trên cơ sở của Hoạt động 1, mỗi HS nhận xét 1 hành vi và điền vào các cột (Vì giới hạn của bảng, phần hậu quả HS tự suy luận thêm).
- GV: Gợi ý, đưa ra các câu hỏi theo các cột trong bảng.
- HS : Trả lời cá nhân.
- HS : Cả lớp cùng trao đổi.
- GV: Điền các ý kiến đúng của HS vào bảng.

– GV: Giải thích vì sao hành vi (3) không có lỗi, không vi phạm.

– GV: Giải thích vì sao hành vi (6) không vi phạm pháp luật, mà là vi phạm nội quy an toàn lao động.

Bảng 1

	Hành vi	Chủ ý thực hiện		Hậu quả	Vi phạm pháp luật	
		Có	Không		Có	Không
1	– Xây nhà trái phép. – Đổ phế thải...	X		– Tắc cống, ngập nước.	X	
2	– Đua xe máy vượt đèn đỏ, gây tai nạn giao thông.	X		– Thiệt hại về người và của.	X	
3	– Tâm thần đập phá.		X	– Phá tài sản quý.		X
4	– Cướp giật dây chuyền, túi xách người đi đường.	X		– Gây tổn thất tài chính cho người khác.	X	
5	– Vay tiền dây dợ không trả.	X		– Tiền.	X	
6	– Chặt cành, tỉa cây mà không đặt biển báo.	X		– Người bị thương.		X

– GV: Tiếp tục cho HS trả lời bảng 2.

– HS : Trên cơ sở kiến thức của bảng, mỗi HS nhận xét và điền vào các cột.

Bảng 2

Hành vi thứ tự theo SGK	Trách nhiệm Pháp lí		Phân loại vi phạm
	Phải chịu	Không chịu	
1	X		Vi phạm pháp luật hành chính.
2	X		Vi phạm pháp luật dân sự.
3		X	Không
4	X		Vi phạm pháp luật hình sự
5	X		Vi phạm pháp luật dân sự.
6	X		Vi phạm kỉ luật.

– HS : Làm việc cá nhân.

– HS : Cả lớp cùng góp ý.

– GV: Ghi ý kiến đúng vào bảng.

– GV: Giải thích vì sao hành vi (3) không chịu trách nhiệm pháp lí.

– Vì người đó không có năng lực trách nhiệm pháp lí.

– GV: Kết luận hoạt động 1 và 2: Thông qua 2 phần thảo luận (Hoạt động 1 và 2) chúng ta bước đầu tìm hiểu, nhận biết một số khái niệm liên quan đến vi phạm pháp luật. Đó là các yếu tố của hành vi vi phạm pháp luật.

Hoạt động 3

TÌM HIỂU KHÁI NIỆM VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ PHÂN LOẠI VI PHẠM PHÁP LUẬT

– GV : Từ các hoạt động trên, HS tự rút ra khái niệm về vi phạm pháp luật.

– GV: Gợi ý HS trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1: Vi phạm pháp luật là gì?

Câu 2: Có các loại vi phạm nào?

– HS : Trả lời cá nhân.

– HS : Cả lớp nhận xét, bổ sung.

– GV: Đưa ra ý kiến đúng về khái niệm.

– HS : Ghi vào vở.

– HS : Đọc lại nội dung SGK.

1. Vi phạm pháp luật:

Là hành vi trái pháp luật, có lỗi, do người có năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện, xâm hại đến các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

2. Các loại vi phạm pháp luật:

– Vi phạm pháp luật hình sự.

– Vi phạm pháp luật hành chính.

– Vi phạm pháp luật dân sự.

– Vi phạm kỉ luật.

GV kết luận Tiết 1: Con người luôn có các mối quan hệ như: quan hệ xã hội, quan hệ pháp luật. Trong quá trình thực hiện các quy định, quy tắc, nội dung của nhà nước đề ra thường có những vi phạm. Những vi phạm đó sẽ ảnh hưởng đến bản thân, gia đình và xã hội. Xem xét vi phạm pháp luật giúp chúng ta thực hiện tốt các quy định, tránh xa tệ nạn xã hội, giúp cho gia đình và xã hội bình yên.

Tiết 2

<i>Hoạt động của GV và HS</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
-------------------------------	-------------------------

– GV: Cho HS làm bài tập để kiểm tra bài cũ đồng thời dẫn dắt nội dung phần sau.

– HS : Điền vào bảng ý kiến cá nhân.

Bài tập: Nêu hành vi vi phạm và biện pháp xử lí mà em được biết trong thực tế cuộc sống.

<i>Hành vi</i>	<i>Loại vi phạm</i>	<i>Biện pháp xử lí</i>
– Vứt rác bừa bãi. – Cãi nhau, gây mất trật tự nơi công cộng. – Lấn chiếm vỉa hè.	Vi phạm hành chính	Xử phạt hành chính
– Trộm xe máy. – Cướp giật tài sản.	Vi phạm hình sự	Hình phạt của Bộ luật Hình sự
– Mượn xe máy để đi lấy tiền.	Vi phạm dân sự	Bồi thường dân sự
– Viết, vẽ bậy lên tường của lớp học.	Vi phạm kỉ luật	Phê bình trước lớp

– GV: Từ bài tập trên gợi ý.

– HS : Trả lời các câu hỏi:

Câu 1: Trách nhiệm pháp lí là gì?

Câu 2: Các loại trách nhiệm pháp lí là gì?

3. Trách nhiệm pháp lí:

Là nghĩa vụ pháp lí mà cá nhân, tổ chức cơ quan vi phạm pháp luật phải chấp hành những biện pháp bắt buộc do nhà nước quy định.

- GV: Từ bài tập trên gợi ý HS đưa ra biện pháp xử lý chính là trách nhiệm pháp lý của công dân.
- GV: Cho HS nêu rõ thế nào là các loại trách nhiệm?
- HS : Đọc lại nội dung SGK 1 lần.
- HS : Ghi bài vào vở.

- GV: Đặt câu hỏi có liên quan đến trách nhiệm công dân, từ đó gợi ý HS liên hệ trách nhiệm bản thân.
- HS : Cùng trao đổi.
- GV: Nhận xét.

4. Các loại trách nhiệm pháp lý:

- Trách nhiệm hình sự.
- Trách nhiệm dân sự.
- Trách nhiệm hành chính.
- Trách nhiệm kỉ luật.

5. Ý nghĩa của trách nhiệm pháp lý:

- Trừng phạt, ngăn ngừa, cải tạo, giáo dục người vi phạm pháp luật.
- Giáo dục ý thức tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật.
- Răn đe mọi người không được vi phạm pháp luật.
- Hình thành, bồi dưỡng lòng tin vào pháp luật và công lí trong nhân dân.
- Ngăn chặn, hạn chế, xoá bỏ vi phạm pháp luật trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

6. Trách nhiệm:

*** Đối với công dân:**

- Chấp hành nghiêm chỉnh hiến pháp, pháp luật.
- Đấu tranh hành vi, việc làm vi

- HS : Ghi bài vào vở.
- GV : Đọc Điều 12 Hiến pháp năm 1992.
- GV: Kết luận, chuyển ý.

phạm hiến pháp và pháp luật.

* *Đối với HS:*

- Tuyên truyền vận động mọi người thực hiện tốt hiến pháp và pháp luật.
- Có lối sống lành mạnh, học tập và lao động tốt.
- Tránh xa tệ nạn xã hội.
- Đấu tranh các hiện tượng xấu, vi phạm pháp luật.

Hoạt động 4

LUYỆN TẬP CÁC BÀI TẬP SGK

- GV: Cho HS giải bài tập trong SGK.

Bài 1: (SGK) Trang 55.

Bài 5: (SGK) Trang 56.

Bài 6: (SGK) Trang 56.

- GV : Viết sẵn bài tập lên bảng phụ hoặc vào giấy khổ to (Chiếu lên máy nếu có).

- HS : Sử dụng phiếu học tập của GV chuẩn bị sẵn.

- HS : Làm việc cá nhân.

- HS : Cả lớp nhận xét.

- GV: Đưa ra đáp án đúng và đánh giá ý kiến HS (cho điểm HS có ý kiến tốt).

- GV: Giải thích thêm cho bài 5 là vì

Đáp án Bài 1:

Có trong SGK

Đáp án Bài 5:

sao đúng, vì sao sai.

– GV: Lấy ví dụ minh hoạ cho phần trả lời.

– GV: Đây là bài khó, HS cần được gợi ý và giải thích thêm.

– Ý kiến đúng: (c), (e)

– Ý kiến sai: (a), (b), (d), (đ).

Bài 6: So sánh trách nhiệm đạo đức và trách nhiệm pháp lí.

	<i>Trách nhiệm đạo đức</i>	<i>Trách nhiệm pháp lí</i>
Giống nhau	– Là những quan hệ xã hội và các quan hệ xã hội này được pháp luật điều chỉnh, nhằm làm cho quan hệ giữa người với người ngày càng tốt đẹp, công bằng, trật tự, kỉ cương. Mọi người đều phải hiểu biết và tuân theo các quy tắc, quy định mà đạo đức và pháp luật đưa ra.	
Khác nhau	– Bằng tác động của dân sự xã hội. – Lương tâm cắn rứt.	– Bắt buộc thực hiện. – Phương pháp cưỡng chế của nhà nước.

– GV: Kết luận, chuyển ý.

4. Củng cố

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Hoạt động 5

RÈN LUYỆN THỰC TẾ VÀ Củng Cố KIẾN THỨC

– GV: Sẽ có 2 phương án thực hiện cho hoạt động này.

Phương án 1: Tổ chức trò chơi sắm vai.

– GV: Đưa ra các tình huống.

Tình huống 1: Nam, học sinh lớp 9 nhận chuyển gói hàng mà không biết gói hàng trong đó có ma túy.

Tình huống 2: Tú (14 tuổi), học lớp 9 mượn xe máy của bố lạng lách, vượt

đền đồ, gây tai nạn.

– HS : Chia thành 2 nhóm thực hiện.

– HS : Tự phân vai, xây dựng kịch bản, lời thoại.

Phương án 2: – GV phát cho HS bài tập trách nhiệm về trật tự an toàn giao thông đường bộ.

– HS : Trả lời tại lớp.

– GV : Chữa bài và đánh giá (cho điểm HS có ý kiến đúng, nhanh nhất).

Bài tập: An toàn giao thông đường bộ (Đánh dấu ý kiến đúng).

Câu 1: Xe máy, mô tô 2 bánh được chở nhiều nhất là mấy người?

1. Hai người, kể cả người lái xe.
2. Ngoài người lái xe chỉ được chở thêm một người ngồi phía sau và 1 trẻ em dưới 7 tuổi.

Câu 2: Tốc độ tối đa được phép chạy trong thành phố, thị xã, thị trấn với ô tô chở hàng quá tải, quá khổ, xe kéo móc hay kéo xe khác bị hỏng là bao nhiêu km/h?

- | | |
|-------------|-------------|
| 1. 15 km/h. | 3. 20 km/h. |
| 2. 25 km/h. | 4. 10 km/h. |

Câu 3: Trong thành phố, thị xã, thị trấn, loại xe nào chạy tốc độ tối đa 30 km/h?

1. Hai xe kéo nhau hoặc xe kéo rơ-môc.
2. Các loại xe con.
3. Các loại mô tô 2 – 3 bánh.
4. Xích lô máy, xe máy.

Câu 4: Người điều khiển xe mô tô (Hạng A1, A2) phải đủ bao nhiêu tuổi?

1. 16 tuổi.
2. 18 tuổi.
3. 20 tuổi.

Câu 5: Hành vi nào của người điều khiển xe máy, mô tô, xích lô máy bị phạt tiền 200.000đ?

1. Điều khiển xe máy chạy tốc độ cao từ trong nhà, ngõ, hẻm ra

đường chính và ngược lại.

2. Điều khiển xe chưa có đăng kí, không có biển số hoặc biển số giả.
3. Cả hai hành vi trên.

GV kết luận toàn bài: Công dân có quyền và nghĩa vụ thực hiện hiến pháp, pháp luật nhà nước quy định. Là công dân tương lai của đất nước, ngay từ khi còn là học sinh chúng ta cần nắm vững, hiểu biết về hiến pháp, pháp luật, có trách nhiệm tuyên truyền mọi người dân thực hiện, có cuộc sống lành mạnh, tránh xa tệ nạn xã hội, đem lại sự bình yên cho gia đình và xã hội. Bản thân là một công dân tốt.

5. Dặn dò

- Bài tập 2, 3, 4 trang 55, 56 SGK.
- Xem trước bài 16.
- Xem lại kiến thức quyền công dân lớp 6, 7, 8 và một số điều của Hiến pháp 1992.

E. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Luật Hành chính.
- Luật Dân sự.
- Luật Hình sự.
- Bộ luật Dân sự – Hình sự.
- Hiến pháp năm 1992.
- Nghị định 15/2003 ND – CP Quy định về xử phạt giao thông đường bộ.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 16

QUYỀN THAM GIA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ XÃ HỘI CỦA CÔNG DÂN

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Hiểu được nội dung quyền tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội của công dân.
- Cơ sở của quyền tham gia quản lý nhà nước và quản lý xã hội của công dân.
- Quyền và nghĩa vụ công dân trong việc tham gia quản lý nhà nước và quản lý xã hội.

2. Kỹ năng

- Biết cách thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và quản lý xã hội của công dân.
- Tự giác, tích cực tham gia các công việc chung của trường, lớp và địa phương.
- Tránh thái độ thờ ơ, trốn tránh công việc chung của lớp, trường và xã hội.

3. Thái độ

- Có lòng tin yêu và tình cảm đối với nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động xã hội.

B. PHƯƠNG PHÁP

Đây là bài học có nội dung kiến thức tổng hợp liên quan đến nhiều bài trong chương trình GD&ĐT lớp 6, 7, 8, (như: Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam,...).

- Phương pháp thảo luận nhóm.
- Kích thích tư duy.
- Phương pháp đề án.

C. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

- SGK, sách GV GDCD lớp 9.
- Hiến pháp năm 1992, Luật khiếu nại, tố cáo, Luật bầu cử đại biểu Quốc hội (Phân quy định tiêu chuẩn Đại biểu Quốc hội), Luật bầu cử Hội đồng nhân dân.
- Sơ đồ nội dung bài học.

D. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ

Bài tập: Hành vi nào sau đây chịu trách nhiệm đạo đức, trách nhiệm pháp lí:

Hành vi vi phạm	Trách nhiệm đạo đức	Trách nhiệm pháp lí
– Không chăm sóc bố mẹ khi ốm đau.		
– Đi xe máy chưa đủ tuổi, không có bằng lái.		
– Ăn cắp tài sản của nhà nước.		
– Lấy của bạn cái bút.		
– Giúp người lớn vận chuyển ma túy.		

- GV: Gọi HS lên bảng ghi ý kiến đúng vào các cột tương ứng.
- HS : Cả lớp nhận xét.
- GV: Nhận xét, đánh giá.

Tiết 1**3. Bài mới**

<i>Hoạt động của GV và HS</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
-------------------------------	-------------------------

Hoạt động 1
GIỚI THIỆU BÀI

- GV gợi ý HS trả lời các câu hỏi (nội dung này GV dặn dò từ tiết trước).
- Câu 1:* Ở lớp 6, 7, 8, các em đã học người công dân có các quyền cơ bản nào?
- Câu 2:* Vì sao mỗi người công dân có được các quyền đó?
- Câu 3:* Ngoài những quyền đã nêu, người công dân còn có quyền nào khác?
- HS : Trả lời cá nhân.
- GV: Gợi ý, động viên HS.
(GV cần bổ sung vì kiến thức này HS đã học lâu).
- GV : Để tìm hiểu thêm các quyền khác nữa của công dân, chúng ta học bài hôm nay.

Hoạt động 2

TÌM HIỂU CÁC THÔNG TIN CỦA PHẦN ĐẶT VẤN ĐỀ

- GV: Cho HS tự đọc phần đặt vấn đề trong SGK và trả lời các câu hỏi:
- Câu 1:* Những quy định trên thể hiện quyền gì của người dân?
- Câu 2:* Nhà nước quy định những quyền đó là gì?
- Câu 3:* Nhà nước ban hành những quy định đó để làm gì?
- HS: Bày tỏ ý kiến cá nhân.
- HS : Cả lớp tham gia góp ý.
- GV: Nhận xét, bổ sung ý kiến của HS.

Câu 1: Những quy định thể hiện quyền:

- Tham gia góp ý kiến dự thảo, sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992.
- Tham gia bàn bạc và quyết định các công việc của xã hội.

Câu 2: Những quy định đó là quyền tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội của công dân.

Câu 3: Những quy định đó là để xác định quyền và nghĩa vụ công dân đối với đất nước trên mọi lĩnh vực.

GV kết luận:

Công dân có quyền được tham gia quản lí nhà nước và xã hội, vì nhà nước ta là nhà nước của dân, do dân và vì dân. Nhân dân có quyền, có trách nhiệm giám sát hoạt động của các cơ quan, tổ chức nhà nước, đồng thời có nghĩa vụ thực hiện tốt các chính sách và pháp luật của nhà nước, giúp đỡ, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức nhà nước thực thi công vụ.

– GV: Để tìm hiểu nội dung của quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội của công dân, GV gợi ý cho HS lấy ví dụ thực hiện quyền này của công dân và HS.

(Trong nhà trường và địa phương).



Ví dụ:

*** Đối với công dân:**

- Tham gia góp ý kiến xây dựng Hiến pháp, pháp luật.
- Tham gia sửa đổi, bổ sung xây dựng Hiến pháp, pháp luật.
- Chất vấn đại biểu Quốc hội về các lĩnh vực trong đời sống, xã hội.
- Tố cáo, khiếu nại những việc làm sai trái của cơ quan quản lí nhà nước.
- Bàn bạc, quyết định chủ trương xây dựng các công trình phúc lợi công cộng.
- Xây dựng các quy ước của xã, thôn về nếp sống văn minh và chống tệ nạn xã hội.

*** Đối với HS:**

- Góp ý kiến về xây dựng nhà trường không có ma túy.
- Bàn bạc, quyết định việc quan tâm đến HS nghèo vượt khó.
- Ý kiến với nhà trường về tình trạng học ca 3,

bàn ghế của học sinh, vệ sinh môi trường.

– GV: Bổ sung ý kiến và kết luận.

Hoạt động 3

TÌM HIỂU NỘI DUNG BÀI HỌC

– GV : Hoạt động (3) này vừa kết thúc Tiết 1 và cũng là nội dung của Tiết 2.

GV có thể vận dụng sáng tạo tùy thời gian để thực hiện.

– GV: Tổ chức cho HS thảo luận nhóm.

– HS : Chia theo nhóm hoặc đơn vị tổ.

– GV : Gợi ý HS trả lời các câu hỏi sau:

Nhóm 1: Nêu nội dung của quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội – có ví dụ minh họa.

Nhóm 2: Cách thực hiện quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội như thế nào? Ví dụ?

Nhóm 3: Nhà nước tạo điều kiện, đảm bảo gì cho công dân?

Nhóm 4: Ý nghĩa của quyền tham gia quản lí nhà nước và quản lí xã hội.

– HS : Các nhóm thảo luận.

– HS : Cử đại diện các nhóm lên trình bày.

– HS : Cả lớp nhận xét.

– GV : Kết luận, đưa ra ý kiến đúng.

– HS : Ghi nội dung bài học.

II. Nội dung bài học

1. Nội dung quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội

– Tham gia xây dựng bộ máy nhà nước và tổ chức xã hội.

- HS : Lấy một vài ví dụ.
 - GV: Ghi ví dụ lên bảng.
- Để kết thúc thảo luận của nhóm 1, GV cho HS làm bài tập 1 (SGK).
- HS : Cả lớp làm bài tập.
- (Các nhóm 2, 3, 4 chưa phải thảo luận).
- GV : Cử 2–3 em HS trả lời bài tập.
 - HS : Cả lớp bổ sung, góp ý.
 - GV: Đưa ra đáp án đúng.



- Tham gia bàn bạc công việc chung.
- Tham gia thực hiện và giám sát, đánh giá việc thực hiện các hoạt động, các công việc chung của nhà nước, xã hội.

Bài tập 1 (SGK) trang 59:

Đáp án: Tất cả các quyền sau đều thể hiện quyền tham gia quản lí nhà nước, xã hội của công dân:

- Quyền bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.
- Quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân.
- Quyền khiếu nại, tố cáo.
- Quyền giám sát, kiểm tra hoạt động của cơ quan nhà nước.

- GV: Nhắc nhở HS thông qua bài tập này, củng cố kiến thức đã học và chứng minh cho nội dung của quyền tham gia quản lí nhà nước, xã hội mà nhóm 1 vừa thực hiện và cũng là để củng cố kiến thức Tiết 1.
- GV: Kết luận Tiết 1.

Tiết 2

<i>Hoạt động của GV và HS</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
– GV: Tiếp tục cho các nhóm đã chuẩn bị trình bày.	2. Phương thức thực hiện * <i>Trực tiếp</i>: Tự mình tham gia các công việc thuộc về quản lí nhà nước, xã hội.
– GV: Gọi ý HS lấy ví dụ. – GV: Ghi ví dụ của HS lên bảng. <i>Ví dụ:</i> – Tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội. – Tham gia ứng cử vào Hội đồng nhân dân. <i>Ví dụ:</i> – Góp ý xây dựng, phát triển kinh tế địa phương. – Góp ý việc làm của cơ quan quản lí nhà nước trên báo.	* <i>Gián tiếp</i>: Thông qua đại biểu nhân dân để họ kiến nghị lên cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

– GV: Gợi ý thêm quyền làm chủ của công dân:

+ Làm chủ tự nhiên.

+ Làm chủ xã hội.

+ Làm chủ bản thân.

– GV: Gợi ý: Thực hiện mục tiêu xây dựng đất nước: “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

3. Ý nghĩa của quyền tham gia quản lí nhà nước, xã hội của công dân

– Đảm bảo cho công dân quyền làm chủ, tạo nên sức mạnh tổng hợp trong công việc xây dựng và quản lí đất nước.

– Công dân có trách nhiệm tham gia các công việc của nhà nước, xã hội để đem lại lợi ích cho bản thân, xã hội.

4. Điều kiện đảm bảo để thực hiện quyền tham gia quản lí nhà nước, xã hội của công dân

* *Nhà nước:*

– Quy định bằng pháp luật.

– Kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

* *Công dân:*

– Hiểu rõ nội dung, ý nghĩa và cách thực hiện.

– Nâng cao phẩm chất, năng lực và tích cực tham gia thực hiện tốt.

* *Bản thân:*

- GV: Gợi ý HS phát biểu ý kiến về trách nhiệm bản thân.
- + Học tập tốt, lao động tốt và rèn luyện ý thức kỉ luật.
- + Tham gia, góp ý, xây dựng lớp, chi đoàn.
- + Tham gia các hoạt động ở địa phương (Xây nhà tình nghĩa, tuyên truyền kế hoạch hoá gia đình, bài trừ tệ nạn xã hội).

Hoạt động 4

LUYỆN TẬP VÀ HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP

- GV: Tổ chức cho HS giải bài tập bằng phiếu học tập.
- HS : Cả lớp được phát phiếu (có thể phát phiếu theo từng bàn để HS trong bàn cùng trao đổi).
- GV: Gợi ý HS giải bài tập sau:

Bài tập 2 (SGK) trang 59

Em tán thành quan điểm nào dưới đây? Vì sao?

- a) Chỉ cán bộ công chức nhà nước mới có quyền tham gia quản lí nhà nước.
- b) Tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội là quyền của mọi người.
- c) Tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội là quyền và trách nhiệm của mọi công dân.

Bài 6 (Sách Tình huống GD&ĐT) trang 54

Công dân ở địa phương xã, thôn có quyền gì sau đây để tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội?

- Mức đóng góp phúc lợi công cộng.
- Xây dựng cơ sở hạ tầng ở địa phương.

- Xây dựng trường học, bệnh xá.
- Xây dựng nhà tình nghĩa.
- Giữ gìn trật tự an toàn xã hội.
- Phòng chống tệ nạn xã hội.
- Xây dựng hương ước của làng.
- Xây dựng làng văn hoá.
- HS : Làm bài tập.
- GV: Cử 2 em lên bảng trả lời.
- HS : Cả lớp tham gia trao đổi.
- GV: Nhận xét, đưa ra đáp án đúng và đánh giá, cho điểm HS có ý kiến đúng.

Đáp án:

Bài 2 (SGK)

- Ý kiến đúng: (c).

Bài 6 (Sách TH GD CD)

- Tất cả các ý kiến đều đúng.



- GV: Kết luận, chuyển ý.

4. Củng cố

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Hoạt động 5

RÈN LUYỆN Củng cố kiến thức

Phương án 1:

- GV: Tổ chức cho HS tham gia diễn đàn ngắn (Tuỳ thời gian GV có thể thực hiện được).
- HS : Bài tỏ ý kiến, quan điểm về vấn đề quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội của học sinh trung học cơ sở nói chung và học sinh lớp 9 nói riêng.

- HS : Trình bày, nêu những băn khoăn thắc mắc của bản thân.
- HS : Cả lớp có thể hỏi, chất vấn cùng trao đổi.
- GV: Bày tỏ ý kiến có lí, có tình thể hiện ủng hộ hoặc phê phán quan điểm đúng, sai của HS.
- GV : Gợi ý cho HS nói rõ thêm ý thức trách nhiệm của bản thân với tập thể lớp.

Phương án 2:

GV kẻ sơ đồ nội dung bài học sách hướng dẫn của GV.

- GV: Gợi ý HS trả lời các câu hỏi (theo nội dung bài học).
- GV: Liệt kê ý kiến HS và ghi nội dung lên bảng.
- HS : Đọc lại nội dung bài học một lần.
- GV: Lưu ý: Hệ thống kiến thức của bài thể hiện cụ thể trong sơ đồ. HS có thể về nhà học sơ đồ cũng rất hiệu bài.

GV: Củng cố toàn bài: Quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội của công dân là quyền chính trị quan trọng nhất, đảm bảo cho công dân thực hiện quyền làm chủ, thực hiện trách nhiệm của công dân. Công dân phải hiểu rõ nội dung của quyền đó và không ngừng học tập nâng cao nhận thức và năng lực để sử dụng hiệu quả quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội, góp phần xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp hơn

5. Dặn dò

- Làm bài tập 3, 4, 5, 6 trang 59, 60 SGK.
- Đọc trước bài 17: “Nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc”.
- Tìm hiểu luật: “Nghĩa vụ quân sự”.

E. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hiến pháp năm 1992.
- Liên hệ thực tiễn...



Bài 17

NGHĨA VỤ BẢO VỆ TỔ QUỐC

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

HS hiểu được:

- Vì sao cần phải bảo vệ tổ quốc.
- Nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc của công dân.
- Trách nhiệm của bản thân.

2. Kỹ năng

- Thường xuyên rèn luyện sức khỏe, luyện tập quân sự, tham gia các hoạt động bảo vệ trật tự, an ninh ở nơi cư trú và trong trường học.
- Tuyên truyền vận động bạn bè và người thân thực hiện tốt nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc.

3. Thái độ

- Tích cực tham gia các hoạt động thực hiện nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc.
- Sẵn sàng làm nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc khi đến độ tuổi quy định.

B. PHƯƠNG PHÁP

GV có thể sử dụng các phương pháp sau:

- Thảo luận nhóm.
- Đóng vai.

C. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

- SGK, sách GV GD CD lớp 9.
- Hiến pháp năm 1992, Luật nghĩa vụ quân sự, Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Tranh ảnh, băng hình, tư liệu về các hoạt động thực hiện nghĩa vụ quân sự, các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa, các hoạt động của đội dân phòng, tổ an ninh ở địa phương.
- Đồ dùng đơn giản để chơi đóng vai.

D. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ

Câu hỏi 1: HS lớp 9 có quyền tham gia, góp ý về quyền trẻ em không?

- Được quyền tham gia.
- Đây là việc của phụ huynh và thầy cô giáo.

Câu hỏi 2: Nêu ví dụ về việc làm trực tiếp, gián tiếp của bố mẹ em thực hiện quyền tham gia quản lí nhà nước, xã hội.

3. Bài mới

<i>Hoạt động của GV và HS</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
-------------------------------	-------------------------

Hoạt động 1 GIỚI THIỆU BÀI

GV giới thiệu “Bài thơ Thân” của Lí Thường Kiệt trong một đêm chờ đánh giặc Tống.

*“Sông núi nước Nam, vua Nam ở,
Rành rành định phận tại sách trời.*

*Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm,
Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời”*

Bác Hồ của chúng ta đã khẳng định chân lí:

“Không có gì quý hơn độc lập tự do”.

- HS : Suy nghĩ gì về bài thơ của Lí Thường Kiệt và chân lí của Bác Hồ khi nói về độc lập tự do?
- GV: Để hiểu rõ hơn về trách nhiệm của công dân Việt Nam trong việc bảo vệ tổ quốc giành lấy độc lập tự do, chúng ta học bài hôm nay.

Hoạt động 2
TÌM HIỂU PHẦN ĐẶT VẤN ĐỀ

- GV: Cho HS quan sát ảnh và thảo luận.
(Ngoài những bức ảnh trong SGK, GV và HS nên sưu tầm thêm).
- HS: Quan sát ảnh.
- GV: Gọi ý HS trả lời các câu hỏi sau:
 1. Nội dung các bức ảnh trên?
 2. Em có suy nghĩ gì khi xem các bức ảnh đó?
 3. Bảo vệ tổ quốc là trách nhiệm của ai?
- HS : Suy nghĩ cá nhân và trả lời.
- HS : Cả lớp góp ý kiến cá nhân.
- GV: Kết luận ý kiến đúng.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

I. Đặt vấn đề

Câu 1:

Bức ảnh 1: Chiến sĩ hải quân bảo vệ vùng biển tổ quốc.

Bức ảnh 2: Dân quân nữ cũng là một trong những lực lượng bảo vệ tổ quốc.

Bức ảnh 3: Tình cảm của thế hệ trẻ với người mẹ có công góp phần bảo vệ tổ quốc.

Câu 2: Suy nghĩ của em:

Những bức ảnh trên giúp em hiểu được trách nhiệm bảo vệ tổ quốc của mọi công dân trong chiến

tranh cũng như trong thời bình (của thanh niên, phụ nữ và những người mẹ).

Câu 3: Bảo vệ tổ quốc là sự nghiệp của toàn dân, là nghĩa vụ thiêng liêng và cao quý của công dân.

– GV: Động viên HS giới thiệu các bức ảnh khác mà các em đã chuẩn bị trước.

– GV: Kết luận, chuyển ý:

Quá trình lịch sử của đất nước ta đã chứng minh một cách rõ ràng quy luật dựng nước phải đi đôi với giữ nước. Ngày nay, xây dựng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ tổ quốc, bảo vệ thành quả cách mạng và chế độ xã hội chủ nghĩa được coi là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của toàn dân và của nhà nước ta.

Hoạt động 3

TÌM HIỂU NỘI DUNG BÀI HỌC

– GV : Tổ chức cho HS thảo luận nhóm (có thể là theo đơn vị tổ).

– HS : Chia thành 4 nhóm (hoặc 4 tổ).

– GV: Gợi ý HS trả lời các câu hỏi sau:

Nhóm 1: Bảo vệ tổ quốc là như thế nào?

Nhóm 2: Vì sao phải bảo vệ tổ quốc?

Nhóm 3: Bảo vệ tổ quốc bao gồm những nội dung gì?

Nhóm 4: HS chúng ta làm gì để góp phần bảo vệ tổ quốc?

– HS: Các nhóm thảo luận.

II. Nội dung bài học

- HS : Cử đại diện nhóm trình bày.
- HS : Cả lớp trao đổi, góp ý.
- GV : Chốt lại ý chính, ghi lên bảng hoặc chiếu lên máy.
- HS : Ghi bài vào vở.
- GV: Cho HS đọc lại 1 lần nội dung bài học.
- GV : Gợi ý: Bộ đội đảo bảo vệ vùng biển, bộ đội bảo vệ vùng trời biên giới, giữ gìn bình yên cuộc sống cho nhân dân.

– GV: Gợi ý: Ông cha chúng ta đã phải chiến đấu và chiến thắng biết bao kẻ thù trong suốt 4000 năm lịch sử, đất nước một dải từ Hà Giang đến Cà Mau là do ông cha ta xây dựng nên. Đối với đất nước ta hiện nay, tình hình kinh tế xã hội vẫn còn trong tình trạng bất ổn. Trong xã hội còn nhiều tiêu cực, công tác quản lí lãnh đạo còn yếu kém. Kẻ thù còn đang lợi dụng phá hoại chúng ta nhiều mặt, nhất là mất ổn định chính trị. Bằng nhiều thủ đoạn, chúng bao vây cấm vận, phá hoại kinh tế, tinh thần và niềm tin vào chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta.

1. Bảo vệ tổ quốc là:

Bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Vì sao phải bảo vệ?

– Non sông đất nước ta là do ông cha ta đã bao đời đổ mồ hôi, sương máu khai phá, bồi đắp mới có được.

– Hiện nay, vẫn còn nhiều thế lực thù địch đang âm mưu thôn tính tổ quốc ta.

3. Bảo vệ tổ quốc bao gồm nội dung:

– Xây dựng lực lượng quốc phòng toàn dân.

- GV: Gợi ý các hoạt động:
- + Ngày hội quốc phòng toàn dân: 22/12.
- + Tham gia thực tiễn luật nghĩa vụ quân sự (Thanh niên từ 18 tuổi đến 27 tuổi).
- GV: Gợi ý:
- + Học tập và lao động tốt thể hiện hành động bảo vệ tổ quốc.
- + Tham gia nghĩa vụ quân sự tuổi 18 – 27.
- + Học tập tốt tuần quân sự của nhà trường.
- + Ủng hộ gia đình tình nghĩa.
- + Tham gia ngày 27/7.



- GV: Kết luận, chuyển ý:
Bảo vệ tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân. Nghĩa vụ và quyền đó được thể hiện trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Hoạt động 4

TÌM HIỂU PHÁP LUẬT VIỆT NAM CÓ LIÊN QUAN ĐẾN BẢO VỆ TỔ QUỐC

- GV: Cho HS đọc tài liệu tham khảo SGK trang 64.

- Thực hiện nghĩa vụ quân sự.
- Thực hiện chính sách hậu phương quân đội.
- Bảo vệ trật tự an ninh xã hội.

4. Trách nhiệm của HS:

- Ra sức học tập, tu dưỡng đạo đức.
- Rèn luyện sức khoẻ, luyện tập quân sự.
- Tích cực tham gia phong trào bảo vệ trật tự an ninh trong trường học và nơi cư trú.
- Sẵn sàng làm nghĩa vụ quân sự, đồng thời tổ chức, vận động người khác thực hiện nghĩa vụ quân sự.

- HS : Đọc 1 lần nội dung trong SGK.
- GV: Nói rõ nội dung các điều Hiến pháp, pháp luật Việt Nam có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc.

- GV: Kết luận, hướng dẫn bài tập.
- GV: Cho HS làm bài tập SGK.

Bài 1 (SGK) trang 65

Bài 7 (Sách Tình huống GD&ĐT) trang 56

- HS : Làm việc cá nhân.
- GV : Cử 2–3 HS lên bảng giải bài tập.
- HS : Cả lớp góp ý, bổ sung.
- GV: Kết luận, đánh giá, cho điểm HS có ý kiến tốt.



- Điều khoản trong Hiến pháp 1992.
- Điều khoản trong luật nghĩa vụ quân sự.
- Điều khoản trong Bộ luật Hình sự.

Đáp án:

Bài 1:

- Đáp án đúng: (a), (c), (d), (đ), (e), (h), (i).

Bài 7:

- Đáp án đúng: (1), (2), (3), (4).

- GV: Động viên HS làm thêm bài tập SGK.

4. Củng cố

Hoạt động 5

LIÊN HỆ VÀ Củng cố KIẾN THỨC

- GV: Cho HS liên hệ các hoạt động bảo vệ tổ quốc, giữ gìn trật tự, an ninh địa phương.
- HS : Trình bày ý kiến cá nhân.
- HS : Giới thiệu về hoạt động bảo vệ tổ quốc qua các ví dụ cụ thể (tranh ảnh, băng hình).
- HS : Cả lớp cùng trao đổi
- GV: Nhận xét chung.

HS trình bày những câu chuyện mà các em đã sưu tầm và tìm hiểu.

– Chị Nguyễn Thị Bé, sinh ra và lớn lên ở Triệu Phong – Quảng Trị, khi xuất ngũ chị chỉ được đồng ý làm quản lý trong nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn, chị đã chăm sóc nơi yên nghỉ 10.624 liệt sĩ cả nước.

– Bác Lê Hạnh Phúc, tổ trưởng tổ 44 phường Đông Xuân là “Bộ đội cụ Hồ” nay đã về hưu. Bác rất quan tâm đến hoàn cảnh gia đình của từng hộ dân, bác cùng chính quyền giúp đỡ họ về vật chất và tinh thần. Bác được rất nhiều người quý nể.

– GV: Động viên HS liên hệ bản thân, trường lớp.

– Anh Nguyễn Mạnh Hiệp – huyện Sóc Sơn là một nông dân làm kinh tế giỏi, đồng thời là một người hảo tâm. Nhân dịp kỉ niệm chiến thắng Điện Biên Phủ, anh gửi tặng các Cựu chiến binh hai tỉnh Điện Biên và Lai Châu 5 triệu đồng.

– Trường em thường tổ chức các hoạt động:

+ Thi kể chuyện, văn nghệ nhân ngày 22/12.

+ Mời các chú bộ đội nói chuyện truyền thống “Anh bộ đội cụ Hồ”.

+ Học tập tốt giành điểm cao tặng chú bộ đội.

+ Mua quà tặng các chú bộ đội đóng quân ở địa phương, đảo xa, biên giới.

+ Tham gia hoạt động đền ơn đáp nghĩa.

+ Động viên anh trai, anh họ, hàng xóm thực hiện nghĩa vụ quân sự.

– GV: (Nếu còn thời gian) Tổ chức cho HS trò chơi sắm vai.

– GV: Đưa ra tình huống:

Bác An có con trai 18 tuổi có giấy gọi đi bộ đội. Bác tìm cách chạy cho con không phải đi bộ đội.

– GV: Đánh giá các hoạt động của HS và kết luận.

GV: Kết luận toàn bài: Kinh nghiệm lịch sử ngàn đời của dân tộc ta là dựng nước phải đi đôi với giữ nước. Ngày nay, trên đất nước ta đã hoàn toàn sạch bóng quân thù, nhưng ta không thể lơ lửng công cuộc giữ nước. Chúng ta phải luôn cảnh giác chống lại mọi âm mưu của kẻ thù. Học sinh chúng ta rèn luyện sức khỏe, tham gia học tập quân sự, tham gia các hoạt động bảo vệ tổ quốc, tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện nghĩa vụ quân sự.

5. Dặn dò

- Làm các bài tập 2, 3, 4 trang 65 SGK.
- Xem trước bài 18.
- Sưu tầm tục ngữ, ca dao nói về bảo vệ tổ quốc.

E. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Luật nghĩa vụ quân sự
- Hiến pháp năm 1992.
- Bộ luật Hình sự.
- Tục ngữ:



*“Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh”
“Anh hùng nào, giang sơn đây”.*

- Ca dao:

*“Bể Đông có lúc vơi đầy,
Mối thù đế quốc có ngày nào quên”.*

- Danh ngôn:

*“Cờ độc lập phải nhuộm bằng máu,
Hoa độc lập phải tưới bằng máu”.*

(Nguyễn Thái Học)

Bài 18

SỐNG CÓ ĐẠO ĐỨC VÀ TUÂN THEO PHÁP LUẬT

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

HS cần hiểu được:

- Thế nào là sống có đạo đức và tuân theo pháp luật.
- Mối quan hệ giữa sống có đạo đức với hành vi tuân theo pháp luật.
- Để sống có đạo đức và tuân theo pháp luật, cần phải rèn luyện, học tập nhiều mặt.

2. Kỹ năng

- Biết giao tiếp, ứng xử có văn hoá, có đạo đức và tuân theo pháp luật.
- Biết phân tích, đánh giá những hành vi đúng, sai về đạo đức, về pháp luật của bản thân và của mọi người xung quanh.
- Biết tuyên truyền giúp đỡ những người xung quanh sống có đạo đức, có văn hoá và thực hiện tốt pháp luật.

3. Thái độ

- Phát triển những tình cảm lành mạnh đối với mọi người xung quanh, trước hết với những người trong gia đình, thầy cô và bạn bè.
- Có ý chí, nghị lực và hoài bão tu dưỡng để trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

B. PHƯƠNG PHÁP

GV có thể sử dụng các phương pháp sau:

- Phương pháp thảo luận nhóm.
- Phương pháp đề án.
- Phương pháp tình huống.

C. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

- SGK, sách GV GDCD lớp 9.
- Tấm gương về danh nhân của đất nước, của địa phương. Những tấm gương người tốt, việc tốt của trường, của địa phương. Những tấm gương tiêu biểu đã giới thiệu trên vô tuyến truyền hình của chương trình “Người đương thời”.
- Bảng hình (Nếu có).
- Máy chiếu, đầu video (Nếu có).

D. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ

Bài tập: Những việc làm nào sau đây tham gia bảo vệ tổ quốc:

- Xây dựng lực lượng quốc phòng.
- Xây dựng lực lượng quốc phòng toàn dân.
- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ.
- Công dân thực hiện nghĩa vụ quân sự.
- Tham gia bảo vệ trật tự, an toàn xã hội.

3. Bài mới

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
------------------------	------------------

Download Sách Online

GIỚI THIỆU BÀI

GV đưa ra các hành vi sau:

- Chào hỏi, lễ phép với thầy cô.
- Đỡ một em bé bị ngã đứng dậy.
- Chăm sóc bố mẹ khi ốm đau.
- Đi bên phải đường.
- Anh em tranh chấp tài sản thừa kế.
- Bố mẹ kinh doanh trốn thuế.

Câu hỏi: Những hành vi trên đã thực hiện tốt, chưa tốt về những chuẩn mực gì?

– HS : Trả lời.

– GV: Thanh niên phải sống có đạo đức và tuân theo pháp luật. Để hiểu hơn về vấn đề này, chúng ta học bài hôm nay.

Hoạt động 2

TÌM HIỂU VỀ CHUYỆN KỂ PHẦN ĐẶT VẤN ĐỀ

– GV: Cùng HS trao đổi, khai thác chuyện kể trong SGK.

“Nguyễn Hải Thoại - một tấm gương về sống có đạo đức và làm việc theo pháp luật”. Nhằm tìm hiểu thế nào là người sống có đạo đức và tuân theo pháp luật.

– GV: Cử 2 HS có giọng đọc tốt (1 nam – 1 nữ) đọc lại chuyện kể về: “Nguyễn Hải Thoại...”

– HS : Tự đọc lại 1 lần SGK.

– GV: Gợi ý HS trả lời các câu hỏi sau.

Câu 1: Những chi tiết nào thể hiện Nguyễn Hải Thoại là người sống có đạo đức?

Câu 2: Những biểu hiện nào chứng tỏ Nguyễn Hải Thoại là người sống và làm việc theo pháp luật?

Câu 3: Động cơ nào thôi thúc anh làm được việc đó? Động cơ đó thể hiện phẩm chất gì của anh?

Câu 4: Việc làm của anh đã đem lại lợi ích gì cho bản thân, mọi người và xã hội?

– HS : Dùng bút chì gạch chân các chi tiết biểu hiện anh Nguyễn Hải Thoại...(Có thể ghi ra giấy nháp các ý chính của câu hỏi).

I. Đặt vấn đề

- GV : Cử từng HS trả lời từng câu hỏi.
- HS : Cả lớp tham gia góp ý kiến.
- GV : Nhận xét, bổ sung, liệt kê ý kiến đúng của HS lên bảng.

Câu 1: Những biểu hiện về sống có đạo đức:

- Biết tự trọng, tự tin, tự lập, có tâm, trung thực.
- Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho mọi người (ăn, ở, học hành, vui chơi, thể thao, văn hoá, văn nghệ).
- Trách nhiệm, năng động, sáng tạo (Bồi dưỡng đào tạo cán bộ, nâng cao trình độ kiến thức, mở rộng sản xuất).
- Nâng cao uy tín của đơn vị, công ty.

Câu 2: Những biểu hiện sống, làm việc theo pháp luật:

- Làm theo pháp luật.
- Giáo dục cho mọi người ý thức pháp luật và kỉ luật lao động.
- Mở rộng sản xuất theo quy định pháp luật.
- Thực hiện quy định nộp thuế, đóng bảo hiểm xã hội.

– Luôn luôn phản đối, đấu tranh với những hiện tượng làm ăn phi pháp, tiêu cực, tham nhũng, trốn thuế, đánh cắp, đánh tráo...

Câu 3:

– Động cơ thúc đẩy anh là: “Xây dựng công ty ngang tầm với sự nghiệp đổi mới của đất nước”.

– Động cơ đó thể hiện đức tính của anh là: “Sống có đạo đức và làm theo Hiến pháp, pháp luật”.

Câu 4: Việc làm của anh đã có lợi:

– Bản thân đạt danh hiệu “Anh hùng lao động trong thời kì đổi mới”.

– Công ty là đơn vị tiêu biểu của ngành xây dựng.

– Uy tín của công ty giúp cho nhà nước ta mở rộng quan hệ với các nước khác, đóng góp một phần vào công cuộc xây dựng đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

– GV: Kết luận, rút ra bài học sống và làm việc như anh Nguyễn Hải Thoại là cống hiến cho

mọi người, là trung tâm đoàn kết, phát huy sức mạnh trí tuệ của quần chúng, cống hiến cho xã hội, cho công việc, đem lại lợi ích cho tập thể trong đó có lợi ích cá nhân, gia đình và xã hội.

Hoạt động 3

LIÊN HỆ THỰC TẾ HÀNH VI SỐNG VÀ LÀM VIỆC THEO ĐẠO ĐỨC VÀ PHÁP LUẬT

– GV : Cho HS liên hệ, tìm những ví dụ minh họa, những gương tốt, sống có đạo đức và làm việc theo pháp luật và việc làm đó có lợi như thế nào.

– HS : Liên hệ: bác sĩ Lê Thế Trung, học sinh giỏi Lê Thái Hoàng, người nông dân Nguyễn Cẩm Lũy, tổng giám đốc Nguyễn Hải Thoại.

– GV: Ghi ý HS , lấy ví dụ minh họa những người có hành vi trái đạo đức, pháp luật. Và những hành vi đó làm hại bản thân, gia đình, đất nước như thế nào?

– HS : Liên hệ:

+ Tội buôn bán ma túy (Vũ Xuân Trường).

+ Giết người, cướp của, cờ bạc (Trương Văn Cam).

+ Tham ô tài sản nhà nước (Nguyễn Đức Chi) 165 tỉ đồng.

+ Lã Thị Kim Oanh tham ô tài sản nhà nước.

+ Học sinh đi thi quay cốp, thi hộ.

+ Đua xe, gây rối trật tự.

– GV: Gợi ý giúp HS trao đổi xây dựng kế hoạch, biện pháp rèn luyện đạo đức và thói quen thực hiện pháp luật.

1. Hành vi sống có đạo đức, làm việc theo pháp luật

** Tác dụng tích cực:*

2. Hành vi sống không có đạo đức làm việc trái pháp luật

** Hậu quả:*

3. Kế hoạch rèn luyện bản thân

Hoạt động 4 **TÌM HIỂU NỘI DUNG BÀI HỌC**

- GV: Tổ chức cho HS thảo luận nhóm.
- HS : Chia lớp thành 4 nhóm (hoặc thảo luận theo đơn vị tổ).
- GV: Gợi ý HS trả lời các câu hỏi sau:
Nhóm 1: Thế nào là sống có đạo đức và tuân theo pháp luật?
Nhóm 2: Quan hệ giữa sống có đạo đức và làm theo pháp luật.
Nhóm 3: Ý nghĩa của việc sống có đạo đức và làm theo pháp luật.
Nhóm 4: Liên hệ trách nhiệm bản thân.
- HS : Các nhóm thảo luận.
- HS: Cả lớp tham gia góp ý kiến.
- GV: Nhận xét, bổ sung và kết luận.
- HS : Ghi nội dung bài học.
 (GV có thể chiếu nội dung lên máy).
- HS : Đọc lại phần bài ghi vào vở một lần.
- GV: Gợi ý những chuẩn mực đạo đức: Hiếu – Trung – Tín – Lễ – Nghĩa.
- GV: Nhấn mạnh: Người sống có đạo đức là người thể hiện được những giá trị đạo đức.
- + Mọi người: Chăm lo lợi ích chung.
- + Công việc: Có trách nhiệm cao.
- + Môi trường sống: Lành mạnh, bảo vệ giữ gìn trật tự an toàn xã hội.
- + Có lí tưởng sống đẹp.
- + Bản thân: Tự tin, tự lập.

II. Nội dung bài học

1. Sống có đạo đức là:
 - Suy nghĩ, hành động theo chuẩn mực đạo đức.
 - Chăm lo việc chung, lo cho mọi người.
 - Giải quyết hợp lí giữa quyền và nghĩa vụ.
 - Lấy lợi ích xã hội, dân tộc là mục tiêu sống.
 - Kiên trì hoạt động để thực hiện mục đích.

- GV: Dùng bảng so sánh để hướng dẫn HS .

- HS : Ghi các nội dung vào bảng.



- GV: Nhận xét, bổ sung, ghi nội dung vào bảng.

- GV: Lấy ví dụ minh họa hành vi vi phạm đạo đức và vi phạm pháp luật.

- HS : Anh em tranh chấp tài sản thừa kế:

+ Anh em bất hoà (Đạo đức).

+ Toà án giải quyết (Pháp luật).

2. Tuân theo pháp luật là:

- Sống và hành động theo những quy định bắt buộc của pháp luật.

3. Quan hệ sống có đạo đức với thực hiện pháp luật

Sống có đạo đức	Thực hiện pháp luật
– Tự giác thực hiện chuẩn mực đạo đức do xã hội quy định.	– Bắt buộc thực hiện những quy định của pháp luật do nhà nước đề ra.

- Là phẩm chất bền vững của mỗi cá nhân, là động lực điều chỉnh nhận thức, thái độ, hành vi tự nguyện thực hiện pháp luật.

4. Trách nhiệm của bản thân:

- Học tập, lao động tốt.

– GV: Động viên HS có nhiều ý kiến xây dựng và biện pháp tốt.

– GV: Kết luận chuyển ý.

– Rèn luyện đạo đức, tư cách.

– Quan hệ tốt với bạn bè, gia đình và xã hội.

– Nghiêm túc thực hiện pháp luật, trong đó đặc biệt Luật Giao thông đường bộ.

Hoạt động 5

LUYỆN TẬP VÀ GIẢI BÀI TẬP SGK

– GV: Tổ chức cho HS giải bài tập SGK.

Bài 2 (SGK) trang 68, 69

– GV: Có thể cho HS làm vào phiếu học tập, hoặc ghi bài tập lên bảng phụ.

– GV: Cử 1–2 HS trả lời.

– HS : Cả lớp nhận xét.

– GV: Đưa ra đáp án đúng, đánh giá cho điểm HS có ý kiến tốt.



Bài 2 (SGK) trang 68, 69

Đáp án đúng: Hành vi biểu hiện người sống có đạo đức: (a), (b), (c), (d), (đ), (e). Hành vi biểu hiện làm việc theo pháp luật: (g), (h), (i), (k), (l).

Bài 6 (Sách Tình huống GD&ĐT): Những hành vi nào sau đây không có đạo đức và không tuân theo pháp luật?

a. Đi xe đạp hàng 3, hàng 4.

b. Vượt đèn đỏ, gây tai nạn.

c. Vô lễ với thầy cô giáo.

Đáp án:

– Không có đạo đức: c, đ.

- d. Làm hàng giả.
- đ. Quay cốp bài.
- e. Buôn bán ma túy.

– Vi phạm pháp luật: a, b, d, e.

4. Củng cố

Hoạt động 6

RÈN LUYỆN Củng Cố KIẾN THỨC

– GV: Tổ chức cho HS trò chơi sắm vai (nếu có thời gian).

– GV: Đưa ra tình huống.

Tình huống1:

Gặp một cụ già qua đường bị ngã.

Tình huống2:

Có người bị công an truy đuổi, người đó dúi vào tay người khác một gói hàng nhờ giấu hộ.

– HS : Cử 2 nhóm tham gia.

– HS: Tự phân vai, viết lời thoại.

– HS : Cả lớp nhận xét.

– GV: Đánh giá, tổng kết.

– GV cho HS làm bài tập để kiểm tra thái độ, liên hệ trách nhiệm bản thân.

Bài tập:

Những hành vi nào sau đây mà HS chúng ta phải rèn luyện?

– Có hiếu với cha mẹ.

☐

– Kính trọng, lễ phép với thầy cô.

☐

– Hoà thuận, thương yêu anh chị em trong gia đình.

☐

– Thực hiện an toàn giao thông.

☐

– Ngăn ngừa tệ nạn xã hội.

☐

GV: Kết luận toàn bài: Chương trình Sách giáo khoa GDCD lớp 6, 7, 8, 9 được cấu trúc thành 2 phần chính: Những chuẩn mực đạo đức và những chuẩn mực pháp luật nhằm giải quyết trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Nhìn vào tổng thể cho thấy những bài học trong phần đạo đức là cơ sở tạo ra nội lực để HS học phần pháp luật. Chỉ có thể hình thành được tình cảm, niềm tin thẩm mỹ đạo đức mới tạo ra được động lực hình thành, ý chí, nghị lực để điều chỉnh hành vi, hoạt động trong cuộc sống, học tập và lao động.

Bài học hôm nay giúp chúng ta có được nhận thức đúng đắn những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc, thời đại, coi đó là những chuẩn mực cần thiết của con người Việt Nam thời kì công nghiệp hoá – hiện đại hoá. Đồng thời phải tự giác thực hiện những quy định của pháp luật. Từ đó các em phải biết đánh giá ưu, nhược điểm của bản thân. Tự xây dựng kế hoạch và có ý chí rèn luyện, tránh xa những thói hư, tật xấu, tệ nạn xã hội, mang lại sự bình yên cho gia đình, xã hội.

5. Dặn dò

- Bài tập 1, 3, 4, 5, 6 trang 68, 69 SGK.
- Sưu tầm thực tế những hành vi sống có đạo đức, làm việc theo pháp luật và ngược lại.
- Tục ngữ, ca dao, danh ngôn nói về đạo đức, pháp luật.

E. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hệ thống pháp luật Việt Nam.
- Hiến pháp năm 1992.
- Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX.
- gương người tốt, việc tốt.
- Chuyện kể danh nhân.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời nói đầu	3
<i>Bài 1</i> Chí công vô tư.....	5
<i>Bài 2</i> Tự chủ	17
<i>Bài 3</i> Dân chủ và kỉ luật	30
<i>Bài 4</i> Bảo vệ hoà bình	41
<i>Bài 5</i> Tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới	53
<i>Bài 6</i> Hợp tác cùng phát triển.....	64
<i>Bài 7</i> Kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc	74
<i>Bài 8</i> Năng động, sáng tạo	88
<i>Bài 9</i> Làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả.....	100
<i>Bài 10</i> Lí tưởng sống của thanh niên.....	110
<i>Bài 11</i> Trách nhiệm của thanh niên trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.....	124
<i>Bài 12</i> Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân	136
<i>Bài 13</i> Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế	150
<i>Bài 14</i> Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân	160
<i>Bài 15</i> Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí của công dân	172
<i>Bài 16</i> Quyền tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội của công dân	184
<i>Bài 17</i> Nghĩa vụ bảo vệ <u>Tổ quốc</u>	197
<i>Bài 18</i> Sống có đạo đức và tuân theo pháp luật	207

Thiết kế bài giảng
GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9

HỒ THANH DIỆN (Chủ biên)

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI - 2005

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN KHẮC OÁNH

Biên tập: PHẠM QUỐC TUẤN

Vẽ bìa: NGUYỄN TUẤN

Trình bày: THÁI SƠN - SƠN LÂM

Sửa bản in: PHẠM QUỐC TUẤN



In 3000 cuốn, khổ 17 x 24 cm, tại Xưởng in Nhà xuất bản Thống kê.
Giấy phép xuất bản số: 02eGV/778/CXB. Cấp ngày 23/5/2005.
In xong và nộp lưu chiểu quý III/2005.

